

Số 188

VĂN HÓA

P HẬT G I Á O

*Về thăm
Tràng An*

Tr. 58

**Ôi Thần Lửa
sinh nhật!**

Tr. 29

*Những
bài học
để lại...*

Tr. 4

Chương trình Tỏa sáng nghị lực Việt
"Tôn vinh những Nick Vujicic của Việt Nam"
TÔN HOA SEN ĐỒNG TỔ CHỨC CUỘC THI VIẾT:
"Giương nghị lực phi thường"

Bài viết gửi về email:

* nghilucphithuong2013@gmail.com

* nghilucphithuong@thanhnien.com.vn

Vui lòng truy cập www.toasangnghilucviet.vn



<https://www.facebook.com/toasang.nghiluc.1>

Facebook Fanpage

facebook

<https://www.facebook.com/toasangnghilucviet>

Đơn vị tổ chức



THANHNIEN

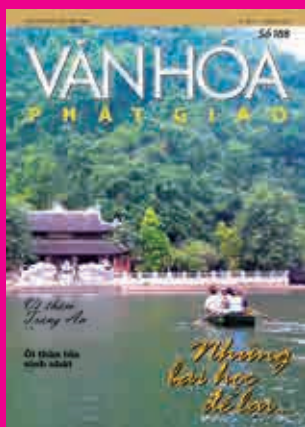
HOA SEN GROUP



TÔN HOA SEN - Mái ấm gia đình Việt

www.hoasengroup.vn





Trong số này

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
TẠP CHÍ VĂN HÓA PHẬT GIÁO
Phát hành vào đầu và giữa tháng

Tổng Biên tập
THÍCH CHƠN THIÊN

Phó Tổng Biên tập Thường trực
kiêm Thư ký Tòa soạn
TRẦN TUẤN MẦN

Phó Tổng Biên tập
THÍCH TRUNG HẬU
THÍCH MINH HIỀN

Trị sự
NGUYỄN BÔNG

Trình bày
MAI PHƯƠNG NAM

Phòng Phát hành
Trụ sở Tòa soạn VHPG
ĐT: (84-8) 3 8484 335
Cô Trần Thị Hải Đông, DD: 0907 164 066

Quảng cáo
Cô Thu Sương, DD: 0918 032 040

Tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,
Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84-8) 38484 335 - 38484 576
Fax: (84-8) 35265 569
Email: vanhoaphatgiao@vnn.vn
toasoanvhp@gmail.com

Tên tài khoản:
Tập chí Văn Hóa Phật Giáo - Ban Văn hóa
Số tài khoản: 1487000000B
Ngân hàng VPBank, Chi nhánh TP. HCM

Giấy phép hoạt động báo chí của
Bộ Thông tin và Truyền thông
Số 1878/GP. BTTTT
Ghi bán & in tại Nhà in Trần Phú
Q.1 TP. Hồ Chí Minh

Sương mai	3
Những bài học để lại... (Nguyễn Cẩn)	4
Thiền tông Việt Nam qua Thiền sư Cửu Chỉ (Nguyễn Thế Đăng)	8
Lãng quên (Lê Hải Đăng)	11
Bố cục trí tuệ của "Khóa hư kinh" (Trần Thị Thanh Vân - Thích Hạnh Tuệ)	14
Đến với bài thơ "Quạ hiền kêu đêm" của Bạch Cư Dị (Nguyễn Phúc Vĩnh Ba)	17
Ca dao địa danh Bình Định (Võ Minh Hải)	19
Chánh niệm tỉnh giác (Khánh Như)	23
Thấp thoáng lời Kinh "Đà-la-ni" (Đỗ Hồng Ngọc)	26
Ôi Thần Lửa sinh nhật! (Tấn Nghĩa)	29
Đường về cõi mộng (Phan Cát Tường)	32
Y khoa chỉ có thể giúp giảm đau đớn thể chất (Dilgo Khyentsé Rinpoché - Hoang Phong giới thiệu và dịch)	34
Chánh niệm trong dùng thuốc (Nguyễn Hữu Đức)	37
Về hiện tượng bê-tông hóa kiến trúc chùa (Nguyễn Trọng Nghĩa)	40
Thiền định (Hoàng Tá Thích)	44
Đạo diễn (Mộc Lan)	47
Ngoại cảnh và nội tâm (Phạm Lăng Yên)	48
Thơ (Triệu Nguyên Phong, Phạm Tấn Xuân Cao, Phan Thành Minh, Nhụy Nguyên, Nguyễn Thánh Ngã, Trường Khánh, Nguyễn Dũng)	50
Bảy bước đến miền cực lạc (Nhụy Nguyên)	52
Niềm vui từ một chén trà (Tư Hương)	56
Về thăm Tràng An (Trí Bửu)	58
Lời cảm ơn cuộc sống	60

Bìa 1: Đền Trình. Ảnh: Bùi Thị Thu Hằng

Thư tòa soạn

Kính thưa quý độc giả,

Cùng lúc với việc thực hiện số báo 188 này, lịch Văn Hóa Phật Giáo năm Giáp Ngọ 2014 đang được in; và trong khoảng thời gian từ hạ tuần tháng 11-2013 đến trung tuần tháng 12-2013, chúng tôi sẽ gửi lịch đến các điểm phát hành, quý độc giả dài hạn, các vị ân nhân và thân hữu như một món quà tặng để thể hiện lòng biết ơn của VHPG trước sự ủng hộ của quý vị đối với tạp chí. Với chủ đề "Góp nhặt tinh hoa", chúng tôi tin rằng lịch Văn Hóa Phật Giáo năm Giáp Ngọ 2014 cũng sẽ là một tặng phẩm có ý nghĩa.

Sau số báo này, nhân Ngày Nhà giáo Việt Nam 20-11, VHPG số 189 sẽ dành một số trang để nói về các thầy cô giáo. Kính mong quý cộng tác viên có những đóng góp cho đề tài này.

Trong thời gian qua, Ban Biên tập cũng đã nhận được một số bài viết dành riêng cho số Xuân Giáp Ngọ 2014. Số Xuân Giáp Ngọ cũng là số báo kỷ niệm VHPG tròn chín tuổi và bước vào năm hoạt động thứ mười. Bên cạnh nội dung mừng xuân, chúng tôi cũng mong quý độc giả, cộng tác viên, ân nhân và thân hữu gửi đến những ý kiến và nhận xét về hoạt động của tạp chí để chúng tôi tiếp tục có những cải tiến ngõ hầu phục vụ độc giả ngày một tốt hơn.

Tồn tại được suốt chín năm giữa vô vàn khó khăn, VHPG đã dựa vào sự ủng hộ của quý độc giả, cộng tác viên, ân nhân và thân hữu là chính.

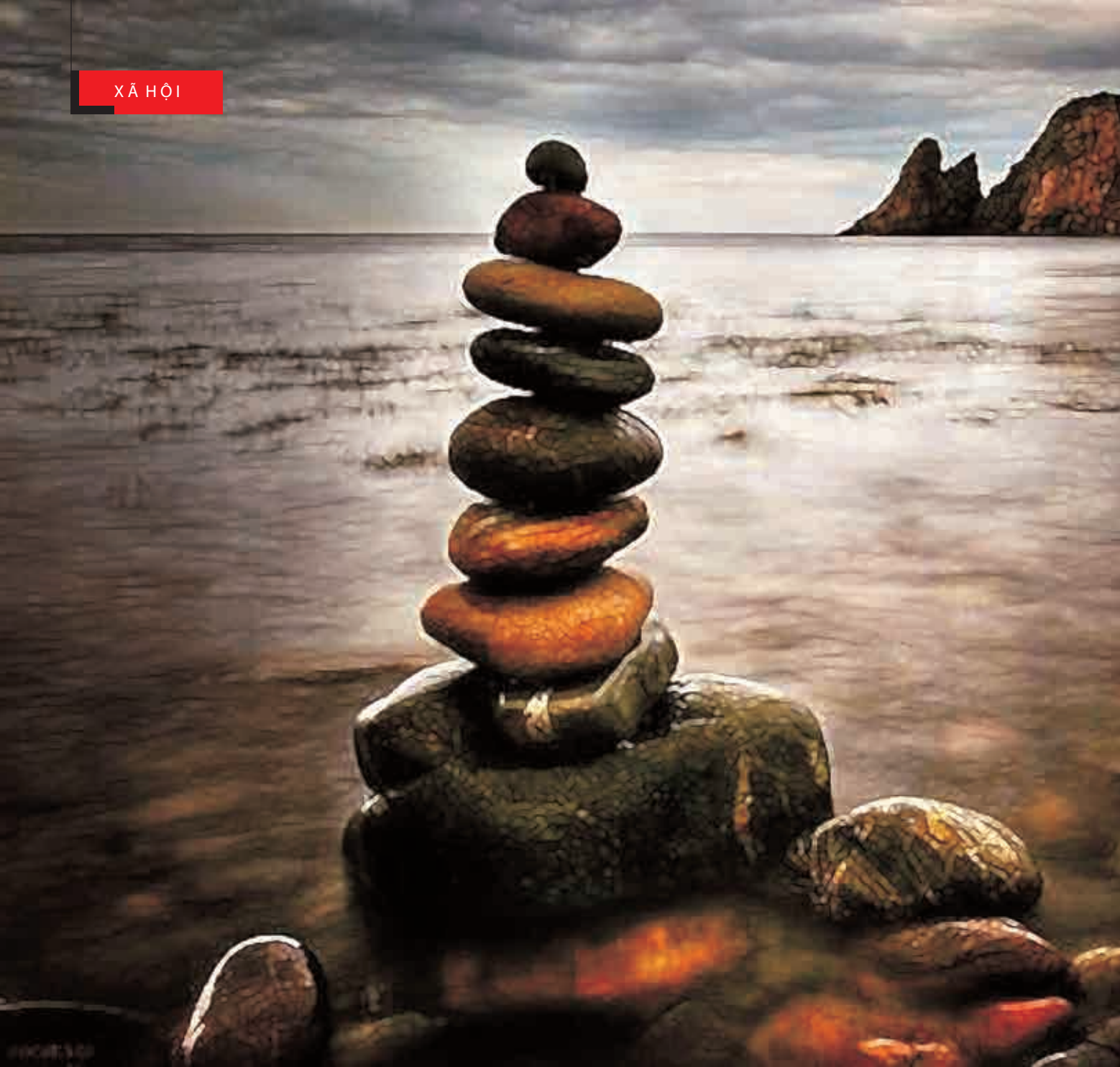
Tấm lòng của quý vị luôn là động lực thúc đẩy chúng tôi cố gắng hơn nữa trong việc giữ vững tôn chỉ và chủ trương của báo. Hơn bao giờ hết, chúng tôi tiếp tục cần có được sự ủng hộ ấy để hoàn thành tâm nguyện góp phần xây dựng một xã hội hiền thiện trên tinh thần giáo pháp của Đức Thế Tôn.

Nguyện cầu Tam bảo gia hộ mọi người luôn được an lạc.

Văn Hóa Phật Giáo



Pháp Ta dạy là với mục đích tịch tịnh
hoàn toàn, không có chấp thủ.
(*Kinh Tương Ưng Bộ - Phẩm Bệnh*)



Những bài học để lại...

NGUYỄN CẦN



Chỉ tôn kính là chưa đủ...

Sự kiện hàng triệu người dân khóc thương Đại tướng Võ Nguyên Giáp những ngày qua gây xúc động dư luận trong và ngoài nước. Những danh xưng tôn kính về ông như “Anh cả của Quân đội Việt Nam” hay “Đại tướng của lòng dân” được các phương tiện truyền thông phát trong suốt 10 ngày tang lễ... Người dân tưởng nhớ và dành cho ông những tình cảm như người thân trong gia đình vì những chiến công lẫy lừng của ông, hay chính họ cũng muốn bày tỏ lòng thương tiếc với một trong những người lãnh đạo cuối cùng của thế hệ những bậc tiền bối chỉ biết cống hiến và hy sinh, không nhuốm mùi tư lợi và tham vọng quyền lực? Nói như nhà văn Nguyễn

Ngọc Tư “Chúng ta khóc cho việc sau này chẳng còn ai đủ lớn để dân còn có thể thương chung, khóc cùng. Cúi đầu trước ông, cũng đồng nghĩa bày tỏ thái độ với những ông quan còn đang sống”. Thế nên có lẽ cần thấy rằng chỉ có tôn kính và thương tiếc thì hẳn chưa đủ, vì bậc danh tướng ấy còn để lại những bài học mà người dân Việt Nam cần chiêm nghiệm và quan trọng hơn, tiếp tục thực hiện... Nếu không thì người nằm xuống vì một nước Việt Nam độc lập nhưng chưa thực sự văn minh, cường thịnh sẽ cảm thấy khó thanh thản vì hoài bão của mình dường như chưa thỏa nguyện... Chúng ta hãy thử xem những bài học nào còn lại.

Bài học về chữ Nhẫn

Dân gian vẫn có câu: “Sông có khúc, người có lúc”. Cuộc đời của Đại tướng Võ Nguyên Giáp cũng có những khúc quanh, thăng trầm và đầy thử thách đối với bản lĩnh và nhân cách. Theo lời kể của nhiều người biết, hiểu về ông, trong suốt cuộc đời, ông không bao giờ có bất kỳ thắc mắc, tỏ ý phản đối một quyết định của tổ chức, luôn chấp hành nghiêm túc nghị quyết, quyết định của Đảng, của cấp trên. Ông không có bất kỳ biểu hiện gì, chứ đừng nói đến có phát ngôn nào, thể hiện sự phản ứng.

Đó là cách hành xử, mà như nhiều người đã nói, là hành xử theo chữ “Nhẫn”. Và “Nhẫn” của ông là để giữ gìn sự đoàn kết vì đại sự của dân tộc này. Trong vai trò Chủ tịch Ủy ban Quốc gia Dân số và Sinh đẻ có kế hoạch, có người không tin vào chữ “nhẫn” mà ông từng chịu đựng. Sự chấp thuận được hiểu là nhẫn nhục. Ông đóng vai trò to lớn trong Chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975.

Theo Tiến sĩ Lê Đăng Doanh, “Năm 1982, ông được cử làm Phó Thủ tướng phụ trách khoa học kỹ thuật và Ủy ban Dân số-Kế hoạch hóa gia đình, những lĩnh vực rất xa lạ với cuộc đời binh nghiệp của ông. Nhưng, việc nào ông cũng làm một cách rất nghiêm túc với đầy đủ tinh thần trách nhiệm. Những đóng góp của ông về chính sách khoa học - công nghệ được tất cả nhà khoa học ghi nhận” (Kinh Tế Sài Gòn, số 41-2013).

Dù phải trải qua nhiều thử thách vô cùng khó khăn, bất ngờ, ông luôn bình tĩnh, tự tin, gương mẫu thực hiện đúng kỷ luật Đảng, luôn đặt lợi ích của dân tộc lên trên hết như tinh thần “dĩ công vi thượng” mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có lần căn dặn ông ở hang Pắc Bó về công tác giáo dục cán bộ. Những lúc ấy ông làm gì? Ông vẫn tin vào chân lý của riêng mình và gìn giữ sự tự trọng, đồng thời vẫn rèn luyện thân tâm; ngoài công việc, ông tập thể dục, đi bộ, tập thiền và học chơi dương cầm một cách chăm chỉ như một người thông dong. Cũng theo Tiến sĩ Lê Đăng Doanh trong bài dẫn trên, thời gian ấy, “... ông tiếp tục sống bình thản, làm việc, phân tích tình hình, gặp gỡ các người giúp việc, ngủ ngon giấc, làm chúng tôi hết sức ngạc nhiên và khâm phục”.

Về phương diện này, ông đã “xuất xử” như kẻ sĩ trong cả thời loạn và thời bình. Chúng ta có thể liên tưởng đến hình ảnh Nguyễn Công Trứ đã phác họa chân dung con người ấy. Khi nắm quyền lực thì:

*“... Trong lang miếu, ra tài lương đồng,
Ngoài biên thùỵ rạch mũi can tương.
Làm sao cho bách thể lưu phương,
Trước là sĩ sau là khanh tướng.
Kinh luân khởi tâm thượng,
Binh giáp tàng hung trung.
Vũ trụ chi gian giai phận sự,
Nam nhi đáo thử thị hào hùng...”*

Khi gặp hoàn cảnh bất như ý, hay gặp trở ngại do hiểu lầm, do ganh ghét, thì thu mình ẩn nhẫn...

*“... Lúc vị ngộ hối tàng nơi bổng tất,
Hiếu hiếu nhiên điều Vị, canh Sằn...”*

Rồi hôm nay, khi đi xa, ông lại trở về “sống mãi” trong lòng những người đã tin yêu mình. Nói theo ngôn ngữ Bùi Giáng thì,

*“Thưa rằng ly biệt mai sau
Là trùng ngộ giữa hương màu nguyên xuân”.*

Vâng; cái bản môn xuân ấy chính là nguyên xuân của ông, của cả dân tộc này còn nguyên vẹn, chẳng qua người ta đã lãng quên để lấm lem màu dục vọng cá nhân, trong đấu tranh giành giật chức quyền, lợi lộc mà quên rằng nó vẫn ngủ yên, đợi người đánh thức ...

Vai trò kẻ sĩ thời bình

Ở trên chúng ta nói về chữ Nhẫn trong đời của Đại tướng Võ Nguyên Giáp. Đến thời hòa bình, ông vẫn không quên vai trò kẻ sĩ của mình “*Phù thế giáo một vài câu thanh nghị*” (Nguyễn Công Trứ).

Ông quan tâm nhiều đến vận nước, thời cuộc và đưa ra những kiến nghị với những nhận thức sâu sắc về các vấn đề của kinh tế hay xã hội, về chiến lược phát triển đất nước. Ông làm việc, bàn thảo rất kỹ lưỡng với anh em cán bộ, cân nhắc từng câu, từng chữ. Tất cả đều thể hiện lòng yêu nước và tinh thần trách nhiệm của ông trước tồn vong Tổ quốc.

Bài học về chinh phục nhân tâm

Ở đây chúng ta không bàn đến sách lược chiến tranh nhân dân nổi tiếng của ông, khi dựa hoàn toàn vào dân để phát triển lực lượng, biến yếu thành mạnh... Chúng ta chỉ muốn đề cập đến sức lay động lòng người của tấm gương sống là cuộc đời ông: tận trung, tận tụy, tận lực...

Khi ông nằm xuống, nói như nhà văn lịch sử Hoàng Quốc Hải: “*Bàn thờ của lòng dân sẽ là bàn thờ vĩnh cửu. Không ai phong thánh được cho ai cả, chỉ ở lòng nhân dân. Có câu thơ: “Thương dân, dân lập đền thờ / Hại dân, dân đá đập mồ thối xương”, chính là vậy!... Lịch sử dân tộc dù*

có thăng trầm, nhưng nhân dân luôn hướng vọng về các bậc hiền tài đã sống hết lòng vì dân vì nước. Tôi tin rằng người dân sẽ học hỏi được biết bao điều từ cuộc đời ông. Ông là một hiền tài đặc biệt. Dân tộc nào có hiền tài và biết cách trọng dụng, học tập theo hiền tài sẽ phát triển bền vững và được kính trọng... Người đời nay học hỏi được gì từ những điều này? Những người đang ngày ngày đối xử tệ với nhau có nghĩ lại mình? Các cán bộ tiếp dân một cách bề trên, hách dịch, khó khăn, có thấy mình có lỗi trước vong linh Đại tướng? Đó là phẩm cách cao thượng của người trí thức, của kẻ sĩ; vì Đại tướng Võ Nguyên Giáp vốn xuất thân là nhà giáo:

*Thượng vị đức, hạ vị dân
Sắp hai chữ “quân, thân” mà gánh vác,
Có trung hiếu nên đứng trong trời đất
Không công danh thả nát với cỏ cây.*
(Nguyễn Công Trứ)

Nói cách khác, đó còn là hình ảnh một nhà văn hóa. Sự ra đi của ông lay động phần “văn hóa” nhất trong lòng những người dân, đặc biệt ở nơi ông sống: Hà Nội. Nhà văn Nguyên Ngọc bộc bạch: “*Là người làm văn hóa, luôn ưu tư thời cuộc, cách đây không lâu hay mới chỉ đây thôi, tôi đã bi quan khi nhìn vào những cuộc xếp hàng dẫn đến xô xát khi mua bánh trung thu, những cuộc tranh cướp trong lễ hội hoa anh đào, những cuộc ẩu đả khi một công ty phát quà miễn phí... Những lúc ấy, tôi nghĩ đến những giá trị đẹp của Hà Nội, của người Việt và tưởng như nó đã mất rồi. Thật đau xót và lo lắng. Những ngày vừa rồi, tôi nhiều lần đến đường Hoàng Diệu để nhìn ngắm dòng người. Trong tôi có một sự thức tỉnh: Hóa ra những giá trị đẹp nhất của văn hóa, của con người vẫn còn đó và nó đã lại nổi lên”.* Nhưng ông cũng không khỏi âu lo khi kêu gọi: “*Cần làm gì đó để bắt lấy cơ hội này, chấn hưng văn hóa. Nếu chỉ tập trung vào kinh tế mà những giá trị của con người bị băng hoại, chúng ta vẫn không tiến lên được mà còn lùi sâu nữa vào sự tan vỡ. Có nhiều người đã phải kêu lên: thời đại tốt đẹp và những con người tốt đẹp đang mất đi. Trong những hiện tượng bê bối, phản ứng bất cần của từng người, của đám đông trong xã hội có thể đọc thấy sự mất niềm tin, thất vọng, chán chường. Đó là những dấu hiệu cảnh báo. Và như người ta thường nói: để giữ lấy ánh sáng, phải đẩy lùi bóng tối”.* Bởi ông e ngại sau những ngày này, cái phẩm chất ấy lại chìm, lại bị biến mất giữa những bon chen cơm áo, tranh giành quyền lợi trong một xã hội xuống cấp nhiều mặt, nhất là về văn hóa, ngọt nhạt và mờ mịt thiếu ánh sáng của sự hướng thượng - cái ánh sáng vừa được thắp lại trong những ngày lễ tang Tướng Giáp...”

Có người như nhà thơ như Việt Phương nhận định rằng sự kiện Đại tướng Võ Nguyên Giáp mất giúp ông cảm nhận được sự thay đổi để chờ một mùa gặt mới. Thế nhưng bên cạnh đó vẫn còn những băn khoăn như của Giáo sư Chu Hảo: “*Tôi trân trọng và chia sẻ ý tưởng*

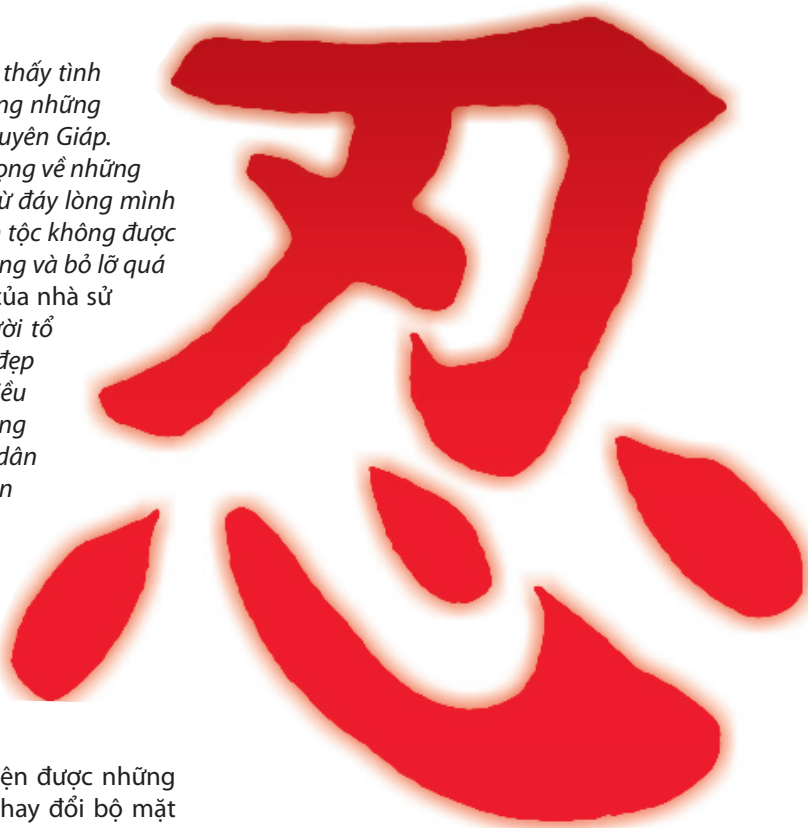
của nhà thơ Việt Phương. Ông đã nhìn thấy tình yêu và lòng tự hào dân tộc trỗi dậy trong những dòng người đến viếng Đại tướng Võ Nguyên Giáp. Điều đó khiến nhà thơ Việt Phương hy vọng về những hạt mầm mới sẽ được gieo. Tuy nhiên từ đáy lòng mình tôi vẫn nghĩ rằng dân tộc ta là một dân tộc không được may mắn cho lắm: Quá nhiều đau thương và bỏ lỡ quá nhiều cơ hội! hay những lo lắng như của nhà sử học Dương Trung Quốc: "... ai là người tổ chức chăm sóc những hạt mầm tốt đẹp cho mùa gặt mới? Rất khó làm được điều đó, nếu chúng ta không nhận ra và không phát huy được vai trò của các tổ chức dân sự xã hội, vì họ là những người thực hiện nó tốt nhất... Một mùa gieo hạt mới nhưng không có môi trường, không có điều kiện phát triển thì tất cả những hạt mầm đó cũng bị thui chột".

Các nhân sĩ thời nay đều cho rằng con đường ngắn nhất là xây dựng một xã hội dân chủ thực sự vì nếu không đi được con đường nhanh nhất đó, có thể vẫn sẽ xuất hiện được những con người có nhân cách lớn, có thể thay đổi bộ mặt đất nước, nhưng chúng ta sẽ phải chờ đợi rất lâu và cái giá mà dân tộc này phải trả cho thời gian trì hoãn sẽ là rất đắt. Bởi lẽ, cái thiếu lớn nhất hiện nay là cái nhìn về một hướng, sự toàn tâm toàn ý vì mục tiêu chung: Lợi ích quốc gia hay sự đồng thuận của toàn dân. Thử nhìn xem bao nhiêu công trình thiết thực vì dân: Những nhà máy thủy điện xây dựng thiếu quy hoạch, những sân golf tràn lan, những con đường lồi lõm, những phố ngập nước sau mưa... chưa kể tình trạng ô nhiễm không kiểm soát tốt từ thực phẩm, cho đến nước thải của các nhà máy... Thiếu tướng Lê Văn Cương nhận định thẳng thắn và hy vọng:

"Tướng Giáp mất trong bối cảnh lúc này, khi xã hội đang có nhiều khó khăn, bức xúc, rối tình trạng tha hóa, thoái hóa trong bộ máy, nạn quan liêu, tham nhũng càng khiến người dân kính yêu, tiếc thương một nhân cách sáng ngời như ông..."

... Tình cảm người dân đối với Tướng Giáp, nhất là khi ông qua đời, tạo một sức đẩy đối với Đảng và Nhà nước phải quyết liệt hơn nữa khắc phục hiện tượng tha hóa trong bộ máy công quyền".

Đó là lời nhắc nhở nghiêm khắc đối với những người ở lại phải có trách nhiệm lớn hơn với dân tộc, sống trong sáng hơn nữa để có được niềm tin của người dân. Nếu không, như một nhận định cũng của nhà sử học Dương Trung Quốc, "... như Thủ tướng Phan Văn Khải nói trước khi nghỉ hưu: "Không thể kỷ luật ai được", thì những người đó sẽ câu kết nhau thành nhóm lợi ích và tạo ra sự hủy hoại xã hội, hủy hoại lòng tin... Tôi muốn mượn câu của Cụ Hồ nói một điều: "Dân chủ là làm cho



dân mở miệng. Cái đáng sợ nhất không chỉ là người dân không dám mở miệng vì anh dùng quyền lực. Cái đáng sợ nhất là người dân không thiết mở miệng!".

Thế nên người xưa dạy rằng làm tướng chiếm được thành trì là khó nhưng không khó bằng giữ được thành. Muốn giữ thành lâu dài thì nói như Trần Hưng Đạo là phải an dân, phải khoan thư sức dân, dùng đức trị, và luôn nâng cao đời sống của dân về mọi mặt, cơm no áo ấm, sống chan hòa quan - dân như cá nước mới thu phục lòng dân... Nhiệm vụ này phải được thực hiện ngay, không thể chần chừ, không lẩn tránh vướng mắc tư lợi, thì mới bảo vệ được độc lập chủ quyền và phát triển đất nước, xứng đáng với hoài bão và tâm tư của Đại tướng Võ Nguyên Giáp trước khi ông về với tổ tiên an nghỉ đời đời... Hình ảnh những ngày qua cho thấy nhân dân luôn có sự phán xét công bình, không hề là "bầy cừu ngơ ngác", chăn dắt kiểu gì cũng được. Nói cách khác, họ chỉ nhắm đi một thông điệp: Ai thực sự vì dân vì nước, dân đều biết cả. Sự phán xét "cái quan định luận" khi đóng nắp áo quan cho một người luôn là sự phán xét trung thực và tối hậu. Suy rộng hơn, sự phán xét của lịch sử với một con người, một thời kỳ, một triều đại đều xuất phát từ lòng dân... Nếu ai đó cố ý đi ngược chiều lịch sử ắt con thuyền sẽ lật vì lòng dân luôn là ngọn gió đẩy cuốn đi những gì không phải "của dân, do dân và vì dân".

Bài học mà Đại tướng Võ Nguyên Giáp để lại thật nhiều điều phải nhớ và phải thực hiện! ■

Thiền tông Việt Nam qua Thiền sư Cứu Chỉ

NGUYỄN THẾ ĐĂNG

"Sư họ Đàm, làng Phù Đàm, phủ Châu Minh (tỉnh Bắc Ninh). Thuở nhỏ hiếu học, sách Nho sách Phật đều đọc. Một hôm cầm sách tự than: 'Khổng Mặc chấp có, Trang Lão chấp không, sách vở thế tục chẳng phải là pháp giải thoát. Chỉ có Phật giáo chẳng kể có không, có thể dứt sanh tử; nhưng phải siêng tu giữ giới, cầu thiện tri thức ấn chứng mới được'.

Do đó bỏ tục đến chùa Cẩm Ứng xin làm đệ tử của Trưởng lão Định Hương.

Giờ tham thỉnh, sư hỏi: 'Thế nào là nghĩa cứu cánh?'

Trưởng lão im lặng giây lâu, rồi hỏi lại sư: 'Hiểu chưa?'

Sư đáp: 'Chưa hiểu'.

Trưởng lão nói: 'Ta đã cho ngươi nghĩa cứu cánh'.

Sư ngẫm nghĩ.

Trưởng lão bảo: 'Qua mất rồi!'

Ngay lời nói, sư rõ được ý chỉ. Nhân đó có tên là Cứu Chỉ. Sư thuộc thế hệ thứ bảy, dòng Vô Ngôn Thông (thế kỷ XI).

Sau sư vào chùa Quang Minh núi Tiên Du, khổ hạnh

đầu đũa, sáu năm không xuống núi. Tiếng đồn tới kinh đô, vua Lý Thái Tông nhiều lần cho mời mà sư không đến. Vua ba lần thân hành đến chùa sư thăm hỏi. Thái sư Lương Văn Nhậm rất kính trọng sư.

Khoảng niên hiệu Long Thụy Thái Bình (1054-1058), Tể tướng Dương Đạo Gia lập chùa trên núi Long Đội mời sư về trụ trì. Sư rời núi, nói: 'Ta chẳng trở lại đây!'. Chim muông trong rừng kêu thương ba tuần không dứt.

Sư ở đây ba năm rồi tịch'.

Khi gặp Trưởng lão Định Hương, ngài tỏ ngộ được "nghĩa cứu cánh" chính là tâm mình. Tâm mình chính là Phật tâm, nơi đó, "phiền não trói buộc tất cả đều Không". Sự tỏ ngộ này mới chỉ là đầu mối con đường để thực sự tu hành. Nói theo thuật ngữ Khai Thị Ngộ Nhập của kinh *Pháp Hoa* thì đây mới là ngộ, còn phải tiếp tục nhập. Nói theo Đại Toàn Thiện của Ấn Tạng, đây mới chỉ là cái Thấy, còn phải bước qua giai đoạn hai là Thiền định và Hạnh, để Quả là Phật tâm hiện tiền trọn vẹn.

Thế nên, ngài vào núi ẩn tu cho đến thành tựu.

Sau đây, chúng ta nghiên cứu bài kệ thị tịch của ngài, để hiểu thêm về Nền tảng, Con đường và Quả của Thiền tông Việt Nam.

*Tất cả pháp môn
Vốn từ tánh người
Tánh tất cả pháp
Vốn từ tâm người.*

Tâm mình, tánh mình là Nền tảng chung của mọi chúng sanh, để từ đó xuất phát mọi pháp môn, mọi con đường, mọi phương tiện đi đến cứu cánh là Phật tâm, Phật tánh. Tâm mình, tánh mình khi đi đến cuối con đường chính là Phật tâm, Phật tánh. Không có Phật tâm, Phật tánh ngoài tâm mình, tánh mình.

Cho nên Thiền là khám phá Phật tâm, Phật tánh nơi chính tâm tánh mình và khai phá Nó cho đến trọn vẹn.

Khi nói mọi phương tiện, mọi pháp môn đều “vốn từ tâm mình, tánh mình” và tâm tánh đó chính là Phật tâm, Phật tánh thì có nghĩa là ngay nơi phương tiện, ngay nơi pháp môn đã vốn có cái cứu cánh, đã vốn có Phật quả. Đây chính là ý nghĩa Đốn của Thiền: “đương xứ tức chân”, “xúc mục thị Bồ-đề” (ngay chỗ này tức là Chân, chạm mắt là Bồ-đề).

*Tâm pháp nhất như
Vốn không hai pháp
Phiền não trói buộc
Tất cả đều Không.*

Tâm và pháp (thế giới hiện tượng) là nhất như. Sự đối kháng giữa chủ thể và đối tượng tiêu tan như chưa bao giờ có. Thế nên, khi chúng ngộ được tâm này thì tất cả pháp nằm ngay trong tâm này, tất cả pháp chính là tâm này. Nhất Như là Tất cả là Một Chân Như.

Trong tâm nhất như đó không có phiền não, không có các tướng sai biệt đối kháng: tất cả đều Không. Chỉ có một thực tại là tâm nhất như bao la vô tận.

*Phải trái tội phước
Tất cả đều huyễn
Không đâu chẳng phải quả, chẳng phải nhân
Chẳng ở trong nghiệp mà phân biệt báo
Chẳng ở trong báo mà phân biệt nghiệp
Nếu có phân biệt
Bèn chẳng tự tại.*

Phải trái tội phước, nhân quả nghiệp báo chỉ có trong cái phần tử, cái cá nhân. Hành động của cái phần tử, cái cá nhân chống trái xung đột nhau thì thành nhân quả nghiệp báo. Một khi đạt đến tâm Nhất như hay cái Toàn thể, thì cái cá nhân không còn để gây ra xung đột nên không còn tác nhân gây ra nghiệp để chịu báo, gây ra nhân để chịu quả.

Phải trái tội phước chỉ có trong thế giới của hình tướng sai biệt. Khi đạt đến tâm nhất như thì tất cả thế giới hình tướng sai biệt đều trở thành huyễn, vì thực sự chưa từng có sự sai biệt bao giờ, chưa từng có cái này ngăn cách với cái kia, cá nhân này ngăn cách với cá nhân nọ, nhân ngăn cách với quả, sanh tử ngăn cách với Niết-bàn.

Nhân quả luôn luôn có. Nhưng nhân quả có là ở trong

thế giới của các phần tử tương tác lẫn nhau. Còn trong cái toàn thể Nhất Như, quả của một cái này là nhân của tất cả mọi cái khác, nhân của cái này là quả của tất cả cái khác. Đây là nhân quả tương tức tương nhập, tương dung tương nhiếp của pháp giới trùng trùng duyên khởi vô tận. Tất cả là toàn thể nhân, toàn thể quả, không chia cắt, không phân biệt. Cái toàn thể nhân toàn thể quả này chính là cái Toàn thể Nhất như “không đâu chẳng phải quả, không đâu chẳng phải nhân”.

“Không đâu chẳng phải quả, chẳng phải nhân” là sự vô ngại của tất cả nhân quả. Nói theo thuật ngữ của tông Hoa Nghiêm thì đây là “Một là Tất cả, Tất cả là Một”, là “pháp giới sự sự vô ngại” của tất cả nhân và tất cả quả.

Người ta thoát khỏi nhân quả khi người ta là toàn thể nhân quả. Người ta thoát khỏi thân phận sống khi người ta là toàn thể các sóng, vì toàn thể các sóng tức là đại dương, không sanh không diệt, không tăng không giảm, không dơ không sạch. Đại dương không vì sóng nhân quả nghiệp báo có nhiều mà thêm lớn, sóng ít mà nhỏ lại. Không vì sóng có sanh diệt mà đại dương sanh diệt. Không vì sóng có dơ sạch mà đại dương dơ sạch. Đại dương không phản ứng với một sóng nào nên đại dương là tự tại.

Đây là quan điểm của Đại thừa. Giải thoát không phải là từ bỏ nhân quả của thế giới chúng sanh. Mà giải thoát là chứng ngộ tánh của nhân quả chúng sanh là pháp tánh, tức là tánh Không. Thấy biết tất cả sóng là nước đại dương. Là tất cả đại dương tức là giải thoát.

Như thế, chúng ta hiểu điều nghịch lý trong kinh Kim Cương: “tức là” đồng thời “chẳng phải”. Bậc giải thoát là một với nhân quả của tất cả chúng sanh, đồng thời chẳng phải là nhân quả của tất cả chúng sanh.

*Tuy thấy tất cả pháp
Mà vẫn không chỗ thấy
Tuy biết tất cả pháp
Mà vẫn không chỗ biết.*

Thấy biết tất cả sóng là một vị đại dương, cho nên không thấy có sóng riêng biệt mà thấy tất cả sóng là đại dương. Một sóng cũng là tất cả đại dương. Thế nên thấy mà vẫn không chỗ thấy, biết mà vẫn không chỗ phân biệt. Khi một người không còn thấy biết, không còn nhận thức các hình tướng có phân biệt thuận nghịch nhau, người ấy thấy cái Toàn thể “Một Tướng Vô Tướng”, thấy tất cả là đại dương Một Tướng, Vô Tướng, Một Vị; do đó, người ấy giải thoát.

Không chỗ thấy tức là thấy Phật: “Thấy các tướng chẳng phải tướng tức thấy Như Lai” (Kinh Kim Cương). Không chỗ biết là không phân biệt: “Tâm không phân biệt là tâm Phật” (Kinh Đại Bát-nhã).

*Biết tất cả pháp
Nhân duyên làm gốc
Thấy tất cả pháp
Chánh chân làm tông.*

Tất cả pháp sở dĩ có là do nhiều nhân duyên sanh. Tất cả pháp dường như khác biệt đều đồng là nhân

duyên sanh. Do các nhân duyên sanh nên không có tự tánh, vô tự tánh, đồng là tánh Không. Tánh Không là Chân, cho nên tánh Không còn được gọi là Chân Như. Thấy tất cả pháp đều là tánh Không tức là thấy tất cả pháp đều là Chân, đều là Chân Như. Tánh Không hay Chân Như là Nền tảng của mọi pháp môn tu hành, của tất cả ba cõi, nên được gọi là Tổng.

Tuy ở thật tế

Mà rõ thể gian

Đều như biến hóa.

Ở trong Phật tâm, Phật tánh hay Trí huệ Bát-nhã thì tuy ở đời, ở trong thế giới sai biệt, mà rõ thể gian sai biệt ấy đều như huyễn hóa. Nói theo Duy thức thì “đều do thức biến”.

Thấu rõ chúng sanh

Chỉ là một pháp

Không có hai pháp.

Khi đã đạt đến tâm hay tánh thì tất cả chúng sanh đều là tâm, là tánh. Như khi đã ở trong đại dương thì tất cả sóng đều là đại dương. Một pháp đây là Một Tâm, do đó tất cả là Một. *Kinh Hoa Nghiêm* nói: “Tâm, Phật và chúng sanh. Cả ba không sai khác”.

Chẳng bỏ nghiệp cảnh

Thiện xảo phương tiện

Ở cõi hữu vi

Bày pháp hữu vi

Mà không phân biệt

Với tướng vô vi.

Vậy nên

Hết dục, tuyệt ngã

Vọng niệm tính toán.

Biết thể gian là như huyễn, nên do lòng bi mà ở nơi như huyễn ấy, chẳng bỏ nghiệp cảnh như huyễn để dùng phương tiện thiện xảo cứu độ chúng sanh. Trong cõi hữu vi như huyễn mà hiện bày phương tiện hữu vi như huyễn để giúp đỡ, cứu thoát chúng sanh. *Kinh Viên Giác* nói: “Bồ-tát ngộ được tánh Viên Giác thanh tịnh, rõ biết căn trần thức đều là huyễn hóa, khởi trí như huyễn hiện bày mọi phương tiện thiện xảo như huyễn để khai thị cho chúng sanh như huyễn”.

Đây là hành động, hạnh, lối sống của một Bồ-tát, “chẳng bỏ chúng sanh” và nghiệp cảnh của chúng sanh nhưng vẫn thấu rõ thể gian đều như huyễn hóa. Ở nơi hữu vi như huyễn để chỉ bày thật tướng, thật tánh của mọi pháp là tánh Không để giải thoát cho người.

Vì Bồ-tát thấy các pháp hữu vi không phân biệt với tướng vô vi, thấy sắc thọ tướng hành thức là tánh

Không; do đó, ở nơi cõi hữu vi mà vẫn tự mình giải thoát, đồng thời độ người đang bị trôi buộc trong những pháp mà họ thấy là hữu vi. Sống nơi cõi hữu vi, độ người nơi cõi hữu vi mà không phân biệt, không lìa khỏi thật tướng vô vi của tất cả các pháp, đây là sự giải thoát trong cuộc sống tự giác giác tha của một Bồ-tát.

Sống tâm Không, tánh Không, làm việc trong tánh Không như vậy thì “hết dục tuyệt ngã, vọng niệm tính toán”. Đây là đời sống tự giác giác tha mà vẫn giải thoát vì không nhiễm ô do thường trực sống trong thật tướng Không, Vô tướng, Vô nguyện. Đây là người vô tâm, vô sự, tự tại với tất cả pháp và với tất cả công việc độ sanh.

“Rồi nói kệ rằng:

Rõ biết thân tâm vốn tịch diệt

Thần thông biến hóa hiện các tướng

Hữu vi vô vi từ đây xuất

Hà sa thế giới không thể lường.

Tuy rằng biến khắp cả hư không

Mỗi mỗi xem ra chẳng hình trạng

Muôn đời ngàn đời không thể sánh

Xứ xứ nơi nơi thường sáng rỡ”.

Đây là bài kệ tự tâm tức Phật tâm. Tâm ấy vừa là Chân Không vừa là Diệu Hữu.

Thực hành Thiền là ngộ nhập tâm này thì tâm này hiện tiền. Tâm ấy là Chân Không Diệu Hữu. Tâm Chân Không Diệu Hữu là nhật dụng hàng ngày của một Bồ-tát Thiền sư.

Tóm lại, qua chỉ một thiền sư vào thế kỷ XI của Việt Nam, chúng ta thấy Thiền tông rất phong phú; chính xác hơn, rất sâu và rất rộng. Nó bao gồm ba thời kỳ thuyết pháp của Đức Phật: Thời kỳ thứ nhất về Vô thường, Khổ, Vô ngã và Bốn đế; thời kỳ thứ hai về tánh Không; thời kỳ thứ ba về Như Lai tạng hay Phật tâm, Phật tánh.

Trong nó có đủ cả hai dòng lớn của Đại thừa là Trung đạo Không tông (duyên sanh tánh Không) và Duy thức tông (thức biến như huyễn). Nó cũng dung nhiếp mọi tông phái, kể cả những tông không có ở Ấn Tạng như Hoa Nghiêm tông chỉ có ở Trung Hoa.

Nó dung nhiếp mọi kinh điển của ba thời chuyển pháp luân. Và nó luôn luôn đi trong Bồ-tát hạnh, vì chính nhờ Bồ-tát hạnh mà người ta có thể chứng nghiệm chiều sâu và chiều rộng vô cùng của tâm.

Thế nên, ngày xưa Thiền tông là tất cả Phật giáo Việt Nam. ■





Lãng quên

LÊ HẢI ĐĂNG

Nền bóng đá châu Âu có một đạo luật mang tên cầu thủ người Bỉ Jean-Marc Bosman, luật Bosman hay phán quyết Bosman. Qua tìm hiểu, người ta biết rằng trên thế giới, ngoài những luật do các cơ quan nhà nước làm dự thảo hay dự án, còn có nhiều quy định luật pháp hình thành từ sáng kiến của những cá nhân hoặc của các tổ chức dân sự, tư nhân. Điều đáng nói ở đây là họ ghi danh người sáng tạo, xác nhận chủ sở hữu trí tuệ ngay trên sản phẩm. Ở nước ta, chừng như văn hóa khuyết danh vẫn kéo dài từ truyền thống tới hiện tại. Văn hóa lãng quên, vô ơn khá phổ biến trong xã hội. Nhìn vào lịch sử để nhận thức rõ hơn về những hạn chế, từ đó viết nên một lịch sử khác, không tiếp tục rơi vào “vết xe đổ” sai lầm của quá khứ.

Thói quen lãng quên, bỏ quên những nhân tố, yếu tố quan trọng làm nên phần cốt lõi của sự thực, đã làm hao tổn biết bao giấy mực, công sức của người viết sử nói riêng và người có nhu cầu tìm hiểu quá khứ nói chung. Sử trở thành kết quả của quá trình suy diễn theo chiều hướng đi tìm thời gian đã mất thông qua phương pháp tái hiện. Trong khi đó, có nhiều sự vật, hiện tượng chỉ cần được ghi chép cẩn trọng, tỉ mỉ với

nhân chứng, vật chứng đang còn hiện hữu... sẽ bổ túc, khắc phục được thực trạng này.

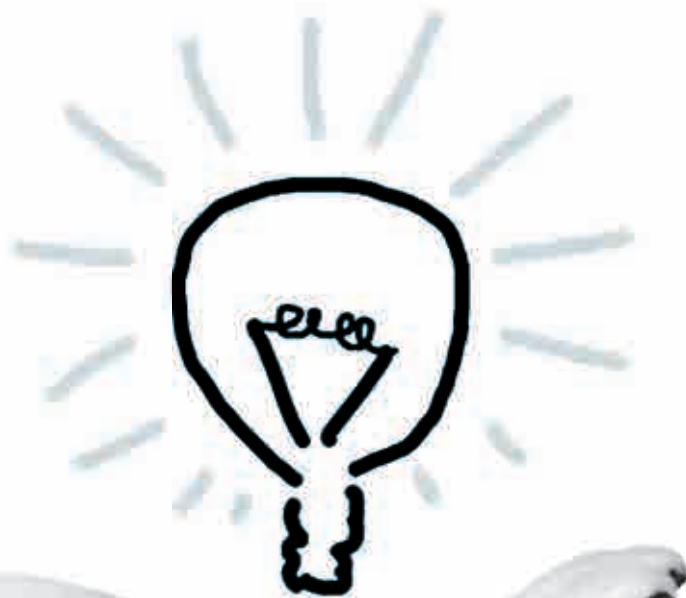
Văn bia tưởng niệm được dựng lên ở nhiều địa phương kỷ niệm sự kiện lịch sử thường quên khắc tên người viết (văn bia) trên tấm bia, mà hầu như chỉ thấy có tên đơn vị đứng ra tổ chức lập bia. Nhiều sự kiện gây nhiễu loạn trên dư luận với thời gian lùi sâu vào quá khứ nếu được ghi chép chi tiết, cẩn thận, đặc biệt qua nghiên cứu hồi cố, chắc hẳn đã góp phần rọi sáng, soi tỏ nhiều nghi án ẩn khuất. Song, văn hóa nước ta chưa hình thành phổ biến thói quen ghi chép cho sự thực lên tiếng. Hậu quả xảy ra khi các nhân chứng lần lượt đi sang thế giới bên kia; khi ấy công việc phục dựng càng trở nên khó khăn, đồng thời càng dễ bề phóng tác qua bóng tối của lịch sử. Nhiều sản phẩm hàng hóa trên thị trường đều bắt buộc ghi rõ nguồn gốc, xuất xứ. Còn đối với những đường lối, chủ trương lớn, luật, chính sách quốc gia, tác phẩm văn hóa... hầu như vắng tên người sáng tạo. Chủ sở hữu trí tuệ của những sản phẩm này thường giấu mặt, giấu tên, chấp bút âm thầm để đời sau mãi đi tìm những sự thật hiển nhiên. Cuối tác phẩm điện ảnh nước ngoài thấy dòng tit cuối cùng chạy dài mệt mỏi, thậm chí chiếm

thời lượng bằng cả chương nhạc giao hưởng để tri ân những người làm nên tác phẩm; ở đó tập trung công lao, công sức của cả một tập thể hùng hậu. Nhiều phim phát trên đài truyền hình nước ta phía cuối chỉ có dòng chữ: “Phim có sử dụng tư liệu của các đồng nghiệp”. “Các đồng nghiệp” trở thành căn cứ vô danh ghi nhận hành vi lãng quên, bên cạnh mục đích ngoại phạm vấn đề tác quyền. Việc sử dụng danh từ riêng chỉ những con người chung chung từ lâu đã phổ biến. Nó cho thấy cơ tầng văn hóa dân gian làng xã vẫn tiếp tục phát tác trong bối cảnh của thời đại mà vai trò chủ thể sáng tạo, cũng như việc ghi nhận sở hữu trí tuệ, đã được đề cao. Tương phản với hiện tượng bùng nổ thông tin diễn ra trên các phương tiện thì trên nhiều sản phẩm vẫn thấy vắng bóng những chỉ dẫn cần thiết. Bằng đĩa xuất bản hiếm thấy có hướng dẫn mang tính khai sáng cho người nghe hiểu về tác phẩm, tác giả và người biểu diễn. Trò chơi âm nhạc phát trên truyền hình mặc nhiên tước đi quyền tác giả khi để cập tên tác phẩm. Nó cũng giống như âm nhạc dân gian, phát triển trong môi trường làng xã truyền thống, lan tỏa theo con đường “truyền khẩu” không thông qua hệ thống giám sát nào.

Nhìn lại lịch sử nghệ thuật ba khu vực cổ đại trên thế giới, có lẽ chỉ có nền văn minh Hy-La sớm hình thành tư duy định tính cho những sản phẩm văn hóa. Từ thời kỳ Phục hưng, các tác phẩm đã dần dần được soi sáng bởi chủ thể là những cá thể sáng tạo, không còn bị Thượng đế hay thần thánh tước mất bản quyền. Ở phương Đông thời cổ, ánh sáng của các vị thần che lấp hầu hết các hoạt động sáng tạo. Cả hai trung tâm Trung Hoa và Ấn

Độ đều chìm trong thế giới thần linh. Phục Hy sáng tạo ra đàn cầm, đàn sắt; Hoàng đế sai Lệnh Luân chế định Luật lã¹, thậm chí đến thời Đường khá văn minh, tiến bộ mà tuyệt phẩm “Nghê thường vũ y” vẫn phải trao quyền sáng tạo cho vị vua quyền uy Đường Minh Hoàng. Tại Ấn Độ, không có tác phẩm cổ đại nào thống thuộc quyền sáng tạo con người. Đàn Vina (có chỗ viết là Veena) là do Mahadev hóa thân của thần Shiva sáng tạo; còn thần Krisna thì là chủ nhân của những điệu sáo thần tình. Ở Việt Nam ta, cây đàn đáy cũng do tiên truyền dạy cho Đinh Lễ (hay Đinh Dự) cách thức chế tác. Cây đàn bầu một dây thổ sinh thổ dưỡng, quốc hồn quốc túy của dân tộc tương truyền cũng do tiên ban tặng cho người vợ thủy chung, nhân hậu của chàng Trương Viên... Tất cả những sản phẩm trên đều có tính phi định vị về thời gian. Nó ra đời dao động cách nay từ mấy trăm năm đến hàng nghìn năm? Vì, các vị thần cùng chung một đặc điểm bất tử như nhau.

Từ chuyện Tây, Tàu, Ấn sang xứ ta giữa thời đại văn minh, bản quyền trí tuệ được xác lập như một giá trị trong nền kinh tế tri thức mà lẽ ra, đối với những sản phẩm đong đầy giá trị nhân văn, dấu ấn sáng tạo cá nhân lại sản sinh trong bối cảnh tù mù, thiếu thốn thông tin trầm trọng. Hầu như rất ít sản phẩm nghệ thuật có ghi chép, phân tích tỉ mỉ những tri thức liên quan; và không có những chỉ dẫn âm thầm này, khó thể mong trình độ thưởng thức của công chúng được nâng lên. Sự hậu thuẫn của văn hóa thông qua hàng loạt tiện ích trung gian đóng vai trò vô cùng quan trọng. Nó tiếp sức cho chiều kích giáo dục nhằm huy động tổng hợp nguồn lực văn hóa. Trong vòng kiểm



tỏa mù của văn hóa lãng quên, các giá trị Chân Thiện Mỹ đích thực sẽ gặp phải vô vàn chướng ngại. Dĩa CD ngày càng chạy theo xu hướng giản tiện, thậm chí chỉ còn tên ca sĩ, người phối khí bị lãng quên đã đành, mà ngay cả người sáng tác cũng rơi mất tên, biến tác phẩm thành khuyết danh, vô danh. Nhiều nhà sản xuất đứng ra đóng vai trò trung gian điều tiết các nhu cầu, bên cạnh việc hưởng lợi cho mục đích cá nhân, còn có cả hành vi tước quyền sáng tạo những đóng góp không thuộc về mình nhờ thói quen văn hóa. Trường hợp người phối khí bị đánh cắp tên, không được ghi trên sản phẩm đã không còn xa lạ gì. Người làm công tác phối hợp những hiệu ứng âm thanh trên đĩa (mixer) cũng lâm vào tình cảnh tương tự vì bị thống thuộc vào phòng thu âm, hiếm thấy có tên ghi trên băng đĩa.

Thói quen lãng quên, bỏ quên không chỉ phổ biến trong hành vi ứng xử, mà lan truyền sang cả môi trường giáo dục, địa hạt nghiên cứu... Lấy ví dụ những bản luận văn tốt nghiệp thạc sĩ, tiến sĩ, nơi thể hiện lòng tri ân của người viết nằm ở Lời cảm ơn cũng phơi bày thói vô ơn. Rất nhiều người không gửi lời cảm ơn đến đúng địa chỉ, mà thường ghi tên những “cây đa cây đề” có tác dụng bảo hiểm cho thành quả của mình. Trong nghiên cứu điển dã, người viết dễ dàng lãng quên công lao người đưa tin, nghệ nhân... mà nhờ vào họ, nhiều người mới có được thành quả nghiên cứu, sự nghiệp, thậm chí cả tên tuổi lẫn địa vị... Có người sau khi nổi danh bắt đầu viết văn về sự nghiệp lãng quên của mình bằng cách khẳng định tài năng, công trạng cá nhân. Nhiều “kẻ sĩ” “viết thuê, làm mướn, lẫn mò kiếm miếng ăn” phải chấp nhận bán sỉ và lẻ thành phẩm thông qua việc đổi chác tên tuổi. Ở đây cần khu biệt giữa quyền lợi và sự thực. Mặc dù người viết phải ký hợp đồng với những điều khoản quy định: “Bên B không được hưởng bất kỳ quyền lợi nào”, vì họ chỉ quan tâm tới công việc và mức thù lao, song tên - sở hữu trí tuệ - vẫn phải được xác nhận, vì đó chính là sự thật. Nhiều hội thảo khoa học bấy lâu nay cũng có sự nhập nhằng giữa người viết và đọc để dẫn. Trên thực tế, danh tính thường lấy tên người đọc, mà người viết (nếu là người khác) bị lãng quên bằng cách cho hưởng quyền lợi vật chất. Sách nghiên cứu xuất bản trong nhiều trường hợp cũng không khu biệt giữa chủ biên thực sự (người biên chính) và chủ nhiệm. Từ đó, Lời nói đầu sách hay công trình nghiên cứu dễ dàng trao tên cho chủ nhiệm để tài, người đứng ra tổ chức thực hiện, chứ không tham gia biên soạn. Trong trường hợp này, không hiếm chủ nhiệm đóng vai trò bán thâu, cò dự án, nắm giữ nguồn lực tài chính, cũng như đứng ra tổ chức thâu, tập kết nguồn lực để thực hiện theo băng nhóm, vây cánh... Bởi vậy, người làm nghiên cứu có cách định nghĩa về chủ biên như sau: “Chủ biên là người không biên chữ nào, nhưng đứng tên đầu sách”. Tất nhiên, ở đây không cố ý “vơ đũa cả nắm”, vì phần nhiều chủ biên danh chính ngôn thuận. Còn chủ biên trên danh nghĩa

thường có sở trường “lách” qua rừng nguyên tắc vô tri làm cản trở tiến trình thực hiện đề tài.

Việc pháp chế hóa quyền sở hữu trí tuệ, quyền tác giả có cơ sở pháp lý cho phép được bán quyền sử dụng sản phẩm trí tuệ, nhưng không nên lẫn lộn giữa mua bán sản phẩm và việc sang tên. Sang tên, đổi chủ chỉ diễn ra đối với sản phẩm thông thường, còn đối với sản phẩm văn hóa, hành vi đó sẽ làm sai lệch, méo mó sự thật. Di tích văn hóa, lịch sử, công trình kiến trúc có giá trị nghệ thuật có thể xảy ra tình trạng chuyển đổi cơ quan quản lý, chủ sở hữu, nhưng không có cơ sở để đổi chủ sở hữu trí tuệ vốn thuộc về hành vi sáng tạo. Sự thật phải được coi trọng, nếu thay đổi, biến dạng, lịch sử sẽ bị tái hiện theo đường cong không khớp với những gì đã xảy ra.

Có thể nói, sa sút từ tâm thuật đến học thuật đã tấn công vào rường cột đạo đức của nền văn hóa. Tiến sĩ Huỳnh Thế Du trả lời phóng viên báo *Tuổi Trẻ* ngày 26 tháng 8 năm 2013 có đề cập tới thói “đổ thừa” trong văn hóa nước ta. Thói quen đó có cội rễ từ nhiều nguồn, quan trọng nhất là chưa xác lập được trách nhiệm, quyền lợi cá nhân trong mọi hành vi. Vấn đề quy thuộc trách nhiệm, quyền lợi, nghĩa vụ và sự thừa nhận cá nhân như một đơn vị xã hội góp phần đẩy lùi nguy cơ suy thoái đạo đức, cũng như tránh được tình trạng phát sinh.

Văn hóa bao trùm lên mọi hoạt động sáng tạo. Nước ta bấy lâu nay rơi vào tình trạng chính trị chi phối, tác động sâu rộng lên đời sống văn hóa. Nhiều cơ quan tổ chức điều hành theo tiêu chí “quen biết”, tuyển dụng, bổ nhiệm cán bộ xa rời chuẩn mực Tài và Đức mang giá trị cốt lõi, coi trọng “lý lịch” như “lá số tử vi”, vây bè kéo cánh, chưa tạo ra môi trường cạnh tranh lành mạnh, từ đó làm lãng phí nhiều nhân tố tích cực, ảnh hưởng đến đời sống văn hóa. Trong sự lãng phí về nguồn tài nguyên thiên nhiên, tài lực, vật lực, thời gian... thì lãng phí con người gây tổn thất nghiêm trọng nhất. Nó đẩy một bộ phận không nhỏ ra ngoài rìa xã hội để tạo nên một mạng lưới quan hệ mang tính băng nhóm, bè phái, vây cánh làm thay đổi bộ mặt xã hội. “Hiền tài là nguyên khí quốc gia”, câu nói được trích dẫn khá nhiều trong văn bản chính thống, gần đây được phát biểu trên phương tiện truyền thông như thể hiện quyết tâm cao độ nhằm thay đổi quan niệm của người quản lý đất nước. Song, nhìn vào thực tế, cả tài nguyên lẫn nguyên khí quốc gia đang có khuynh hướng thất thoát, gây lãng phí. Không hiếm hiện tài quốc gia lưu lạc nơi xứ người cũng như trên chính quê hương mình, nhiều nhân tài chỉ biết lạng lẽ tỏa sáng bên đời hiu quạnh. Và điều này sẽ ảnh hưởng tới vận nước như một hệ quả tất yếu. ■

1. Luật lá: Khí cụ dùng xác định âm giai trong âm nhạc thời cổ ở Trung Quốc, cũng được dùng để chỉ cho âm luật nói chung.



Bố cục trí tuệ của “Khóa hư kinh”

TRẦN THỊ THANH VÂN - THÍCH HẠNH TUỆ

Khóa hư kinh 課虛經 có tên đầy đủ là Trần Thái Tông ngự chế khoá hư 陳太宗御製課虛, nguyên tác chữ Hán, thường được gọi là *Khóa hư lục* 課虛錄 - một tác phẩm nổi tiếng của vua Trần Thái Tông (1218-1277), vị vua khởi nghiệp của nhà Trần và cũng là gương mặt Thiền học đặc biệt của Việt Nam. Đây là quyển sách kinh điển quan trọng, làm kim chỉ nam cho sự ra đời Thiền phái Trúc Lâm của Phật giáo Việt Nam, được sử dụng trong tu tập, tụng niệm, giảng dạy, học tập trong đời Trần.

Giá trị tư tưởng cũng như giá trị nghệ thuật của *Khóa hư lục* đã được nhiều người nói đến. Trong đó, không ít người hiểu nhầm về tiêu đề cũng như nội dung tư tưởng của nó. 課 Khóa là bài khóa, bài học, bài giảng; 虛 Hư là

giả, không thật, rỗng không, ở đây chỉ giáo lý tính Không của Phật giáo; 錄 Lục là ghi chép, là sách. Như vậy, *Khóa hư lục* là quyển sách ghi chép những bài giảng về Phật học. Chúng ta hiểu đây là tác phẩm ghi chép lại các phương pháp tu tập nhằm đạt đến cái tâm rỗng rang, thanh tịnh, giải thoát. Trong bài viết ngắn này, chúng tôi chỉ tập trung nghiên cứu về bố cục của tác phẩm này.

Vì đây là một tác phẩm này có giá trị lớn về triết học và văn học, nhất là Thiền học, nên từ trước, một số vị Thiền sư như Tuệ Tĩnh, Phúc Điền (thế kỷ XIX) đã dịch ra chữ Nôm. Từ khi chữ Quốc ngữ được thông dụng và phổ biến, *Khóa hư lục* đã được giới học giả nước ta chú ý nghiên cứu, dịch thuật. Hiện nay, sách *Khóa hư lục* đã được dịch ra nhiều thứ tiếng. Riêng tiếng Việt, chúng

ta có khá nhiều các bản dịch của các vị thạc đức cao tăng và học giả cư sĩ nổi tiếng.

- Bản dịch của các học giả uy tín:

Một là, *Khóa hư lục* do Thiều Chửu dịch, NXB Hưng Long, Sài Gòn, 1961.

Hai là, *Khóa hư lục* do Nguyễn Đăng Thục dịch và chú thích, NXB Khuông Việt, 1972.

Ba là, *Khóa hư lục* do Đào Duy Anh dịch, NXB Khoa học Xã hội, 1974.

Bốn là bản dịch *Khóa hư lục* in trong bộ *Thơ văn Lý Trần*, tập 2, quyển thượng của Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam do Nguyễn Huệ Chi chủ biên, NXB Khoa học Xã hội - Hà Nội, 1989.

Trong bốn bản dịch trên, bản dịch của Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam là tốt nhất, nhờ kế thừa những thành tựu của các bản dịch trên.

- Trước nay có nhiều vị cao tăng quan tâm nghiên cứu bản về tác phẩm kinh điển này. Hiện nay có hai bản dịch được lưu hành phổ biến:

Một là, *Khóa hư lục* do Hòa thượng Thích Thanh Kiểm dịch, Nguyễn Đăng Thục giới thiệu, Thành hội Phật giáo TP.HCM xuất bản, 1992.

Hai là, *Khóa hư lục* do Thiền sư Thích Thanh Từ giảng giải, Ban Văn hoá Phật giáo Trung ương – Thiền viện Thường Chiếu ấn hành 1996.

Thứ tự các đề mục của sách *Khóa hư lục* trong *Việt Nam Phật điển tạng san* do Tổng hội Phật giáo Bắc Kỳ khắc in và ấn hành tại Hà Nội năm 1943 như sau:

Quyển thượng gồm các đề mục:

- Phổ Thuyết Tứ Sơn
- Phổ Thuyết Sắc Thân
- Khuyến Phát Tâm Văn
- Giới Sát Sinh Văn
- Giới Thâu Đạo Văn
- Giới Sắc Văn
- Giới Vọng Ngũ Văn
- Giới Tửu Văn
- Giới Định Tuệ Luận
- Thụ Giới Luận
- Niệm Phật Luận
- Tọa Thiền Luận
- Tuệ Giáo Giám Luận
- Thiền Tông Chỉ Nam Tự
- Kim Cương Tam Muội Kinh Tự
- Lục Thì Sáu Hối Khoa Nghi Tự
- Bình Đẳng Lễ Sáu Văn Tự
- Phổ Thuyết Hướng Thượng Nhất Lộ
- Ngũ Lục Vấn Đáp Môn Hạ
- Niệm Tụng Kệ

Quyển hạ gồm:

- Các đề mục liên quan đến Sáu Hối Khoa Nghi

Bản dịch tiếng Việt của Hòa thượng Thích Thanh Kiểm căn cứ trên bản chữ Hán khắc in năm 1943, phân ra hai quyển thượng và hạ. Quyển thượng gồm 21 đề mục: 1.

Nói về bốn núi; 2. Nói về sắc thân; 3. Văn khuyến phát tâm Bồ-đề; 4. Văn răn sát sinh; 5. Văn răn trộm cắp; 6. Văn răn giới sắc; 7. Văn răn vọng ngữ; 8. Văn răn giới rượu; 9. Bàn về Giới Định Tuệ; 10. Bàn về thọ giới; 11. Bàn về niệm Phật; 12. Bàn về tọa thiền; 13. Bàn về gương tuệ giác; 14. Bài tựa Thiền tông chỉ nam; 15. Bài tựa kinh Kim cương tam-muội; 16. Tựa khoa nghi sáu thời sám hối; 17. Tựa văn lễ sám bình đẳng; 18. Nói rộng một đường hướng thượng; 19. Ngũ lục vấn đáp môn hạ; 20. Lời vấn đáp trong môn nhân; 21. Niệm tụng kệ âm nghĩa. Quyển hạ gồm 9 đề mục: 1. Kệ cảnh sách chúng giờ Dẫn; 2. Lễ dâng hương thời sáng sớm; 3. Lễ dâng hương buổi trưa; 4. Lễ dâng hương buổi mặt trời lặn; 5. Kệ khuyên chúng buổi hoàng hôn; 6. Kệ tám khổ; 7. Lễ dâng hương buổi chập tối; 10. Lễ dâng hương nửa đêm; 11. Lễ dâng hương cuối đêm.

Thiền sư Thích Thanh Từ phân tác phẩm này ra 17 đề mục theo thứ tự: 1. Tựa Thiền tông chỉ nam; 2. Năm giới; 3. Bốn núi; 4. Nói rộng sắc thân; 5. Rộng khuyến phát tâm Bồ-đề; 6. Luận về thọ giới; 7. Luận về tọa thiền; 8. Luận về giới định tuệ; 9. Luận gương tuệ giáo; 10. Luận về niệm Phật; 11. Tựa khoa nghi sáu thời sám hối; 12. Khoa lễ sáu thời sám hối; 13. Tựa bình đẳng sám hối; 14. Tựa kinh Kim cương tam muội; 15. Nói rộng một đường hướng thượng; 16. Ngũ lục vấn đáp; 17. Niệm tụng kệ.

Cũng trên những cơ sở này, trong chuyên luận *Trần Thái Tông và Khóa hư lục*, Thích Phước Đạt phân các đề mục trên gồm 3 phần:

- Phần 1, gồm các bài phổ thuyết.

- Phần 2, gồm những bài luận có nội dung bàn về phương cách đi đến giác ngộ và các vấn đề cụ thể.

- Phần 3, gồm các bài khóa lễ sáu thời [*Trần Thái Tông và Khóa hư lục*, Chuyên luận, 2004, trang 39]

Cũng xin nói thêm rằng, tác phẩm *Khóa hư lục* hiện đang được đưa vào giảng dạy tại các trường đại học, cao đẳng Phật giáo. Nhưng vì tác phẩm này là tập hợp những đề mục có tính độc lập tương đối, thứ tự sắp xếp tùy theo quan điểm của người dịch, nên sinh viên khó theo dõi tác phẩm được mạch lạc và xuyên suốt, nhất là về nội dung tư tưởng. Sở dĩ có điều này là do tiêu đề và bố cục của tác phẩm này không do chính tác giả làm ra, mà do người đời sau tập hợp và khắc in. Trong một thời gian hướng dẫn *Khóa hư lục* tại các trường Phật học, chúng tôi cảm thấy trật tự các đề mục trong những bản dịch hiện hành hình như chưa ổn lắm. Chúng tôi xin đề nghị một bố cục hợp lý, với hy vọng góp phần nhỏ trong việc làm sáng rõ thêm giá trị của *Khóa hư lục*.

Sở dĩ Tứ Thánh đế (Bốn chân lý chắc thật gồm: Khổ, Tập, Diệt, Đạo) được các học giả khắp nơi trên thế giới trọng thị, không chỉ vì tư tưởng nhân văn giải thoát, mà còn do bố cục trí tuệ của nó. Chỉ cần chúng ta thay đổi thứ tự và vị trí của bất kỳ phần nào trong Tứ Thánh đế, thì giá trị tư tưởng cũng như hiệu quả giải thoát khổ đau sẽ bị giảm sút rõ rệt. Trước hết nêu lên được sự thật phổ biến về khổ đau trong kiếp nhân sinh; thứ đến chỉ ra nguồn gốc, nguyên nhân

gây nên sự khổ đau ấy; tiếp theo là khẳng định sự khổ đau có thể đoạn trừ và cảnh giới an vui, hạnh phúc chân thật xuất hiện; cuối cùng mới chỉ bày phương pháp thực hành để giải trừ khổ đau, đạt đến giác ngộ giải thoát Niết-bàn. Nếu như trình bày phương pháp thực hành, tu tập trước thì hiệu quả chắc chắn sẽ vô cùng hạn chế.

Cũng như vậy, căn cứ trên mục đích tối hậu là hướng mọi người đến giải thoát giác ngộ của tác phẩm, chúng ta thiết lập một bố cục thích hợp, mà theo thiển ý của chúng tôi là gần nhất với bản ý của tác giả. Bên cạnh đó, chúng tôi mạo muội đặt thêm tiêu đề gợi ý của các chương để đảm bảo tính logic hệ thống của tác phẩm.

Chương một *Kiếp người khổ đau*. Chương này gồm 2 đề mục theo thứ tự: 1. Nói về bốn núi; 2. Nói về sắc thân.

Chương hai *Khuyến tu*. Chương này gồm 2 đề mục theo thứ tự: 3. Văn khuyến phát tâm Bồ-đề; 4. Nói rộng một đường hướng thượng.

Chương ba *Phương pháp tu hành*. Chương này gồm 3 phần:

a. Phần trực chỉ, gồm các mục theo thứ tự: 5 Bài tựa Thiền tông chỉ nam; 6. Bài tựa kinh Kim cương tam muội; 7. Ngũ lục vấn đáp môn hạ; 8. Lời vấn đáp trong môn nhân; 9. Niêm tụng kệ âm nghĩa.

b. Phần tiệm tu, gồm các đề mục theo thứ tự: 10. Văn răn sát sinh;

11. Văn răn trộm cắp; 12. Văn răn giới sắc; 13. Văn răn vọng ngữ; 14. Văn răn giới rượu; 15. Bàn về Giới Định Tuệ; 16. Bàn về thọ giới; 17. Bàn về niệm Phật; 18. Bàn về tọa thiền; 19. Bàn về gương tuệ giác;

c. Phần nghi thức sám hối, gồm các đề mục theo thứ tự: 20. Tựa khoa nghi sáu thời sám hối; 21. Tựa văn lễ sám bình đẳng; 22. Kệ cảnh sách chúng giờ Dần; 23. Lễ dâng hương thời sáng sớm; 24. Lễ dâng hương buổi trưa; 25. Lễ dâng hương buổi mặt trời lặn; 26. Kệ khuyến chúng buổi hoàng hôn; 27. Kệ tám khổ; 28. Lễ dâng hương buổi chập tối; 29. Lễ dâng hương nửa đêm; 30. Lễ dâng hương cuối đêm.

Chương một, tác giả diễn tả thân phận khổ đau vô cùng vô tận của kiếp người. Vì thân người luôn bị đè nặng bởi bốn ngọn núi lớn Sinh, Già, Bệnh, Chết. Con người sống nô lệ cho ngũ dục, bị sinh tử bức bách, thậm chí còn nô lệ cho cả hoàn cảnh sống, mãi bị quy luật vô thường chi phối trôi buốc, không có cách nào thoát ra được. Từ xưa đến nay, trên khắp hoàn vũ, không thiếu những tuyệt tác văn chương bắt hủ diễn tả sự khổ đau cùng cực của con người, nhưng thường là hướng đến một nhân vật, một hoàn cảnh, một giai cấp, một thời đại nhất định nào đó. Còn Trần Thái Tông đã nghệ thuật hóa, hình tượng hóa được nỗi đau mang tính phổ quát nhất của kiếp người. Điều này có thể thấy được qua bài thơ về tướng chết:

*"Đồn dập cuồng phong khắp mọi nơi,
Ngư ông say tít mặc thuyền trôi.
Bốn bể mây phủ trời đen kịt,*

*Một dải sóng găm tiếng trống hồi.
Xoay chuyển i âm xe sấm động,
Tung bay sấm sập trận mưa rơi.
Tạm thời bụi cuốn chân trời sáng,
Đêm vắng trăng treo bóng nước soi."*

[*Khóa hư lục*, Thích Thanh Kiểm dịch, NXB.Tôn giáo, trang 18, 19].

Một loạt các động từ, trạng từ và cụm từ "cuồng phong"; "đồn dập"; "bốn bể mây phủ"; "trời đen kịt"; "sóng găm"; "i âm"; "sấm động"; "sấm sập"... diễn tả sự khổ đau vô tận của tướng chết.

Chương hai, tác giả thiết tha khuyên mọi người gấp rút tu hành. Khi nào mọi người thấy rõ sự khổ đau và sự cần thiết phải nhanh chóng giải trừ khổ đau thì mới chịu tu hành. Trong *Văn khuyến phát tâm Bồ-đề*, tác giả bày tỏ tâm can tha thiết với người nghe, bằng cách dẫn chứng hàng loạt nhân vật nổi tiếng, có trí tuệ lớn nhất trong lịch sử từ xưa đến nay; trên từ Phật, Thánh, Tiên, Hiền dưới cho đến vua, quan, trí, sĩ đều một lòng trọng đạo, quyết ý tu hành. Nhưng như vậy vẫn chưa đủ, tác giả còn e có người tự ti. cho rằng bản thân mình không thể đem so sánh với Phật, Thánh, Tiên, Hiền, Vua, Quan, Trí, Sĩ, mà thối thất tâm ý, nên đưa thêm ra các chứng cứ, cả đến các loài súc sinh cũng còn biết lãnh hội đạo lý đạt được lợi ích lớn, vượt thoát khổ đau: "Cáo đồng còn nghe pháp Bách Trượng, ốc vặn hay hộ kinh Kim Cương. Mười ngàn cá bơi nghe hiệu Phật hoá làm Thiên Tử, năm trăm con dơi nghe pháp chúng Thánh Hiền. Trần nghe sám được sinh thiên, rồng nghe kinh mà ngộ đạo".

Chương ba, là chương trọng tâm của tác giả, chỉ dẫn phương pháp tu hành giải trừ tất cả lậu hoặc khổ đau, đạt đến cảnh giới thanh tịnh, giác ngộ và giải thoát. Tác giả trình bày từ *tính ra tướng*; từ *đốn đến tiệm*.

Bậc thượng căn thượng trí, chỉ cần ngộ tâm là Phật không cần tu thêm: "Bản tính nhiệm mầu, chân tâm vắng lặng. Thành hoại đều dứt Chẳng phải tính trí hay xét ngọn nguồn. Tan hợp đều không, đầu thể mất tại xem nghe tường tận. Có không xóa hết, đạo tục san bằng, đứng riêng một mình không chi sánh được. Đó là then chốt của tự tính Kim Cương vậy" [*Kim Cương tam muội kinh tự*].

Nói vậy, nhưng khó đạt tới hành giải tương ưng, nên tác giả ân cần nhắc nhở: "Nếu chưa đạt được tâm Phật và ý Tổ thì trước hết hãy trì giới, niệm kinh. Đến khi đạt tới trình độ Phật cũng không mà Tổ cũng không thì còn giới nào cần trì, kinh nào cần niệm? Nhưng xưa nay, thượng căn hiếm có, đa phần nên phải theo con đường Tam học giới định tuệ thứ lớp tu hành. Thực hành các môn trì giới, ngồi thiền, niệm Phật, sám hối, dần dần tiến lên theo hướng giác ngộ giải thoát".

Mong rằng giá trị chân thật của *Khóa hư lục* ngày càng sáng rõ hơn, người dân Việt Nam ngày càng biết đến *Khóa hư lục* nhiều hơn, để niềm tự hào về truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam ngày càng vững chãi hơn. ■



Đến với bài thơ “Quạ hiền kêu đêm” của Bạch Cư Dị

NGUYỄN PHÚC VĨNH BA

Thật xúc động và lý thú khi người viết biết ra được chàng “Tứ mã Giang Châu” còn là một người con chí hiếu.

“Tứ mã Giang Châu” Bạch Cư Dị (772-846) tự là Lạc Thiên, hiệu là Hương Sơn cư sĩ, là một thi sĩ tài hoa thời Trung Đường. Ông thường được nhắc đến với các bài thơ trường thiên như *Tỳ bà hành* (Phan Huy Vịnh dịch ra Việt văn) và *Trường hận ca*. Thuở thiếu thời ông đã nổi tiếng thông minh và có tài làm thơ. Năm 28 tuổi, ông thi đậu tiến sĩ dưới triều Đường Đức Tông. Ông từng làm đến chức Hàn lâm Học sĩ rồi Giám sát Ngự sử dưới triều Đường Hiến Tông (807). Vì tánh tình cương trực, ông thường can gián làm phật lòng vua và các đại thần. Năm 810, ông xin đổi chức nhỏ hơn, làm Hộ tào tham quan ở Kinh Triệu để săn sóc mẹ già. Năm 814, mẹ mất, ông lại bị triệu về kinh đô làm Thái tử Tả Tán thiện đại phu. Ông dâng sớ can ngăn vua nên bị các đại thần hạch tội và biếm làm Tư mã Giang Châu (cũng như người bạn thân bị biếm chức của ông:

nhà thơ Nguyên Chấn). Về sau ông được phục chức, làm đến Hình bộ Thị lang, Thứ sử Đồng châu rồi Thái tử Thiếu phó. Năm 845, ông về hưu với hàm Thượng thư Bộ Hình. Ông mất năm 846, hưởng thọ 75 tuổi.

Không rõ ông viết bài thơ “*Từ Ô Dạ Đề*” vào khi nào nhưng chúng ta có lẽ đoán được là sau năm 814, sau khi mẹ ông qua đời. Sử dụng hình ảnh con quạ kêu đêm, ông đã nói lên được nỗi niềm của người con xót xa nhớ mẹ một cách tài tình:

慈鳥夜啼	Từ Ô Dạ Đề
慈鳥失其母	Từ ô thất kỳ mẫu
啞啞吐哀音	Ả á thổ ai âm
朝夜不飛去	Triều dạ bất phi khứ
經年守故林	Kinh niên thủ cố lâm
夜夜夜半啼	Dạ dạ dạ bán đề
聞者淚沾巾	Văn giả lệ triêm can

聲中如告訴 Thanh trung như cáo tố
未盡反哺心 Vị tận phản bộ tâm

百鳥豈無母? Bách điểu khởi vô mẫu?
爾獨哀怨深 Nhĩ độc ai oán thâm
應是母慈重 Ứng thị mẫu từ trọng
使爾悲不任 Sử nhĩ bi bất nhâm

昔有吳起者 Tích hữu Ngô Khởi giả
母歿喪不臨 Mẫu mạt tang bất lâm
嗟哉斯徒輩 Ta tai tư đồ bối
其心不如禽 Kỳ tâm bất như cầm

慈鳥復慈鳥 Từ ô, phục từ ô!
鳥中之曾參 Điểu trung chi Tăng Sâm.

(白居易 Bạch Cư Dị)

Quạ hiền kêu đêm

Quạ hiền mất mẹ rồi
Ôa óa tiếng bi ai
Sớm tối quanh rừng cũ
Một bước không hề rời.

Đêm, nửa đêm kêu khóc
Người nghe lệ tuôn rơi
Tiếng kêu dường than thở
Chưa đến ơn mớm mồi.

Trăm chim há không mẹ?
Quá xót xa mình người
Ốn mẹ nặng thật đấy
Khiến người buồn khôn nguôi.

Xưa có tên Ngô Khởi
Mẹ mất chẳng đoái hoài
Ngán thay lũ cuồng dại!
Tâm chẳng bằng chim trời.

Quạ hiền ơi quạ hiền
Chim Tăng Sâm là người!
(NP Vĩnh Ba dịch)

Ngôn ngữ thơ ông thật giản dị, nghe như những câu nói thường tình. Ông đã phác vẽ những hoạt động cũng như nội tâm của con quạ hiền thương nhớ mẹ. Từ thui thủi lạc loài vì mất mẹ (Triều dạ bất phi khứ) đến thăm thiết thờ than (Dạ dạ dạ bán đề) đã khiến chúng ta khó mà không chùng lòng cho được (Văn giả lệ triêm cân).

Ông tiếp thêm bước nữa để đánh động tâm thức người đọc khi chọn hình tượng nhân vật Ngô Khởi làm biểu trưng cho những kẻ bất hiếu. Ngô Khởi là một tướng tài thời Chiến Quốc, người nước Vệ. Ngô Khởi

có vợ là con gái quan Đại phu Điền Cư nước Tề. Về sau Ngô Khởi đầu quân cho Lỗ hâu, nên giết vợ cắt đầu nạp cho Lỗ hâu để chứng tỏ lòng trung (sát thê cầu phong). Ngô Khởi còn có các hành động không tốt khác như không về chịu tang mẹ,... tượng trưng cho hạng người *hữu tài vô hạnh*. Vì thế, Ngô Khởi bị thầy Tăng Sâm đuổi không cho làm học trò nữa. Dù với tài năng xuất chúng, Ngô Khởi vốn rất giỏi về binh pháp (Binh pháp Tôn Ngô) nhưng kết cục đời của Ngô Khởi cũng đầy thất bại. Ngô Khởi sau lại bỏ Lỗ theo Ngụy, rồi bỏ Ngụy theo Sở và chết tại nước Sở cùng với Sở Niệu Vương khi nước này có loạn.

Một con chim trời vô danh tiểu tốt và một đại tướng lừng danh sử sách được so sánh với nhau làm bật lên sự vô nghĩa của việc chạy theo bả vinh hoa, và phải bỏ đạo lý ngàn đời. Cái kết thúc bi thảm của đời Ngô Khởi liệu có đủ để cảnh cáo những kẻ vô đạo chăng?

Với “Bách điểu khởi vô mẫu / Nhĩ ĐỘC ai oán thâm”, ta nghe như tiếng kêu thất thanh kêu cứu của đạo lý muôn đời bị lãng quên một cách chua chát. Với “Ta tai tư đồ bối / Kỳ tâm bất như cầm”, ta thấy như lớn vờn trước mắt bọn Ngô Khởi xênh xang áo mũ công hầu. Nhìn bằng con mắt hiện đại, ta lại càng xót xa hơn khi đọc những lời thơ như vậy.

Với ẩn dụ kiêu nhân hóa “Điểu trung chi Tăng Sâm” làm câu kết, thi hào họ Bạch đã cô đọng được toàn bộ chủ đề bài thơ. Chúng ta nếu có quên hết bài thơ thì chỉ với câu này còn lại cũng đủ gói gọn được điều nhà thơ muốn nói. Bài thơ đơn sơ như một bức tranh thủy mặc, chỉ với hai màu đen trắng và những nét chấm phá để gây ấn tượng, một thủ pháp cổ điển nhưng không thiếu phần hữu hiệu.

Toàn bộ bài thơ còn toát lên bầu không khí lạnh lẽo của cõi người man trá. Thi hào họ Bạch đã nếm nhiều đắng cay, đủ để ông chiêm nghiệm ra thị phi của các giá trị đời sống. “Lệ ai chan chứa hơn người” ngày nao nơi đất trích khóc cho người con gái “quanh thuyền trắng dải nước trôi lạnh lùng” thì ở đây trong “*Từ Ô Dạ Đề*” lại khóc cho con quạ chí hiếu. Những dòng nước mắt nóng hổi của nhà thơ liệu có giúp cho những trái tim băng giá chúng ta chút nào hơi ấm chăng?

Cha mẹ yêu thương, lo lắng cho con cái là chuyện thiên cổ thường tình, hợp với đạo lý nhân sinh. Dân gian ta thường nói “nước mắt chảy xuống” là thế. Tuy nhiên, con cái yêu thương, chăm sóc cha mẹ lại là một thử thách muôn đời, nhất là trong xã hội hiện đại hôm nay. Chẳng mấy ai không biết câu ca dao: “Mẹ thương con Biển Hồ lại lảng / Con thương mẹ kể tháng kể ngày”. Thế mà, đến bây giờ đâu “văn minh” tốt bụng như ri, quanh ta vẫn thấy hoài biết bao cảnh ngược đãi cha mẹ.

Đọc *Từ Ô Dạ Đề*, mấy ai trong chúng ta không cảm thấy chút đồng cảm với nỗi lòng của chàng “Giang Châu Tư mã” mà sinh lòng ngưỡng mộ tài hoa và tâm tư của ông. ■





Ca dao địa danh Bình Định

Ảnh: binhdinghfc.com

VÕ MINH HẢI

"Anh về Bình Định thăm nhà, Tháng Hai trở lại, tháng Ba cưới nàng / Cưới nàng đội nón Gò Găng, Xấp lảnh An Thái một khăn trầu nguồn".
Ai đã từng ghé thăm quê hương Bình Định, ai đã từng sinh ra và lớn lên trên mảnh đất rợp bóng dừa với những cánh đồng ôm bóng tháp Chàm cổ kính, hẳn những vết của thời gian, hẳn vẫn nghe câu hát về những địa danh nổi tiếng gắn liền với bao thăng trầm lịch sử, là những chiếc nón Gò Găng nên thơ hay làng võ An Thái một thời oanh liệt... Lời ca mộc mạc, chân tình, khắc họa những nét đặc trưng, duyên dáng riêng độc đáo của con người đất võ.

1 Vài nét về lịch sử nghiên cứu ca dao địa danh Bình Định

Để tài mà chúng tôi đang tìm hiểu đã được khá nhiều nhà nghiên cứu văn hoá địa phương đặt nền móng. Quách Tấn trong **Non nước Bình Định** (1967) [6] đã khảo sát tương đối công phu về những địa danh trong địa hạt tỉnh Bình Định, tuy nhiên công trình của ông cũng chỉ dừng lại ở những địa danh lịch sử, địa lý. Nói cách khác, nhà nghiên cứu chỉ làm công tác sử học và điển dã lịch sử, thông qua việc tìm hiểu các vùng đất, ông đã dẫn chứng vài câu ca dao để minh họa cho những tư liệu điển dã của mình. Chẳng hạn, khi khảo sát về Tháp Đôi (Quy Nhơn), sau phần tìm hiểu nguồn gốc, địa điểm, Quách Tấn đã dẫn câu ca dao sau:

"Cầu Đôi mà tháp cũng Đôi - Vật vô tri còn đèo bồng duyên lứa, hưởng chỉ tôi với mình".

Năm 1992, Nguyễn Xuân Kính trong công trình **Thi pháp ca dao** [5] đã nghiên cứu một cách tương đối hoàn chỉnh về ca dao địa danh Việt Nam trong đó có ca dao Bình Định. Tuy vậy, ở công trình này, những khái quát của tác giả cũng chỉ mang tính đề dẫn mà chưa đưa ra được những chỉ xuất, dẫn chứng hay cụ thể hóa về ca dao địa danh Bình Định.

Năm 2002, trong **Thông báo khoa học** chuyên ngành Ngữ văn của Trường Đại học Quy Nhơn, ThS. Trần Xuân Toàn đã công bố bài viết *Mấy nét về ca dao địa danh Bình Định* [7], tác giả đã đi sâu vào phân tích những đặc trưng cơ bản về ca dao địa danh ở khu vực Bình Định trong tương quan so sánh với ca dao địa danh khu vực Nam

Trung Bộ. Tác giả Trần Xuân Toàn đã khẳng định: *"Tháp cổ như một đặc trưng của không gian văn hóa trong ca dao địa danh Bình Định"* [7; 34], và thông qua những khảo sát ban đầu trong các lần điền dã văn học dân gian, tác giả đã khái quát một số cấu trúc địa danh theo phương pháp xâu chuỗi, định tính. Nhìn chung, công trình của nhà nghiên cứu Trần Xuân Toàn đã tìm hiểu khá kỹ ca dao địa danh Bình Định theo hướng xâu chuỗi, định tính và cấu trúc. Với những mong muốn tìm hiểu về mảnh đất quê hương, nhà nghiên cứu Trần Xuân Toàn đã mạnh dạn đi vào khảo sát những cấu trúc địa danh, ngõ hầu phân tích, tìm hiểu về những vùng đất giàu truyền thống văn hóa và đấu tranh của quê hương Bình Định từ góc độ cấu trúc ngôn ngữ. Tuy nhiên, công trình cũng chỉ dừng lại ở mức độ sơ khởi mà chưa đi vào phân tích những giá trị văn chương lịch sử của ca dao địa danh xứ nẫu cũng như khảo sát hệ thống ca dao địa danh này từ góc độ văn hóa địa phương. Song đây cũng là những đóng góp hữu ích đối với việc khảo cứu văn hóa dân gian của địa phương.

Như vậy, nhìn nhận *Ca dao địa danh Bình Định từ góc độ văn hóa* không phải là hướng nghiên cứu hoàn toàn mới nhưng giá trị văn hóa đang còn ẩn tàng trong lớp ngôn từ nghệ thuật của các câu ca này vẫn là những điều hấp dẫn chúng tôi trong quá trình tìm hiểu đề tài.

2 Những thuộc tính cơ bản của ca dao địa danh

2.1. Tính địa phương được phản ánh như một quy luật đặc thù

Ca dao địa danh là những câu ca dao gắn liền với một địa danh (tên đất, tên làng, tên sông suối...) cụ thể. Đó là những sáng tác dân gian của một vùng miền nhất định nên chúng có những nét đặc sắc riêng biệt mà vùng khác không thể có. Ca dao địa danh miền Bắc có nội dung sâu sắc, đậm thắm, hình thức được chải chuốt với sự thể hiện uyển chuyển dịu dàng của con người ở vùng kinh lịch, đất Tràng An. Kết hợp với những nét văn hoá Thăng Long - Hà Nội, hun đúc bởi cái lịch lãm của kẻ sĩ Bắc Hà, chẳng hạn:

"Cây đa cũ bến đò xưa / Người xưa có nghĩa nắng mưa cùng tìm".

Hình ảnh *"cây đa cũ", "bến đò xưa"* đã khơi gợi ý niệm về những hình ảnh không gian cổ tích, trầm lắng nhẹ

nhàng của ngày xưa. Những hình ảnh tha thiết ấy gắn bó với người lao động, thành biểu tượng chung có tính chất phổ quát cho người dân xứ Bắc, cũng mang âm điệu hình thức của câu ca xứ Bắc, câu ca của con người và vùng văn hóa xứ nẫu (tức vùng Bình Định, Phú Yên ngày nay) lại gắn liền với những hình ảnh cụ thể và tấm lòng chân chất của quê hương Bình Định:

"Cây Me cũ, bến Trầu xưa / Dầu không nên tình nghĩa cũng đón đưa trọn niềm".

Chỉ cần có một sự thay đổi nhỏ thôi cũng đã biểu lộ những sắc thái tình cảm khác biệt, đó là những tình cảm trước sau như một, thật thà không câu nệ của tình người. Đó là tấm lòng hào hiệp, trượng nghĩa của vùng đất võ Tây Sơn. Cái làm nên nét khác biệt giữa hai câu ca là những hình ảnh biểu trưng với những biểu tượng khác nhau, đậm tính chất địa phương. Sự khác biệt là một trong những tiêu chí giúp ta phân biệt những nét đặc thù mang tính địa phương.

Có thể nói, yếu tố địa phương là một trong những thuộc tính của ca dao và trở thành quy luật cơ bản của sáng tác ca dao, mà bộ phận ca dao địa danh là biểu hiện rõ nét nhất.

2.2 Phản ánh những đặc trưng văn hóa cơ bản của địa phương

Ca dao địa danh Việt Nam nói chung là một tập hợp ca dao địa danh của các địa phương cụ thể. Địa danh là tên gọi riêng của một địa phương nào đó, nó đi vào ca dao địa phương như một phương thức trữ tình của người bản xứ.

Ca dao địa danh Bình Định là một bộ phận của ca dao Việt Nam nói chung, do đó ngoài những đặc điểm riêng biệt, nó cũng mang những đặc điểm chung vốn có của ca dao Việt Nam. Với tư cách là ca dao của một địa phương, ca dao địa danh luôn phản ánh những tính chất, đặc điểm cục bộ của địa phương đó. Nghiên cứu ca dao địa danh của một địa phương (ở đây cụ thể là vùng Bình Định) là nghiên cứu lời ăn tiếng nói, tâm tư tình cảm của cả một vùng đất.

"Bình Định có đá Vọng Phu / Có đầm Thị Nại, có Cù Lao Xanh / Em về Bình Định cùng anh / Được ăn bí đỏ nấu canh nước dừa".

Rõ ràng đây là một lời "tán tỉnh" dễ thương của một chàng trai đất võ, chàng trai đã khéo léo phác họa về bức tranh quê hương sơn thủy hữu tình. Bình Định với hòn Vọng Phu đậm chất truyền thuyết, với đầm Thị Nại trong xanh, với Cù Lao Xanh duyên dáng bên bờ biển Đông, hơn thế nữa là những đặc sản dân dã của vùng quê rợp bóng dừa *"bí đỏ nấu canh nước dừa"*. Bình Định qua lời ca của chàng trai vừa thơ mộng vừa chân thực, hấp dẫn nhưng cũng rất đơn sơ. Những địa danh được liệt kê trong đó vừa mang tính cụ thể trong sự biểu hiện vừa mang tính chất khu biệt, địa phương hóa.

Tên riêng của địa phương đi vào ca dao địa danh vừa thể hiện đặc điểm có tính lịch sử, con người, tình yêu và sự gắn bó với địa phương đó. Nếu chẳng thế thì những câu ca mang đầy tình cảm yêu thương gắn bó của con người với tình yêu xứ sở này:

"Trèo đèo hai mái chân vân / Lòng về Hà Tĩnh, dạ ái ân Quảng Bình".

Chính những tên riêng như Hà Tĩnh, Quảng Bình đã gắn bó máu thịt với con người, để con người ra đi không nỡ. Sợi dây tình cảm đã thắt chặt họ lại với nhau. Nếu con người gắn bó với địa phương thì cũng gắn với những phong tục tập quán của địa phương, bởi thế ca dao địa danh còn phản ánh những nét đặc trưng về văn hóa, phong tục của những vùng miền cụ thể:

"Ai về Phú Thọ cùng ta / Vui ngày giỗ Tổ tháng Ba mừng mười / Dù ai đi ngược về xuôi / Nhớ ngày giỗ Tổ mừng mười tháng Ba".

3 Những giá trị văn hóa được thể hiện qua ca dao địa danh Bình Định

3.1. Ca dao địa danh Bình Định góp phần phản ánh những giá trị lịch sử, văn hóa, danh thắng và con người của vùng văn hóa "xứ nẫu"

Nói đến tính cách con người xứ nẫu, không ai không khen tính thật thà đến thô kệch của những chàng trai, sĩ tử đất võ, thân ái, thủy chung và khí phách...

"Hà Thanh nước mãi trong xanh / Đèo Sơn thăm mãi mối tình đôi ta / Sông sâu cầu đã bắc qua / Nén hương bên tháp gọi là đến ơn".

Nhắc đến Bình Định, người ta còn nghĩ đến đây là một vùng núi non hiểm trở. Trong dãy Tây Sơn trùng điệp có hoa Xà Cú nổi tiếng. Nơi đây từng là cơ quan đầu não, là nơi xuất binh của anh hùng Mai Xuân Thưởng thuộc Linh Đồng - Đồng Le - Bình Khê, nằm phía Tây Lộc Đồng - Đồng Hữu, cách Hầm Hô vài km đường chim bay nhưng phải đi bằng đường núi khúc khuỷu, quanh co. Cho nên sau khi đại bại ở Bàu Sấu (An Nhơn), Mai Nguyên Soái về ẩn mình tại đây, quân giặc truy lùng nhưng không thể biết được tung tích. Do đó, mỗi khi nhắc đến tên Linh Đồng, người Phú Phong (quê hương Mai Xuân Thưởng) thường hát:

"Ngó vô Linh Đồng mây mờ / Nhớ Mai nguyên soái dựng cờ đánh Tây / Hầm Hô cũ nước còn đầy / Còn gương phấn dũng còn ngày vinh quang".

Phải chăng địa linh sinh nhân kiệt? Vùng Tây Sơn nói riêng, Bình Định nói chung là **"thang mộc địa"** (Phan Huy Chú), phong cảnh núi non hùng vĩ, sông ngòi chằng chịt đã rèn đúc nên những nhân tài kiệt xuất cho đất nước. Với địa thế là đất long xà, sông ngòi chằng chịt đã hun đúc nên khí thiêng sông núi, tính cách con người thượng võ, nghĩa hiệp, Tây Sơn là đất tiềm ẩn "long mạch" của Tây Sơn tam kiệt mà nhiều đời đều cho rằng đây là **"hoành sơn đại địa"** (Phan Huy Chú). Vì có núi Bút, non Nghiên, núi Kiếm, những địa danh này đã đi vào lịch sử nước nhà, luôn có mặt trong những thời khắc vĩ đại của đất nước trong những cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, đặc biệt là gắn liền với thời kỳ đầu của cuộc khởi nghĩa nông dân Tây Sơn của anh em nhà Nguyễn Huệ, Nguyễn Nhạc, Nguyễn Lữ. Cũng từ đó, mảnh đất thiêng liêng này của xứ nẫu đã đi vào thơ ca, tiếng hát

của quần chúng lao động như một đặc sản văn hóa đặc thù với một niềm trân trọng tự hào:

"Ai về Bình Định mà coi / Con gái Bình Định cầm roi đi quyền".

Một trong những di sản của tiền nhân còn sót lại trên vùng đất này là những tháp Chàm cổ kính, rêu phong với thời gian, và người Bình Định khi ly hương không ai là không nhớ những ngọn tháp cổ kính, nghiêm trang soi bóng vào dòng chảy của lịch sử quê hương. Xuân Diệu - một nhà thơ của xứ Tùng Giản, Tuy Phước, nhớ về quê mẹ Gò Bồi vẫn không thể quên những hình ảnh có tính chất biểu trưng ấy:

"Quê mẹ gió nồm thổi lên tươi mát / Bình Định lúa xanh ôm bóng tháp Chàm" (Nhớ quê Nam).

Hầu hết những bóng tháp Chàm đều đi vào ca dao địa danh của Bình Định:

"Ngó lên hòn tháp Cánh Tiên / Cảm thương ông Hậu thủ thiên ba năm".

"Tháp Bánh Ít đứng sít cầu Bà Gi / Non xanh nước cũng xanh rì...".

Những ngọn tháp ấy đã trở thành những danh lam thắng tích, cổ kính, tô đậm nét đẹp quê hương, sáng rõ cảnh đẹp đất võ, **đó là không gian văn hóa đặc trưng trong ca dao địa danh Bình Định, đây cũng là một nét tư duy mang tính biểu tượng của con người xứ nẫu**. Sự ghi nhận địa danh trong ca dao thể hiện tình cảm gắn bó thủy chung, những nét đặc trưng tình cảm, những nếp tư duy về con người cảnh vật của con người đất võ... nó nhắc nhở người ta luôn nhớ về cội nguồn nơi chôn nhau cắt rốn và nuôi dưỡng ta lớn khôn, chỉ có những cảm xúc thật sự thương yêu gắn bó với quê hương mới có thể phác họa được vẻ kỳ thú của mảnh đất này:

"Gió cầu Tấn đêm ngày thổi mát / Đường Quy Nhơn lấm cát để đi / Phương Mai, Gành Ráng tương tri / Ngâm câu thủy tú sơn kỳ thành thơ".

Triết lý về quê hương, sự gắn gũi gắn bó giữa người và cảnh trong tâm hồn của thi nhân, nghệ nhân dân gian hay những con người bình dân thật dung dị, nó đã được thổi hồn bởi những cảm xúc thật chân chất, mộc mạc, chân tình. Những địa danh đi vào các câu ca dân gian vừa làm sống dậy những nỗi niềm, vừa ngợi ca những thắng tích những cũng là giới thiệu những danh lam cùng bè bạn. Sự hòa quyện đó làm cho ca dao địa danh Bình Định thêm duyên dáng, xinh tươi.

3.2 Ca dao địa danh Bình Định phản ánh tình cảm đôi lứa

GS.TS Nguyễn Xuân Kính trong cuốn **Thi pháp ca dao** [5] đã cho rằng bộ phận ca dao địa danh thể hiện tình yêu nam nữ chiếm tỷ lệ cao hơn hết trong mảng ca dao địa danh. Ông cho rằng: *"ca ngợi tình yêu nam nữ, phản ánh tình cảm vợ chồng là chủ đề phổ biến nhất..."* [5; 234], ông thống kê được trong tổng số 377 lời đã có 123 lời (chiếm 32%) được sáng tác và lưu truyền theo chủ đề này.

Tương tự như thế, trong ca dao địa danh Bình Định,

số lượng câu ca về tình cảm đôi lứa vẫn chiếm tỷ lệ lớn. Điều này cũng dễ hiểu, bởi lẽ tình yêu là đề tài muôn thuở của con người xưa nay. Tình cảm đó có thể là tình cảm vợ chồng chưa chẵn ấm gối êm đã vội chia tay vì việc binh lửa, người chồng đi lính thú, vợ vượt đèo trèo núi thăm chồng. Đây là tiếng hát ai oán của một người như vậy:

"Tiếng ai than khóc nỉ non / Hay vợ chú lính trèo hòn Cù Mông".

Đôi lứa thương nhau thường hẹn biển thề non, mượn những vật có giá trị lâu bền như một người bảo chứng cho tình cảm của mình:

*"Anh nguyện cùng em Chợ Giã cho chí Cầu Đôi
Nguyễn lên Cây Cốc, vạn Gò Bồi ngược xuôi..."*

"Bao giờ Trường Úc hết vôi / Đôi ta hết đứng hết ngồi với nhau".

"Cầu Đôi mà tháp cũng Đôi / Để chi nhân ngãi mà rời được nhau".

Hình ảnh cô gái trong đêm dệt vải mà lòng trông vọng về Đập Đá, Gò Găng, những thị tứ sầm uất của vùng An Nhơn như muốn nhắn gửi tấm lòng mong đợi đến chàng trai, người quân tử hãy còn rong ruổi trên đường công danh *"Anh về Đập Đá, Gò Găng / Để em dệt vải sáng trăng một mình"*. Họ cách xa nhau, đợi chờ nhau nhưng không bao giờ chia ly bởi giữa họ có mối dây ràng buộc là chiếc nón Gò Găng duyên dáng và xấp vải lụa An Thái làm mối thề nguyện.

Song song với những lời ca hẹn biển thề non là những câu, những lời bộc lộ lòng quyết tâm sắt đá của tình cảm lứa đôi:

"Bốn mùa xuân hạ thu đông / Thiếp ngồi dệt vải nghĩ trông bóng chàng / Dừa xanh trên bến Tam Quan / Dừa bao nhiêu trái dạ trông chàng bấy nhiêu".

Quê hương Tam Quan trồng dừa thành rừng, ai đó nếu một lần được đặt chân chắc sẽ nghe câu hát:

"Tam Quan nước ngọt dừa xiêm / Cha từ, mẹ bỏ cũng tìm theo anh".

Hình ảnh xứ dừa xuất hiện trong câu ca như là tấm lòng yêu thương da diết của chàng trai, chàng vì yêu nàng đã vượt suối băng sông tìm đến với nàng:

"Đường lên An Lão cheo leo / Thương em anh mới leo trèo đến đây".

Về đẹp chân tình, mộc mạc có phần thô ráp của con người đất võ được phản ánh qua những câu ca dao địa danh càng góp phần khẳng định và tôn vinh những đặc trưng văn hóa của đất và người Bình Định. Nó khẳng định đời sống tình cảm mãnh liệt, đa dạng và phong phú chất xúc tác đưa con người ngày càng gần nhau hơn.

"An Hành năm bữa một phiên / Gặp cô hàng bún nên duyên vợ chồng".

3.3 Ca dao địa danh thể hiện sự phong phú về sản vật của Bình Định

"Muốn ăn bánh ít lá gai / Lấy chồng Bình Định sợ dài đường đi".

Nói đến Bình Định ngoài những chiến công oanh liệt, người ta còn nhắc đến những sản vật địa phương như những biểu tượng làm nên truyền thống của vùng đất ấy. Cùng với bánh ít, trong văn hóa ẩm thực vùng Tuy Phước, món nem chợ Huyện mà mỗi khi nhắc đến vẫn còn thơm thềm:

"Ai về Tuy Phước ăn nem / Ghé qua Hưng Thạnh mà xem tháp Chàm".

Theo các tài liệu cũ, nem chợ Huyện có hai loại: nem chua và nem nướng. Nem thường được gói bằng lá ổi bên trong, bên ngoài gói lá chuối, vuông vức và xâu thành chùm. Cầm chiếc nem nhắm nháp với ngum Bàu Đá thì sảng khoái vô cùng. Do đó không phải ngẫu nhiên mà nem chợ Huyện được đưa vào câu ca như vậy...

"Muốn ăn đi xuống / Muốn uống đi lên / Đạo khắp bốn bên / Chợ Thành, chợ Giã / Chợ Dinh bán chả / Chợ Huyện bán nem..."

Cùng với Tuy Phước, đầm Thị Nại cũng là nơi có sản vật phong phú, Thị Nại giàu cá và tôm nên có câu:

"Mong về xứ sở Vinh Quang / Ăn canh cua bẩy, tôm rang thả tình / Hai xóm Quang Hiên, Quang Vinh / Ăn cá lá nướng, cá kinh nấu chua".

Đầm Thị Nại là vùng nước lợ, dân địa phương gọi là nước sảng hai, kéo dài từ thành phố Quy Nhơn đến Cồn Chim rồi chạy dài ra đến vịnh Gò Bồi, đây cũng là nơi sản xuất nước mắm nổi tiếng với những ghe thuyền buôn bán của những thương nhân đất Triều Châu (Trung Quốc) vận chuyển ngược xuôi:

"Anh về dưới Vạn Gò Bồi / Bán mắm, bán cá lần hồi cười em".

"Gò Bồi nổi tiếng mắm ngon / Ai đi cũng nhớ cá tôm Gò Bồi".

Và Gò Bồi đã trở thành thi hứng cho nhà thơ Xuân Diệu, nhớ quê ngoại thân thương và ông cũng không thể quên được vị nước mắm đậm thơm của Gò Bồi:

*"Ôi, tôi có mang sẵn cất sâu thay
Từ lúc má tôi đẻ ra ở Vạn Gò Bồi làm nước mắm
Một hạt muối trong tim để mặn với những gì đậm thắm..."* (Nhớ quê Nam).

Ở đất võ Bình Định, mỗi địa phương nổi tiếng với một sản vật, do đó quần chúng đã truyền tụng:

*"Nón ngựa Gò Găng / Bún Song Thần An Thái
Lựa Đậu Ba An Ngãi / Xoài tượng chín Hưng Long".*

Những sản vật ấy cùng với những địa danh đã đi vào đời sống dân dã thành nguồn nước không bao giờ vơi cạn. Nó luôn đậm đà như lòng người Bình Định chân thành hiếu khách.

3.4. Địa danh - một yếu tố đảm bảo tính xác thực trong ca dao địa danh Bình Định

"Chiều chiều én liệng Trông Mây / Cảm thương chú Lúa bị vấp trong thành".

Một địa danh, một nhân danh đã xuất hiện trong câu ca. Trông Mây còn gọi là Hóc Sấu, thuộc xã Ân Đức, huyện Hoài Ân chạy từ thôn Phú Thuận ở phía Bắc thôn

Vinh Hòa phía Nam, có độ dài chừng vài cây số, hai bên đây mây mọc thành rừng, gai góc mọc tua tủa nên người địa phương gọi là Trông Mây. Lúa là trang tuần kiệt, xuất thân bản hàn, sống vào thời nhà Nguyễn. Xét về mặt lịch sử, cuộc khởi nghĩa do Lúa cầm đầu là cuộc khởi nghĩa thuộc phong trào nông dân cuối thế kỷ XIX, mục đích là để tiêu diệt bọn tham quan ô lại, lấy của nhà giàu bạc ác chia cho dân nghèo. Cuộc khởi nghĩa này được nhân dân ủng hộ, Lúa qua đời, Trông Mây trở thành chốn linh thiêng. Như vậy, địa danh là Trông Mây, nhân danh là chú Lúa, đó là những yếu tố đảm bảo tính xác thực về mặt lịch sử. Do đó những địa danh, nhân danh trong những câu ca dao địa danh là không chỉ là tín hiệu thẩm mỹ đặc trưng của tâm hồn xứ nẫu mà còn là những chứng cứ xác thực minh chứng cho tâm hồn, nhân cách của con người đất võ trung chính, nghĩa tình.

"Bình Định có đá Vọng Phu / Có đầm Thị Nại có cù Lao Xanh / Em về Bình Định cùng anh / Được ăn bí đỏ nấu canh nước dừa".

Như thế, địa danh trong ca dao Bình Định ngoài việc đảm bảo tính xác thực địa phương thì nó còn mang tính hư cấu phi thực tế, song những hư cấu này lại rất cần thiết trong vấn đề trao đổi tình cảm lứa đôi, đó cũng là một trong những thủ pháp quen thuộc trong ca dao địa danh Bình Định.

KẾT LUẬN

Ca dao địa danh không chỉ phản ánh những tâm tư nguyện vọng thật thiết tha, chân tình của người và đất Bình Định mà còn là những biểu hiện rõ nhất về đặc tính văn hóa của xứ nẫu. Tiếp cận hệ thống ca dao viết về địa danh, đặc biệt là bộ phận ca dao địa danh Bình Định, ta cảm thấy mến yêu hơn quê hương đất võ, nơi đã sản sinh và nuôi dưỡng người anh hùng áo vải Quang Trung - Nguyễn Huệ, là vùng đất thép anh hùng của các cuộc kháng chiến chống quân xâm lược qua bao thế hệ. Bộ phận ca dao này đã góp mặt làm phong phú hơn kho tàng ca dao Việt Nam, là những tấm bia lịch sử và văn hóa của một vùng văn hóa Bình Định đa thanh sắc. ■

Tài liệu tham khảo chính:

1. Đinh Xuân Vịnh (1996), *Sổ tay địa danh Việt Nam*, NXB Lao Động, H.
2. Đào Văn A, Cao Văn Chử (1986), *Văn học dân gian Nghĩa Bình*, Sở VH TT Nghĩa Bình.
3. Huỳnh Triếp, Nguyễn Có, Nguyễn Doanh Phương (1993), *Ca dao Bình Định*, Sở VH TT Bình Định, Quy Nhơn.
4. Lê Trường Phát (2000), *Thi pháp Văn học dân gian*, NXB GD, H.
5. Nguyễn Xuân Kính (1992), *Thi pháp ca dao*, NXB HXH, H.
6. Quách Tấn (1967), *Non nước Bình Định*, NXB Nam Sơn, S.
7. Trần Xuân Toàn (2002), *Mấy nét về ca dao địa danh Bình Định*, TBKH Trường ĐHSP Quy Nhơn, số 18, tr. 33 - 37.

Chánh niệm tỉnh giác

KHÁNH NHƯ*

Ảnh: Ngô Văn Thông

Chánh niệm tỉnh giác (*Satisampajanna*) là một thuật ngữ Phật học ngụ ý một nếp sống thanh thản an lạc trong đời sống sinh hoạt hàng ngày, với một tâm tư hoàn toàn tỉnh táo và sáng suốt, biết rõ đối tượng đang tiếp xúc hay thức tỉnh về việc mình đang làm. Nó là một hình thái thiền hành được áp dụng trong đời sống thường nhật, thể hiện qua việc chú tâm nhận biết hay chánh niệm tỉnh giác về các hoạt động của thân thể, vừa khiến cho tâm thức diễn tiến một cách thư thái, hài hòa, thông suốt, vừa khiến cho mọi hoạt động trở nên khoan thai, nhịp nhàng, chuẩn xác. Đây là một trong các phương pháp “quán thân trên thân”

(*kàye kàyànupassanà*)¹ hay pháp môn “thân hành niệm” (*kàyagatasati*)² được nói đến trong kinh điển đạo Phật, nghĩa là chú tâm nhận biết hay quán niệm về các hoạt động hàng ngày của thân thể, khiến cho tâm trí trở nên định tĩnh, thanh tịnh, sáng suốt, đạt đến giải thoát và giải thoát tri kiến. *Kinh Sa-môn quả*, Trường Bộ nêu định nghĩa:

“Đại vương, thế nào là Tỳ-kheo chánh niệm tỉnh giác? Đại vương, ở đây, Tỳ-kheo khi đi tới, khi đi lui đều tỉnh giác; khi nhìn thẳng, khi nhìn quanh đều tỉnh giác; khi co tay, khi duỗi tay đều tỉnh giác; khi mang y kép, bình bát, thượng y đều tỉnh giác, khi ăn, uống, nhai, nuốt đều tỉnh giác; khi đi đại tiện, tiểu tiện đều tỉnh giác; khi đi, đứng,

ngồi, nằm, thức, nói, yên lặng đều tỉnh giác. Như vậy, này Đại vương, Tỳ-kheo chánh niệm tỉnh giác”³.

Giống như việc chú tâm theo dõi hơi thở vào ra nhằm mục đích an trú tâm, an tịnh tâm, khiến cho tâm không tán loạn, không dao động, đạt đến định tĩnh, trong sáng, giải thoát, an lạc; việc chú tâm nhận biết các hoạt động khác của thân thể cũng được vận dụng với mục đích tương tự. Đây gọi là nếp sống chánh niệm tỉnh giác hay thiền hành trong đời sống hàng ngày, nghĩa là chú tâm nhận biết hay tỉnh giác về các hoạt động của cơ thể, có công năng làm lắng dịu và làm trong sạch nội tâm, khiến cho tâm thức trở nên định tĩnh, trong sáng, vắng lặng, quân bình, không phản ứng, không dao động, không còn rơi vào các cảm thức đối cực như vui buồn, lạc khổ khiến tham (*abhiijjhana*) và ưu (*domanassa*) hay tham (*ràga*) và sân (*patigha*) có lý do sinh khởi và tăng trưởng. Đây cũng là một trong các phương pháp huấn luyện tâm, làm cho tâm trở nên tươi tỉnh, yên lặng, thanh tịnh, không còn bị chi phối hay ô nhiễm bởi các triển cái hay tập khí tham-sân-si. Nói cách khác, đó là pháp môn tu tập và phát triển tâm thức dựa trên sự chú tâm nhận biết hay quán niệm về các sinh hoạt thường nhật, có công năng làm tăng trưởng niệm lực, định lực, tuệ lực, hướng đến loại trừ hoàn toàn mọi gốc rễ của phiền não khổ đau là tham-sân-si hay dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu. Kinh Niệm xứ mô tả như vậy:

“Tỳ-kheo đi, tuệ tri: “Tôi đi”, hay đứng, tuệ tri: “Tôi đứng”, hay ngồi, tuệ tri: “Tôi ngồi”, hay nằm, tuệ tri: “Tôi nằm”. Thân thể được sử dụng như thế nào, vị ấy tuệ tri thân như thế ấy. Như vậy, vị ấy sống quán thân trên nội thân; hay vị ấy sống quán thân trên ngoại thân; hay vị ấy sống quán thân trên nội thân, ngoại thân; hay vị ấy sống quán tánh sanh khởi trên thân; hay vị ấy sống quán tánh diệt tận trên thân; hay vị ấy sống quán tánh sanh diệt trên thân. “Có thân đây”, vị ấy an trú chánh niệm như vậy, với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì trên đời.

Lại nữa, Tỳ-kheo, khi bước tới bước lui, biết rõ việc mình đang làm; khi ngó tới ngó lui, biết rõ việc mình đang làm; khi co tay duỗi tay, biết rõ việc mình đang làm; khi mang áo Sanghati (Tăng-già-lê), mang bát, mang y, biết rõ việc mình đang làm; khi ăn, uống, nhai, nuốt, biết rõ việc mình đang làm; khi đại tiện, tiểu tiện, biết rõ việc mình đang làm; khi đi, đứng, ngồi, ngủ, thức, nói, im lặng, biết rõ việc mình đang làm. Như vậy, vị ấy sống quán thân trên nội thân; hay sống quán thân trên ngoại thân; hay sống quán thân trên cả nội thân, ngoại thân. Hay vị ấy sống quán tánh sanh khởi trên thân; hay sống quán tánh diệt tận trên thân; hay sống quán tánh sanh diệt trên thân. “Có thân đây”, vị ấy an trú chánh niệm như vậy, với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì trên đời”⁴.

Quả là hết sức thực tế và giản dị lối sống giác ngộ an lạc được nói đến trong đạo Phật. Giác ngộ hay an lạc

có thể được tìm thấy ở mọi lúc mọi nơi, ngay trong đời sống hàng ngày, trong các sinh hoạt quen thuộc của con người. Cứ theo lời Phật dạy thì người ta không cần phải đi đâu xa, cũng không cần phải tạo thêm điều gì khác như là phương tiện để tìm kiếm an lạc; bởi an lạc có sẵn trong mọi người, trong hơi thở vào ra có chánh niệm hay trong các sinh hoạt ăn, mặc, đi, đứng, nằm, ngồi có tỉnh giác của mỗi người. Chỉ cần dứt bỏ mọi ý tưởng tìm cầu, mọi suy nghĩ tính toán, quay về với chính mình, nhận rõ hơi thở vào ra hay tỉnh giác về những gì mình đang làm thì con người sẽ đạt được giác ngộ, sẽ có được cuộc sống an lạc. Đây chính là lẽ sống minh triết được nói đến trong đạo Phật, một lẽ sống nêu rõ tính chất thiết thực của đạo Phật trong cách thực nghiệm hạnh phúc an lạc thông qua việc quán niệm về các sinh hoạt thường nhật hay chú tâm nhận biết về thực tại duyên sinh, vô thường, vô ngã của hết thảy mọi sự vật và hiện tượng để thực chứng tâm giác ngộ, tâm giải thoát ngay trong hiện tại.

Thông thường, chúng ta sống hàng ngày với cái tâm đồ đầy ký ức và dự tính, không còn chỗ trống cho một niệm dừng nghỉ hay an trú. Chúng ta thường xuyên cảm thấy căng thẳng và mệt mỏi bởi tâm của chúng ta đã phải làm việc quá sức và không hề được nghỉ ngơi. Chúng ta chưa hết suy tư điều này thì lại tính toán đến việc kia và do vậy tâm của chúng ta luôn luôn quay cuồng, dao động, không tĩnh lặng, không đứng yên một chỗ. Nó hết bị ám ảnh bởi ký ức quá khứ lại bị thôi thúc bởi vọng tưởng tương lai và do vậy nó không an trú trong hiện tại, không an tịnh, không thanh thản, không giải thoát. Hiện tại là cách gọi của một tâm thức thường xuyên nhận biết và thức tỉnh về các pháp hay hiện tượng đang diễn tiến mà ý thức hay ngã tưởng không có mặt. Khi chúng ta sống chú tâm nhận biết hay thức tỉnh về một sự vật hoặc một hiện tượng nào đó mà không để cho ý thức hay ngã tưởng xen vào làm công việc suy tính, ước lượng, phân biệt hay phán xét thì giây phút ấy được gọi là sống với hiện tại, sống với thực tại hay sống với những gì đang là. Đây gọi là phương pháp quán niệm trong đạo Phật, theo đó hành giả Phật giáo thể hiện cuộc sống an lạc giải thoát ngay trong hiện tại bằng cách an trú tâm trên thực tại chuyển biến của các pháp, thấy rõ chúng là giả hợp, vô thường, vô ngã, khiến cho tâm trở nên quân bình, tỉnh táo, sáng suốt, không phản ứng, không dao động, không còn bị chi phối bởi các cảm thức đối cực như có hay không, được hay mất, lạc hay khổ, vui hay buồn, yêu hay ghét. Chính ở đây không có khổ đau, không có phiền lao, không có ưu não, không có nhiệt não phát sinh⁵, vì bấy giờ tâm trí hoàn toàn vắng lặng, tịch tịnh, không phản ứng, không tìm cầu, không phân biệt, không dính mắc, không bám víu, không chấp trước một vật gì trên đời (*na kinci loke upàdiyati*)⁶.

Như vậy, sở dĩ chúng ta cứ rơi vào lo âu, phiền muộn và khổ đau ấy là bởi tâm của chúng ta thường xuyên quay cuồng và dao động bởi các ý niệm phân biệt và vọng tưởng, không an trú, không an tịnh, không đứng yên một

chỗ. Chúng ta bị phiền muộn và khổ đau chỉ phổi bởi chúng ta không biết cách an trú tâm, an tịnh tâm, không biết đưa tâm về với hiện tại hay không biết cách sống với thực tại. Chúng ta thở vô thở ra hay đi, đứng, nằm, ngồi hoặc làm công việc trong mỗi phút giây và các động tác này cứ lặp đi lặp lại mãi, nhưng chúng ta không chú tâm nhận biết hay thức tỉnh về chúng. Chúng ta sống và hoạt động như một cỗ máy! Nói khác đi, chúng ta không sống với thực tại, không sống với những gì đang là, bởi chúng ta không chú tâm nhận biết hay thức tỉnh về những gì mình đang làm. Chúng ta hít vô rồi thở ra và động tác này cứ lặp đi lặp lại hết sức tự nhiên đến độ chúng ta không cần nỗ lực để thở, không cần chú ý đến nó, không sống với nó. Nó đến và đi hết sức tự nhiên. Chẳng có gì quan trọng để chú ý đến hơi thở. Đúng như thế. Hơi thở không đề ra tiền! Và chúng ta có nhiều việc quan trọng khác cần phải làm. Thật hợp lý và hãy tưởng tượng! Hàng loạt công việc cấp thiết đang chờ chúng ta giải quyết. Nào lo học phí cho con đi học, sửa lại chiếc máy giặt vừa bị hỏng, đi thăm người bạn cùng công ty đang nằm bệnh... Tất cả cứ ùn ùn đổ dồn khiến chúng ta phải xử lý “mệt bỏ hơi tai”, nhưng tất cả đều cấp bách và quan trọng đối với cuộc sống vốn có nhiều tương quan buộc ràng đến độ chúng ta quên mất chính mình, quên mất chúng ta cần phải thở! Không, chẳng cần cố gắng để thở bởi hơi thở đến và đi hết sức tự nhiên, nhưng cần chú ý đến hơi thở, cần thở đều, thở sao cho khỏe! Đạo Phật rất chú trọng đến hơi thở. Nó không bảo cho bạn điều gì khác ngoài việc kêu gọi bạn chú ý đến hơi thở. Trong đạo Phật, theo dõi hơi thở đồng nghĩa với việc chăm sóc sức khỏe cho tự thân, cả về vật lý lẫn tinh thần. Trong số các bài pháp của Ngài, Đức Phật dành riêng một bài, kinh Niệm hơi thở vô hơi thở ra (*Ānāpānasati Sutta*), để nói về cách thức và lợi ích của việc chú tâm vào hơi thở. Hơi thở không mang cho ta tiền tài danh vọng nhưng hơi thở có thể mang lại sức khỏe và sự minh triết.

Cuộc sống càng văn minh tiến bộ thì con người càng ít chú ý đến hơi thở, đúng hơn, không có thời gian dành cho nó. Điều này cũng có nghĩa là con người đang dần dần bỏ quên chính mình, bỏ quên việc chăm sóc sức khỏe nội tâm. Hơi thở không được quan tâm nhưng, thay vào đó, trí óc được vận dụng tối đa nhằm đối phó với môi trường sống ngày càng trở nên phức tạp và thích nghi với nhịp điệu sống ngày càng tăng nhanh. Thực tế này cho thấy con người hiện đại chỉ chú ý phát triển một phần “con người tự thân” và bỏ qua phần còn lại. Con người không còn là con người tổng thể hay toàn diện mà bị xé mảnh ra và phát triển phiến diện bởi áp lực và quan niệm thực dụng. Đây phải chăng là nguyên nhân của khủng hoảng?

Hẳn là những ai cảm thấy trống trải, căng thẳng và mệt mỏi trong lối sống hiện đại sẽ tìm thấy chỗ đứng thanh thản ở đạo Phật. F. Nietzsche cho rằng “*Phật giáo là tôn giáo dành cho sự kết thúc và mệt mỏi của*

văn minh”. Bởi ở đây mọi thứ phức tạp thành ra đơn giản và người ta không cần làm gì thêm cho cái gọi là sống hạnh phúc. Đạo Phật được biết như là đạo thức tỉnh. Mọi thứ đã có sẵn. Chỉ thức tỉnh thôi, không cần phải làm gì thêm. Đức Phật sau khi trải qua các tìm cầu bên ngoài đã phát hiện ra sự thật giác ngộ không ở đâu xa mà nằm ngay nơi hơi thở của Ngài⁸. Ngài liền buông bỏ mọi tìm cầu, mọi ý nghĩ tạo tác, tập trung thức tỉnh về hơi thở vào ra và cuối cùng đạt đến toàn giác, thực chứng tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Không có gì thực tế và giản dị hơn đạo giác ngộ của Ngài, bởi nó đơn giản chỉ là sự thức tỉnh. Thức tỉnh về cái đã sẵn có, không cần phải tạo thêm cái gì khác để thức tỉnh hay giác ngộ. Cố nhiên, đạo Phật không giúp nhiều cơ hội cho người ta giàu lên về của cải vật chất hay địa vị danh vọng, nhưng nó có khả năng làm cho con người trở nên tinh táo và sáng suốt hơn trong lối sống hàng ngày, giúp con người nhận ra một giá trị hạnh phúc khác thường bị lãng quên. Đó là sự thanh thản an lạc của tâm thức biết thức tỉnh về hơi thở hay sự thoát ly mọi lo âu, căng thẳng, mệt mỏi và khổ đau nhờ quán niệm về các hoạt động của thân thể hay chánh niệm tỉnh giác về các sinh hoạt thân quen như ăn, mặc, ở, đi, đứng, nằm, ngồi... trong đời sống hàng ngày. ■

1. Kinh Niệm xứ, *Trung Bộ*.
2. Kinh Thân hành Niệm, *Trung Bộ*.
3. Kinh Sa-môn quả, *Trường Bộ*.
4. Kinh Niệm xứ, *Trung Bộ*.
5. Kinh Vô tránh phân biệt, *Trung Bộ*.
6. Kinh Niệm xứ, *Trung Bộ*.
7. F. Nietzsche, *Kẻ phản Ki-tô*, tr.67, NXB Tri Thức, 2011.
8. Đại kinh Saccaka, *Trung Bộ*.



Thấp thoáng lời Kinh “Đà-la-ni”

ĐỖ HỒNG NGỌC

Thế Tôn! Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nơn hay thọ trì được kinh Pháp Hoa này, hoặc đọc tụng thông lệ, hoặc biên chép quyển kinh, đặng bao nhiêu phước đức?”

Dược Vương từ chỗ ngồi đứng dậy lên tiếng thưa hỏi... Phật trả lời: “Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nơn ở nơi kinh này có thể thọ trì nhần đến một bài kệ bốn câu đọc tụng giải nghĩa, đúng như lời mà tu hành thời công đức rất nhiều.”

Dược Vương hỏi phước đức, Phật trả lời công đức. Hai chuyện hoàn toàn khác nhau. Hỏi “thọ trì đọc tụng biên chép”, thì trả lời phải “giải nghĩa, đúng như lời mà tu hành”. Nói khác đi, nếu chỉ đọc *Pháp Hoa* ro ro, tụng ro ro... thì không ích lợi bao nhiêu! Học là để hành. Và học *Pháp Hoa* là để hành, để đưa *Pháp Hoa* vào đời sống.

Pháp Đạt đến gặp Sư Huệ Năng tự hào đã tụng ba ngàn bộ *Pháp Hoa*, Sư nói: “Nếu người niệm đến một muôn bộ, hiểu đặng ý kinh mà chẳng lấy đó gọi là hơn người, thì mới cùng ta đi một con đường...”

Pháp Đạt: “Nếu vậy, hiểu đặng nghĩa, thì chẳng cần tụng kinh?”

Sư nói: “Kinh có lỗi gì, há có ngăn trở sự tụng niệm của người đâu! Miệng tụng mà tâm làm theo nghĩa kinh, tức là mình chuyển kinh. Miệng tụng mà tâm chẳng làm theo nghĩa kinh, tức là mình bị kinh chuyển”. Bèn đọc kệ rằng:

Tâm mê Pháp Hoa chuyển

Tâm ngộ chuyển Pháp Hoa

...

(*Pháp bảo Đàn kinh*, HT Minh Trục dịch, 1944)

Vị Pháp sư trong *Pháp Hoa* đến nay đã được “trang bị” khá đầy đủ những đức tánh cần thiết để có thể vào đời,

đã học hạnh tôn trọng của Thường Bất Khinh Bồ-tát, học hạnh chân thành của Bồ-tát Dược Vương, học hạnh *thấu cảm*, *từ bi* của Diệu Âm, Quan Thế Âm Bồ-tát... có nghĩa là đã có thể “ở nhà Như Lai, mặc áo Như Lai, ngồi tòa Như Lai” rồi đó, thế nhưng đi vào cõi Ta-bà thời mạt pháp để truyền bá *Pháp Hoa* - sau khi Phật diệt độ - cũng chẳng dễ chút nào! Bây giờ Phật còn đó, Phật thuyết giảng mà nhiều người còn ngờ vực, không tin, bỏ đi. Phật phải nhắc đi nhắc lại: Ta nói thật đó, không nói hai lời! Rồi một số không nhỏ các vị Đại Bồ-tát tìm cách thoái thác, xin qua... xứ khác giảng kinh cho dễ, chẳng mấy ai chịu ở cõi Ta-bà đầy sóng gió này! Dù đã được *khai*, được *thị*, được *ngộ* rồi, nhưng *nhập* quả là không dễ. “Nhập” là xắn tay vào cuộc, là mang gươm xuống núi cứu khổn phò nguy, là “thống tay vào chợ”... Cho nên Pháp sư chẳng những phải được trang bị tự bên trong mà còn cần có được sự giúp đỡ từ bên ngoài, tức cần một môi trường thuận lợi để “hành sự”. Cho nên *Pháp Hoa* có hẳn một phẩm gọi là “An lạc hạnh” và Đà-la-ni sẽ là những “liều thuốc” quý, những “cầm nang” để vào đời, để tùy cơ ứng biến! Vào đời, chẳng những cần trí huệ mà còn cần cả dũng lược nên ở phẩm Đà-la-ni này, cạnh Bồ-tát Dược vương ta thấy có Bồ-tát Đồng Thí xuất hiện.

Phật ân cần dặn Tú Vương Hoa: “Dược Vương... là món lương dược của người bệnh trong cõi Diêm-phù-đề; nếu người có bệnh đặng nghe kinh này bệnh liền tiêu diệt, chẳng già chẳng chết!”. Và ngay đó thì đã có tám muôn bốn nghìn Bồ-tát đặng pháp “Giải nhất thiết chúng sanh ngữ ngôn Đà-la-ni”...

Cho nên có thể coi *đà-la-ni* là một thứ thuốc, thứ thuốc thần của Dược Vương, thứ thuốc của lòng kiên định, nhẫn nại, tinh cần, bố thí thân mạng, tự “đốt” thân

一 是 故 稱 石

mình suốt một ngàn hai trăm năm, rồi tự đốt cả hai cánh tay mình, đã thực sự “hành thâm Bát-nhã”, đã chiếu kiến ngũ uẩn giai *không*, đã đạt tới cõi “Bất nhị”, vô phân biệt mới đủ sức đi vào chốn gian nan mà không sợ lay chuyển. Được Vương đã là một tấm gương kiên nhẫn, hùng tâm suốt chặng đường dài tu tập có lẽ một phần lớn đã nhờ đà-la-ni, những thần chú, linh chú nhắc nhở, hướng dẫn, điều chỉnh cho từng phút từng giây.

Đà-la-ni, *tổng trì, thần chú, linh chú*, chỉ mình mình biết, chỉ mình mình hay (mật) có vai trò như một công thức, nhắc nhở để người ta “nhập” vào Như Lai, nhập vào tri kiến Phật một cách an toàn và thường trực. “Tổng”, vì nó “gom” hết tất cả lại, “trì” vì nó luôn gìn giữ, luôn gợi nhớ. Khi cần, đọc lên, lập tức Được Vương, Diệu Âm, Quán Thế Âm, Thường Bất Khinh... hiện ra ngay trước mắt, mỉm cười với ta, hoặc nghiêm khắc với ta, nhưng luôn luôn sẵn sàng giúp ta với nghìn tay nghìn mắt, với cam lồ rưới mát dập tắt mọi thứ tham sân si... Nghĩa của đà-la-ni, hiểu càng tốt nhưng chẳng hiểu còn tốt hơn! Có những âm thanh, những ú ớ đủ để truyền thông như khi bà mẹ trẻ nghe tiếng con rên rĩ, con ừ ừ, con khóc thét thì dù đang ngủ say cũng giật mình thức giấc...

Ú ú ớ ớ là đủ rồi cho chính mình và cho những người cùng rung động sáu cách với mình. Nghĩa đen của Đà-la-ni nhiều khi nghe có vẻ như tầm thường, giản đơn... nhưng “thần lực” của nó thì không thể nghĩ bàn trong một bối cảnh, một không khí nào đó. A-nan là một Tỳ-kheo đẹp trai, suýt rơi vào tay một kỹ nữ xinh đẹp, Phật vội vàng kêu Văn Thù mang đến... một “đà-la-ni”. Thế là sự tỉnh.

Một chữ AUM có khi là đủ cho tất cả. Một câu *Om Mani Padme Hum* là đủ cho tất cả. Một câu *Gate gate paragate parasamgate*... là đủ cho tất cả. Nó vang lên đúng lúc ở trong tâm trí để trở thành một thứ “lương dược” giúp vượt qua, vượt lên, vượt ra (Gate, Gate, Paragate...).

Vào đời (*Nhập*) không đơn giản chút nào. Không phải như lúc ở núi cao, vực thẳm, xả ly, bịt mắt che tai. Giữa chốn chợ đời đông đúc, độc cư không dễ; giữa chốn âm thanh náo nhiệt “phản văn văn tự tánh” sao đây? Nói năng, đi đứng nằm ngồi, cái ăn cái mặc... đều từ một chọn lựa, từ một trách nhiệm, nói khác đi, từ nghiệp, tạo tác qua thân khẩu ý.

Nếu có một cái gì đó nhắc ta, làm cho ta giật mình, véo cho ta một phát đau điếng hẳn là rất tốt, rất cần thiết. Cái gì đó có khi là một âm, một tiếng, một chữ, một câu là đã đủ. Một tiếng OM đúng lúc kia đã kịp cứu người Sa-môn sắp chìm mình xuống dòng sông, để rồi trở thành người chèo đò mãi miết đưa khách sang “bờ bên kia” (*Câu chuyện của dòng sông*, Hermann Hesse).

Sắc thọ tướng hành thức thì “hành” là một phản ứng của tâm, một tiến trình tâm, xuất phát từ cả một kho chứa của thói quen, của phong tục, tập quán, của những nghĩ tưởng, những thành kiến... dồn dập xua tới, nhiều khi từ vô thức, khiến ta xử sự... không kịp kiểm soát. *Đà-la-ni* sẽ nhắc nhở, sẽ soi sáng, gọi về.

Được Vương bạch Phật: “*Thế Tôn! Con nay sẽ cho người nói kinh Pháp Hoa chú dalani này để giữ gìn...*”. Giữ



gìn là để không bị sa ngã. Rồi Dược Vương đọc: *anye manye mane mamane citte carite same samitā...*

Dược Vương chưa đủ. Bi và Trí chưa đủ, còn cần phải có Dũng. Cho nên ở đây Bồ-tát Đồng Trí xuất hiện. Ngài cũng cho một đà-la-ni nữa, để giúp vị Pháp sư và cả những “người thọ trì đọc tụng kinh *Pháp Hoa*”, khỏi bị Dạ-xoa, La-sát, Ngạ quỷ ám hại...

Bấy giờ các vị Thiên vương có mặt cũng lần lượt xuất hiện để giúp Pháp sư. Tỳ-sa-môn Thiên vương vốn là vị “hộ thể”, trấn giữ phương Bắc, chế phục chúng ma, tay cầm long báu che chở thế gian cũng cho một đà-la-ni để người thọ trì *Pháp Hoa* tránh tai họa. Rồi Trì quốc Thiên vương tay ôm đàn tỳ bà, cùng với nghìn muôn ức na-do-tha chúng Càn-thát-bà cũng xin góp một đà-la-ni!

Pháp Hoa là “vua” của các kinh nên ở đây ta thấy xuất hiện các vị Thiên vương hộ pháp, kẻ thì làm cho thế giới hòa bình, kẻ thì làm cho đất nước thịnh vượng, an vui, chúng dân hạnh phúc. Có thể nói *Pháp Hoa* không dừng lại ở sự tu tập cá nhân để trở thành một A-la-hán hay Bồ-tát mà đã mở rộng ra chuyện “tề gia, trị quốc, bình thiên hạ” sau khi đã qua bước “tu thân”.

Điều kỳ diệu và bất ngờ nhất ở đây là sự xuất hiện của các bà La-sát! Nào Lam bà, Tỳ lam bà, Đa pháp, Vô yểm túc, Trì anh lạc, Cao đế, Đoạt tinh chất... cũng sẵn sàng ra tay giúp một câu thần chú để ủng hộ người đọc tụng thọ trì kinh *Pháp Hoa* luôn “được an ổn, trừ khổ họa, tiêu các thuốc độc”.... “Thà trèo lên đầu chúng con chứ đừng nỡ hại

Pháp sư... nhắm đến trong chiêm bao cũng chớ nỡ hại!” Các bà La-sát nói như vậy. Bởi các bà thừa biết nhiều khi chính trong chiêm bao “kẻ ác” mới hay gây náo hại người!

“Nếu cố tình gây náo hại, nhất quyết không tha!” Các bà lên giọng đe dọa.

Phật khen: *Hay thay! Hay thay! Các người có thể chỉ ủng hộ người thọ trì tên kinh Pháp Hoa là phước chẳng thể lường được rồi, huống là ủng hộ người thọ trì toàn bộ cúng dường từ quyển kinh, hoa hương, chuỗi ngọc, hương bột, hương xoa... rồi phan, lọng, kỹ, nhạc, đèn nền đèn dầu... nghìn trăm thứ như thế...*

Rõ ràng các bà La-sát hung dữ ở đầu không biết chớ ở đây thì... dễ thương hết sức, sẵn sàng cúng dường trăm nghìn thứ góp phần tạo nên một đạo tràng trang nghiêm cho Pháp sư. Ánh sáng lung linh của ngọn nến, mùi hương, sắc hoa, tiếng nhạc... không nói lên điều gì sao? Nhiều lắm chứ. Nó nói tiếng nói Như Lai, duyên sinh, vô ngã, vô tướng thật tướng... Các bà La-sát mà đã chịu giúp cho thì hẳn có thể tu thành chánh quả mau!

Có vô số pháp môn, tùy căn cơ mà chọn lựa. Nhưng với kinh *Pháp Hoa* tổng hòa này thì Bồ-tát, Thiên vương, Quỷ thần đều hết lòng ủng hộ.

Tu thân thì đã có đà-la-ni của Dược Vương, Đồng Trí; giúp nước giúp đời thì đã có đà-la-ni của Tỳ-sa-môn Thiên vương và Trì quốc thiên vương; bên cạnh nếu còn luôn có sự bảo hộ giúp đỡ không ngừng của các... bà La-sát dễ thương này nữa thì quá tốt! ■

CÁC ĐƠN VỊ, CÁ NHÂN TẶNG BẢO VHPG NĂM 2013

Ban Biên tập *Văn Hóa Phật Giáo* đã nhận được một số thư đề nghị tặng báo, Tòa soạn đã chuyển đề nghị trên đến các đơn vị, các doanh nhân Phật tử và thân hữu; năm mới 2013, các cá nhân, đơn vị hưởng ứng tặng bảo *Văn Hóa Phật Giáo* đến các chùa, trường Phật học, trung tâm xã hội trọn năm với danh sách như sau:

Một độc giả : 50 cuốn/kỳ
Ô. Vũ Châm, Vina Giấy : 38 cuốn/kỳ
Ô. Phạm Văn Nga : 41 cuốn/kỳ
Bà Huỳnh Kim Lưu : 30 cuốn/kỳ
Nhà hàng Tib, Hai Bà Trưng : 25 cuốn/kỳ
PT Chánh An & Chơn Hòa : 14 cuốn/kỳ
Cư sĩ Lương Trung Hiếu : 12 cuốn/kỳ
Đđ. Thích Viên Anh + Đđ. Thích Viên Hải,
Chùa Bảo An : 12 cuốn/kỳ
Cò Nga : 10 cuốn/kỳ
PT. Tâm Hiền, Tâm Hoa (USA) : 10 cuốn/kỳ
Ô. Văn Cát Tiên : 10 cuốn/kỳ
Ô. Huỳnh Văn Lộc, Q. BT : 10 cuốn/kỳ
Tác giả Miên Ngọc : 10 cuốn/kỳ
Nhà sách Thái Hà : 10 cuốn/kỳ
Bà Lương Thị Ngọc Hạnh, Q. 5
PD: Diệu Đức : 10 cuốn/kỳ
Ô. Trần Quốc Định : 10 cuốn/kỳ
Bà Lý Thu Linh : 9 cuốn/kỳ
Phật tử Diệu Định : 8 cuốn/kỳ
Phật tử Nguyễn Thị Hoa : 7 cuốn/kỳ
Cò Cẩm Hà (USA) : 6 cuốn/kỳ
Hồng Phúc & Xuân An : 6 cuốn/kỳ
Ô. Võ Ngọc Khôi : 6 cuốn/kỳ
Bà Tôn Nữ Thị Mai, Q. BT : 5 cuốn/kỳ

Ô. Nguyễn Mạnh Hùng,
CTCP. ThaiHa Books : 5 cuốn/kỳ
Cửa hàng Tâm Thuận : 5 cuốn/kỳ
Cổ Tú Oanh, Hà Nội : 5 cuốn/kỳ
Ô/Bà Nguyễn Văn Bàn, USA : 5 cuốn/kỳ
Phật tử Trương Trọng Lợi : 5 cuốn/kỳ
Ô. Lê Xuân Triều, Q. BT : 5 cuốn/kỳ
Cò Nguyễn Kim Sơn, Q. 2 : 5 cuốn/kỳ
Cò Nguyễn Thị Ngọc, Phan Thiết : 5 cuốn/kỳ
Lakinh.com : 5 cuốn/kỳ
Cò Nguyễn Hòa : 4 cuốn/kỳ
Bà Trần Thị Bích Trâm : 3 cuốn/kỳ
Bà Lê Tự Phương Thúy : 3 cuốn/kỳ
Bà Lê Thị Thu Thanh : 3 cuốn/kỳ
Bà Phạm Thị Kim Anh : 3 cuốn/kỳ
Cháu Thiên An : 3 cuốn/kỳ
Phật tử Diệu Ân : 2 cuốn/kỳ
BBT www.thuongchieu.net : 2 cuốn/kỳ
Chị Tuyền,
CT TNHH Cơ khí Mè Linh : 2 cuốn/kỳ
Bà Kim Anh, Q. 2 : 2 cuốn/kỳ
Phật tử Từ Minh : 2 cuốn/kỳ
BBT Viện khongtu.com : 2 cuốn/kỳ
CT TNHH SXTM

Nén Hạnh Phúc, Q. BT : 2 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Cao Nguyệt Ánh : 2 cuốn/kỳ
CTy TNHH Thép Thiên Tâm : 2 cuốn/kỳ
Phật tử Thiện Thành, Q. 6 : 2 cuốn/kỳ
Ô. Lê Hưng Khanh, Gò Vấp : 2 cuốn/kỳ
Nguyễn Dũng : 2 cuốn/kỳ
Phật tử Quảng Mỹ : 1 cuốn/kỳ
Cô Diệp Anh và Chị Ngân : 1 cuốn/kỳ
Cò Kim : 1 cuốn/kỳ
Phật tử Chánh Hiếu Trung : 1 cuốn/kỳ
Phật tử Bùi Quang Việt : 1 cuốn/kỳ
Thầy Hạnh Thông, TCHP ĐN : 1 cuốn/kỳ
CTy Dược phẩm Phúc Thiện : 1 cuốn/kỳ
Chị Kiều Oanh : 1 cuốn/kỳ
PT. Nguyen Thuan
(namgiaio1942@yahoo.com) : 1 cuốn/kỳ
Cò Châu : 1 cuốn/kỳ
Tổng số báo tặng kỳ này: **440 cuốn**
Mọi thông tin về chương trình tặng báo đến các chùa, trường, thư viện, trung tâm xã hội..., xin liên lạc: **Tòa soạn, Phòng Phát hành VHPG : (08) 3 8484 335.**
Email: vanhoaphatgiao@vnn.vn, hoặc toasoanhvpg@gmail.com

Ban Biên tập



Ồi Thần Lửa sinh nhật!

TÂN NGHĨA

Mỗi thời đại đều có những kinh nghiệm xã hội riêng, hình thành một cách nhìn thế giới và xã hội chung cho mọi người trong cùng một cộng đồng. Từ cách nhìn đó, con người thuộc một cộng

đồng trong cùng một thời đại đồng thuận với nhau về những điều “đúng đắn” nên theo và những điều “sai lầm” không nên theo. Tập hợp những điều “đúng đắn” và những điều “sai lầm” đó trở thành nền tảng cho niềm tin cộng đồng và tạo ra các “chuẩn mực” về hành

xử đòi hỏi mọi thành viên của cộng đồng phải tuân thủ. Có những chuẩn mực được xây dựng trên các lập luận khoa học thực nghiệm. Tuy nhiên, bên cạnh đó cũng có nhiều chuẩn mực được hình thành cảm tính và không chắc đúng. Bằng cớ là chúng ta biết rằng có những niềm tin trước kia là “chân lý”, ngày nay bỗng trở thành sai lầm. Chẳng hạn, trong thời đại của Galileo (1565-1642), niềm tin vững chắc của xã hội phương Tây cho rằng Trái đất là trung tâm vũ trụ, mọi tinh tú khác đều quay quanh Trái đất. Galileo phản ứng với niềm tin ấy và bị đưa ra tòa án dị giáo. Nhưng ngày nay một đứa trẻ cũng biết rằng Trái đất chỉ là một hành tinh quay xung quanh mặt trời. Vậy cho nên, không phải mọi chuẩn mực xã hội là hoàn toàn đúng. Giữa một rừng các chuẩn mực của xã hội, chúng ta nên tuân theo chuẩn mực nào. Cơ sở nào để quyết định điều đó? Chúng ta cần phải suy nghĩ. Chuyện tiền thân Nanguttha¹ cho thấy tuệ giác của Đức Phật trong việc xử lý các vấn đề như vậy.

Câu chuyện này, khi trú tại Jetavana, Bạc Đạo Sư kể về tà khổ hạnh của các tu sĩ tà mạng Ajivaka. Lúc bấy giờ, các du sĩ tà mạng đang hành trì nhiều tà khổ hạnh khác nhau sau lưng Jetavana. Một số lớn Tỳ-kheo thấy họ hành trì các tà khổ hạnh khác nhau như tinh tấn ngồi chồm hổm, lắc qua lắc lại như dơi, nằm dựa trên gai, nung thân với năm đồng lửa..., liền hỏi Đức Thế Tôn: “Bạch Thế Tôn, do tà khổ hạnh này, có gì tốt chăng?”.

Để mong có đời sống tốt về sau, có quan niệm cho rằng phải sống khổ hạnh theo một cách đặc biệt nào đó thì mới đạt được. Có những tu sĩ tà hạnh tu theo hạnh con bò, bắt chước cho thật đúng các hành vi của con bò. Lại có những vị khác tu theo hạnh con chó, bắt chước cho thật đúng các hành vi của con chó. Đó là niềm tin của một số nhà tu hành ở Ấn Độ thời xưa. Ta hãy tiếp tục theo dõi câu chuyện tiền thân.

Bạc Đạo Sư nói: “Này các Tỳ-kheo, tà khổ hạnh này không có gì tốt cả, các bậc hiền trí thuở xưa nghĩ rằng thực hành tà khổ hạnh này sẽ có thêm điều tốt hay có gì tốt sẽ lớn lên. Tưởng vậy họ đem lửa sinh nhật vào thờ trong rừng. Tuy nhiên, họ không thấy có gì lớn lên từ pháp thờ lửa... Họ bèn dùng nước dập tắt lửa ấy, lấy một đống tài thiên quán để tu tập thắng trí và thiên chứng, thành tựu cứu cánh phạm hạnh”. Nói vậy xong, Bạc Đạo Sư kể lại câu chuyện quá khứ.

Các chuẩn mực cần phải được quan sát với sự hiểu biết. Khi gặp phải các chuẩn mực xã hội, đa số thường tin và tuân theo không thắc mắc. Tuy nhiên, có nhiều người vẫn thắc mắc: chuẩn mực đó đúng hay sai? Với đời sống ngắn ngủi trăm năm, với giới hạn hiểu biết của thời đại, có rất nhiều niềm tin chúng ta không thể biết đó là đúng hay sai. Nếu dựa vào hiểu biết của mình và của thời đại để phán quyết thì rất có khả năng ta sẽ lặp lại sai lầm của những người thời Galileo khi đưa ông ra tòa án dị giáo. Xét tính đúng sai của một chuẩn

mực là việc cực kỳ khó khăn và nhiều khi nằm ngoài tầm của các hiểu biết hiện thời. Đức Phật đưa ra một giải pháp khác: không phán xét tính đúng sai của các chuẩn mực, niềm tin mà xét tính hợp lý của nó trong cuộc sống của bản thân từng người. Theo ngài, một chuẩn mực hay niềm tin là hợp lý nếu việc tuân thủ các chuẩn mực, niềm tin đó giúp điều tốt đang có được tăng trưởng, điều tốt chưa có được xuất hiện. Nếu nói đầy đủ theo bốn điều siêng năng đúng đắn (tứ chính cần), ta phải bổ sung thêm: điều xấu đang có phải giảm thiểu và điều xấu mới không phát sinh. Tất nhiên, theo Phật học, điều tốt là điều phải đem lại lợi ích cho mình, cho cộng đồng và cho môi trường. Đó chính là tiêu chuẩn để nhận biết sự hợp lý của việc tuân theo chuẩn mực. Thế nhưng, để có được quan điểm xem xét tính hợp lý của chuẩn mực như vậy, Đức Phật đã phải rút kinh nghiệm từ nhiều kiếp sống của mình. Ta hãy nghe về một trong các câu chuyện quá khứ ấy.

Trong thời quá khứ, khi vua Bramadatta trị vì ở Benares, Bồ-tát sanh trong một gia đình Bà-la-môn phương Bắc. Ngày Bồ-tát sanh, cha mẹ đốt lên ngọn lửa sinh nhật và nuôi dưỡng lửa ấy. Khi Bồ-tát được mười sáu tuổi, cha mẹ Bồ-tát nói với Bồ-tát: “Này con, chúng ta đã gìn giữ ngọn lửa sinh nhật của con. Nếu con muốn sống trong gia đình hãy học ba tập Veda, nếu con muốn lên Phạm thiên giới hãy lấy ngọn lửa, để được Đại Phạm thiên ân sủng và đạt cứu cánh Phạm thiên giới”.

Nuôi ngọn lửa sinh nhật để được tái sinh lên trời, đó là niềm tin của cha mẹ Bồ-tát và của nhiều bậc trưởng thượng Bà-la-môn khác. Đối với họ, đó là một điều không có gì phải nghi ngờ nữa. Trong xã hội luôn có nhiều niềm tin tương tự như vậy, những điều này có thể là một phần trong các “chuẩn mực” cho xã hội mà mọi người tuân theo. Ngày nay, dựa trên các chuẩn mực xã hội, các hoạt động giáo dục được định hướng là “chuyển hóa tự giác, tích cực những yêu cầu chuẩn mực xã hội đã quy định thành ý thức, thái độ, hành vi và thói quen hành vi tương ứng của học sinh dưới tác động chủ đạo của nhà giáo dục” (Giáo trình Giáo dục học phổ thông, ĐHSP TP.HCM, 2009, tr.9). Theo cách nhìn này, “chuẩn mực xã hội” là cái đúng đắn và giáo dục nghĩa là tạo ý thức và thói quen cho người học về các chuẩn mực đó. Trong câu chuyện tiền thân, “chuẩn mực” về việc thờ ngọn lửa sinh nhật đã được cha mẹ Bồ-tát trao truyền cho con mình.

Bồ-tát nói: “Con không thích đời sống gia đình”. Ngài cầm lấy lửa, đi vào rừng, xây dựng một chòi am và sống trong rừng thờ lửa. Một hôm, Bồ-tát được cúng một con bò tại một làng biên địa, dắt con bò ấy đến chòi am, với ý định: “Ta sẽ dùng con bò này làm vật hiến tế vị Thần Lửa”. Rồi Bồ-tát suy nghĩ: “Ở đây không có muối. Thần Lửa không thể ăn không có muối. Ta sẽ đem muối ở làng về, cúng dường thần lửa đồ ăn có muối!”. Bồ-tát cột con bò tại đấy và đi đến làng để tìm muối.

Tiến trình gia đình và cộng đồng Bà-la-môn giáo dục Bồ-tát hoàn toàn tương tự với những gì mà sách giáo dục học hiện nay đang giảng dạy. Do đó chúng ta thử vận dụng mô tả tiến trình giáo dục theo tài liệu này vào trường hợp của Bồ-tát. Tiến trình giáo dục nhân cách để đáp ứng yêu cầu xã hội bao gồm ba khâu (sdd, tr.16-18). Khâu thứ nhất: *Tổ chức, điều khiển học sinh nắm vững những tri thức về các chuẩn mực xã hội đã được quy định*. Trong trường hợp của Bồ-tát, điều này đã được cha mẹ ngài thực hiện với một ước mong con mình sống hạnh phúc trong đời này và trong đời sau. Cha mẹ ngài đã nuôi dưỡng ngọn lửa sinh nhật của ngài và giáo dục cho ngài biết về lợi ích của việc thờ lửa. Khâu thứ hai: *Tổ chức, điều khiển học sinh hình thành tình cảm, niềm tin tích cực đối với những chuẩn mực đã được quy định*. Cha mẹ ngài và cộng đồng Bà-la-môn đã làm cho Bồ-tát tin tưởng hoàn toàn vào lợi ích của việc thờ lửa. Khâu thứ ba: *Tổ chức, điều khiển học sinh rèn luyện hành vi và thói quen hành vi phù hợp với chuẩn mực đã được quy định*. Theo chuẩn mực truyền thống, Bồ-tát có hai lựa chọn: tại gia hoặc xuất gia. Ngài đã chọn xuất gia. Bồ-tát hoàn toàn tuân theo những chuẩn mực đó. Ngài phụng sự ngọn lửa sinh nhật một cách chu đáo và rất tôn kính. Công cuộc giáo dục của cha mẹ Bồ-tát và các vị Bà-la-môn đã hoàn thành tốt đẹp. Bồ-tát đã “hình thành và phát triển những phẩm chất nhân cách phù hợp với yêu cầu xã hội” (sdd, tr. 6). Ngài trở thành con người mẫu mực trong xã hội thời ấy. Chúng ta hãy theo dõi tiếp câu chuyện.

Trong khi Bồ-tát đi, nhiều người thợ săn đến tại chỗ ấy, thấy con bò, giết nó, nấu thịt ăn, và vứt lại đuôi, ống chân và da, mang theo thịt còn lại và ra đi.

Đây là một tình huống có xảy ra trong cuộc đời. Ta được giáo dục theo “những chuẩn mực đã được quy định” và hoàn toàn yên trí rằng các chuẩn mực ấy là đúng đắn, rằng mình đã hiểu và tin các chuẩn mực ấy. Bỗng nhiên ta gặp các tình huống không có trong các “ví dụ mẫu” đã được giảng dạy. Các tình huống này khiến ta bị ngã nghiêng chao đảo.

Bồ-tát trở về chỉ thấy đuôi, v.v... liền suy nghĩ: “Thần Lửa này không thể hộ trì gia sản của chính mình thì chắc chắn không thể hộ trì ta được. Phải săn sóc ngọn lửa vô ích này, từ đây, không tăng trưởng một điều tốt gì cho ta”. Nghĩ vậy, Bồ-tát mất hết ý săn sóc ngọn lửa.

Đột nhiên, Bồ-tát cảm thấy việc thờ lửa chẳng đem lại lợi ích gì. Chuẩn mực đã bị đổ vỡ. Đây là một tình huống mà Ngài rút ra một kết luận quan trọng: các chuẩn mực cần phải làm tăng trưởng điều tốt cho người thực hiện thì mới nên theo. Đây chính là tiêu chí xét theo tính hợp lý của một chuẩn mực mà Đức Phật đã nói từ đầu câu chuyện. Trong các hoạt động giáo dục, ta cần chú ý điều này. Giáo dục nhân cách không phải là giáo dục người học “biết, tin và hành động” theo các chuẩn mực xã hội vì nếu các chuẩn mực ấy bị

sai thì thật là thảm họa cho người học. Giáo dục nhân cách phải là việc giáo dục người học biết xét đoán tính hợp lý của các chuẩn mực xã hội để đem lại điều đúng tốt cho bản thân, cộng đồng và môi trường. Các chuẩn mực nào đem lại điều xấu thì không nên tuân thủ.

Bồ-tát nói: “Thưa Thần Lửa, nếu ngài không có thể hộ trì gia sản của ngài, làm sao ngài có thể hộ trì cho tôi được. Thịt không còn, ngài phải tự bằng lòng với những vật này vậy”. Bồ-tát quăng đuôi vào lửa...

Và nói lên bài kệ:

*Ôi Thần Lửa sinh nhật,
Thần Lửa không giá trị,
Ta chỉ cúng cái đuôi,
Hãy xem là nhiều vậy,
Các loại thịt xứng đáng,
Hiện nay không có nữa,
Ngài hãy vui chấp nhận,
Chỉ bộ phận cái đuôi.*

Nói vậy xong, bậc Đại sĩ lấy nước dập tắt lửa, xuất gia làm ẩn sĩ, chứng được thắng trí và thiên chứng, đạt được cứu cánh ở cõi trời Phạm thiên. ■

1. Chuyện cái đuôi bò, *Kinh Tiểu Bộ*, tập V, phẩm Kakantaka, truyện thứ 144.





Đường về cõi mộng

PHAN CÁT TƯỜNG

"Cõi mộng" thường được xem như một triết lý thuần túy phương Đông. Trang Tử nói mộng, Lý Bạch nói mộng, kinh Phật thì bàn bạc cõi mộng:

*Nhất thiết hữu vi pháp
Như mộng, huyễn, bào, ảnh
Như lộ, diệt như điện
Ứng tác như thị quán.*
(Kinh Kim Cang)

Dịch:

*Tất cả pháp hữu vi
Như mơ, như ảo, như bọt, như bóng
Như sương và như chớp
Nên quán sát như vậy.*

Nhưng không vì thế mà mộng được xem là "đặc quyền" của triết học phương Đông. Ở trời Tây, các vị tổ khai sáng triết học phương Tây cũng nhìn trần gian là một giấc mộng miên trường.

Mộng của Platon

Platon (427-347 TCN) là một cây đại thụ của triết học

Hy Lạp cổ đại. Cùng với thầy là Socrates và học trò là Aristoteles, Platon đã xây dựng được nền móng vững chắc cho ngôi nhà triết học Tây phương mà bóng đổ của nó vẫn là niềm kiêu hãnh của hơn một nửa nhân loại cho đến hôm nay.

Nếu như Socrates là "người khổng lồ" - với chén thuốc độc trên tay - đã dám bẻ cong con đường Triết học cổ đại từ phía thần linh về phía con người với tư tưởng "Hãy tự biết chính mình", thì Platon lại làm một việc có vẻ như thách đố với thầy mình.

Platon nhìn trần gian là cõi mộng. Tất cả chỉ là cái bóng mờ của sự hiện hữu phía sau lưng con người. "Chân lý nằm ở góc khuất phía sau"... Tư tưởng này đã được Platon gửi gắm trong "Dụ ngôn về cái hang" ở tập thứ 7 của "The Republic" (Cộng hòa), tác phẩm tiêu biểu của ông. Đây là đoạn đối thoại về bản chất của sự nhận thức pháp giới mà Platon đã mượn lời nói của Socrates và Glaucon để minh họa cho tư tưởng mình.

"Socrates: Và giờ – tôi nói – để tôi trưng ra một hình ảnh cho thấy bản chất của chúng ta là được khai sáng hay không được khai sáng tới đâu: Nhìn kia! Loài người sống trong một cái hang dưới lòng đất, miệng hang mở,

hướng về phía ánh sáng và ánh sáng chiếu dọc theo hang; họ đã sống tại đây từ bé, chân cũng như đầu bị xích nên không thể cử động, và chỉ có thể nhìn ra phía trước mặt, vì xích ngăn không cho họ ngoái đầu. Ở trên cao và phía sau họ, phía xa xa, là một ngọn lửa bập bùng, giữa ngọn lửa và các tù nhân có một lối đi nhô lên, và anh sẽ thấy, nếu nhìn kỹ, có một bức tường thấp xây dọc theo lối đi ấy, giống như bức màn mà những người diễn rối vẫn có trước mặt họ, qua đó họ biểu diễn rối cho chúng ta xem.

Glaucôn: Tôi thấy.

Socrates: Và anh có thấy – tôi nói – có những người đi dọc theo bức tường, đem theo đủ các loại binh, tượng cũng như hình thú vật làm từ gỗ, đá, và nhiều chất liệu khác, những hình ảnh này hiện ra bên kia bức tường? Một vài người đang trò chuyện, một số khác thì im lặng.

Glaucôn: Anh đã cho tôi xem một hình ảnh kỳ lạ, và những tù nhân này cũng kỳ lạ.

Socrates: Giống chúng ta thôi – tôi đáp; và họ chỉ thấy bóng của chính mình, hoặc bóng của nhau, do ánh lửa hắt lên bức tường đối diện của cái hang? (1)

Platon quan niệm rằng con người luôn bị trói buộc trong những điều kiện hữu hạn về nhận thức. Họ chỉ có thể nhìn thấy một phía giống như những tù nhân trong lòng đất, chỉ thấy được cái bóng của mọi vật hắt lên bức tường trước mặt mà không hay biết về bản chất thực của chúng. Vì thế tất cả những gì mà con người cảm nhận được chỉ là thế giới ảo mà thôi.

Một cõi mộng sinh ra từ nhân duyên: Lục căn tiếp xúc với lục trần sinh ra lục thức. Đó là một đường thẳng được định dạng bởi nghiệp thức của con người. Platon đã ví con đường này là con đường hầm giam hãm nhận thức, khiến người ta không thoát ra khỏi cái thấy biết trong vọng tưởng của mình. Và như thế, con người luôn sống trong cõi mộng, bỏ lại cõi thực của những “Idea” (thuật ngữ chỉ chân lý tuyệt đối của Platon) ở phía sau lưng mình.

Platon đã đặt con người giữa hai bức tường hư ảo. Một bên là bức tường với những “Form” mô thức, là con rối với những hình nộm được dựng nên từ những “Idea”. Bên kia là cái bóng của con rối với những “Illusion” (ảo ảnh), chỉ là cái minh họa khiếm khuyết của con rối bên này.

Mộng của Trang Tử

Gần một thế kỷ sau Platon, Trang Tử của phương Đông cũng đã diễn tả cõi mộng của mình bằng “Trang Chu mộng hồ điệp”, một đoạn văn bất hủ trong thiên Tề Vật luận của Nam Hoa kinh:

“Tích giả

Trang Chu mộng vi hồ điệp

Hủ hủ nhiên hồ điệp dã

Tự du thích chí dư

Bất tri Chu chi mộng vi hồ điệp dư

Hồ điệp chi mộng vi Chu dư

Chu dữ hồ điệp tắc tất hữu phận hĩ
Thử chi vị vật hoá⁽²⁾.

Dịch:

Ngày kia

Trang Chu nằm mộng thấy mình hóa bướm

Bướm bay phấp phới

Thích thú vô cùng

Tỉnh dậy

Không biết Chu hóa bướm

Hay bướm hóa Chu

Chu với bướm đều có thân phận

Đó là vật hóa.

Khi Trang Tử vừa tỉnh mộng thì lại lúng lờ giữa mộng và thực, không biết là Chu đã hóa thành bướm hay bướm đã hóa thành Chu. Trang Tử bay qua lại giữa “Bướm” và “Chu”. Platon lúng lờ giữa “Form” và “Illusion”. Hai triết gia Đông Tây có thể chưa một lần gặp mặt nhưng thăm sâu trong tư tưởng mỗi người là một bầu trời hiu hắt của giấc mộng tồn sinh.

Mộng của Duy-ma-cật

Nhưng đó không phải là hai nhà hiền triết cô độc trên hành trình “Mộng” và “Thực”. Bên cạnh họ còn có Duy-ma-cật, một vị Bồ-tát ẩn danh đã xuất hiện cùng thời với Đức Phật và khai thị cho hàng đại đệ tử của Phật bằng sự im lặng sấm sét (mặc như lời). Trong phẩm Đệ tử (thứ 3), Ngài Tu-bồ-đề kể lại câu chuyện khiến ông không thể đến thăm bệnh Duy-ma-cật.

“Duy-ma-cật nói: Ông Tu-bồ-đề, xin ông hãy cầm lấy bát, đừng sợ. Ý ông nghĩ sao, như Đức Như Lai có tạo ra những người ảo hóa, nếu tôi đem việc ấy mà hỏi ông, ông có sợ chăng?”. Con đáp lại: ‘Không sợ’. Duy-ma-cật liền nói: “**Tất cả các pháp dường như tướng ảo hóa, nay ngài không nên sợ chi cả. Tại sao vậy? Tất cả lời nói cũng chẳng lìa khỏi tướng ảo hóa ấy**”⁽³⁾.

Platon với “Dụ ngôn về cái hang” đã phơi bày thân phận con người trong thế giới của những cái bóng mờ hư ảo. Trang Tử với “Mộng hồ điệp” đã đánh thức con người rằng cuộc đời chỉ là chuyện phù du trong giấc mơ của một cánh bướm mà thôi. Và Bồ tát Duy-ma-cật qua đối thoại với Trưởng lão Tu-bồ-đề đã ra tuyên bố: “Tất cả các pháp dường như tướng ảo hóa” để đưa con người ra khỏi tham đắm, si mê.

Phải chăng Platon cùng với Trang Tử và Duy-ma-cật đã cùng nhau viết lên một bản kinh về thực tướng của pháp giới mà mỗi người trong chúng ta cần phải đọc tụng hàng ngày? ■

(1) Bản dịch từ tiếng Anh của Benjamin Jowett, Nhà xuất bản Vintage, 1991.

(2) Tề vật luận (Nam Hoa kinh)

(3) Phẩm Đệ tử (Duy Ma Cật kinh do Đoàn Trung Còn & Nguyễn Minh Tiến dịch từ bản Hán văn)



Y khoa chỉ có thể giúp giảm đau đớn thể chất

DILGO KHYENTSÉ RINPOCHÉ
HOANG PHONG giới thiệu và dịch

Dưới đây là bài thuyết giảng của nhà sư Tây Tạng Dilgo Khyentsé Rinpoché nói về thái độ của một người tu tập Phật giáo trước bệnh tật và sự đau đớn. Dilgo Khyentsé Rinpoché sinh năm 1910 tại tỉnh Kham (Tây Tạng), xuất gia khi vừa được 11 tuổi. Ông biệt tu trong các hang động thuộc vùng núi Denkhok suốt trong thời gian từ 15 đến 28 tuổi. Năm 1959 ông sang hành đạo tại Nepal. Ông được Tăng đoàn đưa lên lãnh đạo học phái Ninh Mã từ năm 1987 đến khi ông qua đời vào năm 1991. Ông là một trong số các vị thầy của Đức Đạt-lai Lạt-ma XIV và cả của nhà sư người Pháp là Matthieu Ricard.

Theo nội dung thuyết giảng, thuốc men chỉ là giải pháp tạm thời giúp con người giảm được sự đau đớn thể chất khi đã có bệnh. Phương thuốc của Phật giáo mang tính cách đích thật hơn, sâu sắc hơn và dứt khoát hơn, cho phép chúng ta đối đầu với mọi thứ bất hạnh, khổ đau và bệnh tật.

Nguồn: Medecine, L'alchimie de la souffrance, tại địa chỉ mạng: <http://www.buddhaline.net/Medecine-L-alchimie-de-la>.

Một cơn đau đớn cực độ cũng có thể đưa đến một thể dạng giác ngộ nào đó giúp chúng ta mở rộng tâm thức và con tim hướng vào kẻ khác. Nếu quý vị luyện tập bằng thiền định, đồng thời,

bằng vào phép hiến dâng trong tâm thức tất cả hạnh phúc của mình để đổi lấy khổ đau của kẻ khác và ước mong rằng những gì mình đang gánh chịu là một cách để khổ đau thay cho kẻ khác, thì quý vị cũng sẽ thực hiện được các kinh nghiệm cảm nhận trên đây.

Trước hết quý vị hãy phát lộ trong nội tâm mình tình thương thật mãnh liệt đối với tất cả chúng sinh. Nhằm giúp mình thực hiện điều ấy, quý vị nên nghĩ đến một người nào đó thật nhân từ, chẳng hạn như mẹ của mình. Hãy hồi tưởng lại tình thương yêu của mẹ đối với mình. Mẹ phải mang nặng đẻ đau để mang lại sự sống cho mình và nuôi mình không hề quản ngại khó khăn. Người mẹ bao giờ cũng xem hạnh phúc của con mình lớn hơn hạnh phúc của mình và luôn hy sinh tất cả vì con.

Tiếp theo, quý vị hãy hình dung trước mắt mình cảnh mẹ đang phải gánh chịu những nỗi đau thương thật khủng khiếp; người ta đập mẹ xuống đất và đánh đập mẹ thật tàn nhẫn, hoặc ném mẹ vào lửa, hoặc hành hạ mẹ; hoặc thấy mẹ gầy còm chỉ còn xương bọc da và đang chìa tay van xin mình: “Con ơi, cho mẹ một bát cơm!”. Hoặc tưởng tượng mẹ phải hóa thân làm một con hươu và đang bị bọn thợ săn xua chó đuổi bắt. Hươu rơi xuống hố sâu, gãy chân và hấp hối, bọn thợ săn xông đến lấy dao đâm chết!

Quý vị tiếp tục hình dung những cảnh khổ đau cùng cực mà mẹ mình (hoặc bất cứ một người nào khác làm đối tượng cho việc thiền định của mình) đang phải gánh chịu. Hãy cảm nhận thật mạnh tất cả sự đau đớn ấy của mẹ, đến độ mà lòng xót xa thương mẹ tràn ngập tất cả tâm thức mình. Sau đó thì quý vị mở rộng sự thương cảm đó đến tất cả chúng sinh, và nghĩ rằng tương tự như thế, tất cả chúng sinh cũng đều có quyền được hưởng sự xót thương đó của mình và họ cũng có quyền tránh khỏi những hoàn cảnh đau thương của họ. Quý vị cũng phải nghĩ đến là trong số đó có cả những người mà mình xem như kẻ thù, hay những người đã từng gây ra mọi điều khó khăn cho mình. Hãy nhìn vào các chúng sinh ấy như một đoàn người thật đông và tất cả đang phải gánh chịu đủ mọi thứ khổ nhục dưới muôn nghìn cách khác nhau, kéo dài từ chu kỳ hiện hữu này sang chu kỳ hiện hữu khác.

Quý vị nên hình dung thật chi tiết trong tâm thức mình các hoàn cảnh khổ đau của tất cả chúng sinh. Có những người già nua và đau ốm đang rên siết, có những kẻ nghèo khó không đủ ăn. Có những người đang bị đói khát hành hạ. Có những người đang bị đủ mọi thứ ám ảnh bệnh hoạn đầy dẫy, hoặc bị các sự thèm khát và hận thù bùng lên mãnh liệt khiến họ trở thành điên rồ.

Khi nào phát lộ được sự thương cảm vô biên đối với các chúng sinh đang đau khổ ấy thì quý vị cũng có thể bắt đầu chuyển sang giai đoạn luyện tập tiếp theo gọi là sự “trao đổi”. Nếu có thể thì quý vị hãy hình dung ra trước mắt mình những kẻ đang gánh chịu khổ đau, và đồng thời tưởng tượng rằng mình đang thở ra tất cả không khí trong lồng ngực mình cùng với tất cả hạnh phúc, sức sống, sự may mắn, sức khỏe của mình để hiến dâng cho họ. Nói một cách vắn tắt là quý vị hiến dâng cho họ tất cả những gì quý giá nhất của mình, và

tưởng tượng tất cả những thứ ấy là một bát nước cam lồ màu trắng, thật mát và rạng rỡ. Quý vị hiến dâng bát nước ấy với tất cả lòng chân thật của mình cho tất cả chúng sinh đang đau khổ và ước mong họ đều được hưởng sự mẫu nhiệm của bát nước ấy. Hãy tưởng tượng họ uống đến giọt cuối cùng, nhờ đó mọi khổ đau của họ chấm dứt và mọi ước nguyện của họ cũng đều trở thành sự thật. Nếu mạng sống của họ đang lâm nguy thì họ cũng tránh khỏi được và sống lâu hơn; nếu họ là những người nghèo khó thì sẽ được no đủ hơn; nếu họ đang đau ốm thì sẽ được khỏe mạnh và tràn đầy sức sống.

Đến khi hít vào thì quý vị hãy tưởng tượng rằng mình hít vào phổi một đám khói đen gồm mọi thứ bệnh tật và các độc tố tâm thần của tất cả chúng sinh, trong số đó phải kể cả những kẻ thù của mình nữa. Hãy tưởng tượng rằng sự trao đổi đó sẽ làm nhẹ bớt đi những nỗi đọa đầy của họ, đồng thời những thứ khổ đau của họ sẽ hiện ra như một đám sương mù do gió đưa đến. Quý vị hít vào lồng ngực mình tất cả những thứ khổ đau ấy của họ, và khơi động trong lòng mình một niềm hân hoan mệnh mông rồi kết hợp niềm hân hoan ấy với sự cảm nhận tánh Không.

Hãy chuyên cần luyện tập như thế đến một lúc nào đó thì phép quán tưởng ấy sẽ hóa thành một bản chất thứ hai của con người quý vị. Quý vị không nên nghĩ rằng chúng sinh không cần đến sự giúp đỡ của quý vị, và cũng không bao giờ cho rằng những gì mình làm là đã đủ.

Quý vị có thể thực hiện phép luyện tập này dù là mình đang ở đâu và đang làm gì, kể cả trong những lúc ốm đau. Ngoài những giờ thiền định thường lệ, nếu thực hiện được thêm phép luyện tập này cùng với sự luyện tập tâm thức trong những lúc sinh hoạt thường nhật thì nhất định quý vị sẽ gặt hái được nhiều kết quả.

Ngoài ra, quý vị cũng có thể tập luyện bằng cách tưởng tượng trong lúc thở ra thì quả tim mình sẽ hóa thành một bầu không gian rạng rỡ, và từ bầu không gian đó sẽ tỏa ra một vầng hào quang màu trắng mang theo với nó tất cả hạnh phúc của mình để hiến dâng cho toàn thể chúng sinh trong khắp miền không gian. Khi hít vào thì quý vị tưởng tượng rằng mình đang thu vào tim mình mọi thứ xúc cảm bồn loạn và khổ đau của chúng sinh, tương tự như hít cả một đám khói đen dày đặc, và đám khói ấy sẽ tan biến hết trong vầng hào quang màu trắng, và không để lại một dấu vết nào. Hãy tưởng tượng rằng tất cả những ai đang phải chịu khổ sở và đớn đau đều trút bỏ được những thứ ấy và tìm thấy được niềm hân hoan.

Thỉnh thoảng quý vị cũng nên tập bằng cách tưởng tượng là thân thể mình hóa thành muôn nghìn hình tướng khác nhau và phân tán ra khắp nơi trong vũ trụ. Mỗi khi các hình tướng ấy gặp các chúng sinh đang



khổ đau trong vũ trụ thì hiển dâng hạnh phúc của mình và đối lấy khổ đau của họ.

Quý vị cũng có thể tưởng tượng là mình hóa thành quần áo để hiển dâng cho những ai đang chịu rét lạnh, hóa thành thức ăn cho những ai đang đói, một mái nhà cho những kẻ lang thang; hoặc hóa thành “một viên đá quý nhiệm mầu giúp thực hiện tất cả những điều ước nguyện”. Viên đá to lớn hơn cả tầm vóc của thân thể mình, óng ánh màu “xa phía” xanh biếc, và được treo trên đầu một ngọn cờ chiến thắng, nhằm giúp thực hiện bất cứ một ước vọng hay một lời nguyện cầu nào của bất cứ ai.

Hoặc quý vị cũng có thể luyện tập bằng cách nhận lấy về phần mình tất cả mọi sự hung bạo phát sinh từ những thứ xúc cảm tiêu cực, tức là các nguyên nhân mang lại mọi sự bất hạnh, và nghĩ rằng mình sẽ hội đủ khả năng làm tan biến tất cả các nguyên nhân tiêu cực ấy thay cho người khác. Quý vị bắt đầu hình dung ra bất cứ một thứ xúc cảm tiêu cực nào, chẳng hạn như sự thèm muốn; sự thèm muốn ấy có thể chỉ là một sự thu hút hay là cả một sự bám víu thật mạnh vào một người hay một vật nào đó mà mình thích. Tiếp theo đó quý vị lại nghĩ đến một người mà mình ghét bỏ và xem như kẻ thù, và hãy tưởng tượng rằng tất cả các dục vọng của người này sẽ được quý vị gộp chung với các dục vọng của quý vị. Quý vị hãy phát lộ một sự thương cảm thật mạnh đối với người ấy, và sau đó sẽ trải rộng sự thương cảm ấy đến tất cả chúng sinh, bằng cách nghĩ rằng mình sẽ nhận lãnh tất cả các dục vọng của họ: “Nhờ đó tất cả chúng sinh sẽ

được giải thoát khỏi những dục vọng của họ và sẽ đạt được Giác ngộ”. Quý vị có thể luyện tập phương pháp trên đây theo nhiều cách, thí dụ như thay vì tưởng tượng ra các thứ dục vọng như trường hợp trên đây, thì quý vị có thể thay vào đó bằng các thứ xúc cảm khác chẳng hạn như sự giận dữ, kiêu căng, sự thèm muốn, các xúc cảm bồn loạn hay bất cứ một thể dạng tâm thần nào có thể khuấy động và làm cho tâm thức quý vị u mê.

Nhằm giúp mình chủ động các thứ xúc cảm trên phương diện sự thật tuyệt đối, thì quý vị hãy khơi động trong tâm thức mình một sự thèm muốn nào đó và tiếp theo đó sẽ gộp thêm các dục vọng khác của tất cả chúng sinh. Sau đó quý vị hãy hướng vào nội tâm mình để phân tích và tìm hiểu những dục vọng ấy. Quý vị sẽ nhận thấy rằng chúng không hề hàm chứa một sự hiện hữu tự tại nào. Khi nhìn vào các thứ dục vọng chống chất như một quả núi trong tâm thức nhờ vào sự tưởng tượng của mình, thì quý vị cũng sẽ nhận thấy quả núi ấy cũng chỉ đơn giản là một đồng tư duy khổng lồ, hoàn toàn không hàm chứa một sự hiện thực nào. Từ bản chất, tâm thức cũng tương tự như không gian, không hàm chứa một thực thể nào cả.

Trừ phi đã được luyện tập từ lâu, nếu không thì cũng sẽ thật hết sức khó cho quý vị mang ra ứng dụng các phép luyện tập trên đây khi mà quý vị vẫn còn phải đối đầu trực tiếp với khổ đau. Tuy nhiên, nếu chuyên cần thì dần dần quý vị cũng sẽ thành công, ngay cả trường hợp gặp phải những hoàn cảnh khó khăn. Dầu sao đi nữa thì mọi sự rối cũng sẽ trở nên thuận lợi hơn. ■



Chánh niệm trong dùng thuốc

NGUYỄN HỮU ĐỨC

Chánh niệm là sự tỉnh giác, là suy nghĩ sáng suốt, có thái độ đúng đắn trong mọi hành vi của mình. Là con người có nghĩa là phải sống trong quá trình sinh, lão, bệnh, tử. Muốn sinh tồn, con người phải có bốn điều kiện cơ bản, đó là cơm ăn, áo mặc, nhà ở, thuốc trị bệnh. Người tu học theo đạo Phật, cũng như bao người khác, cũng phải đáp ứng bốn nhu cầu thiết yếu ấy để duy trì đời sống tu hành của mình. Đức Phật đã dạy các học trò của Ngài phải thọ dụng trong chánh

niệm tỉnh giác các nhu yếu gồm có y áo, thức ăn, khát thực, chỗ cư trú và dược phẩm mà người xuất gia gọi là “tứ sự cúng dường”. Riêng với dược phẩm, Ngài nêu rõ với các học trò: “Các dược phẩm và thuốc trị bệnh mà Ta cho phép các người dùng, như vậy vừa đủ để ngăn chặn các cảm thọ đau ốm khởi lên và giữ gìn sức khỏe” (Kinh Thanh tịnh, *Trường Bộ*). Đức Phật đã chỉ rõ việc thọ dụng các nhu yếu không chính đáng sẽ phát sinh đau khổ hiện tại và tương lai. Về dược phẩm, Ngài nhấn mạnh: “... thọ dụng dược phẩm trị bệnh, chỉ để

ngăn ngừa các cảm giác thống khổ đã sanh, để được ly khổ hoàn toàn. Nay các Tỳ-kheo, các vị ấy không thọ dụng như vậy các lậu (tức phiền não) hoặc tàn hại và nhiệt não có thể khởi lên. Nếu vị ấy thọ dụng như vậy, các lậu hay tàn hại và nhiệt não ấy không còn nữa...” (Kinh Tất cả lậu hoặc, Trung Bộ).

Như vậy, từ xa xưa Đức Phật đã tỏ ngộ nguy hại của dùng thuốc mà không có chánh niệm, tức nói theo ngày nay dùng thuốc không hợp lý và không an toàn. Xin nói rõ thêm về chánh niệm trong dùng thuốc như thế nào?

Thuốc là gì?

Muốn dùng thuốc đúng, ta cần biết thuốc là gì. Xin nêu định nghĩa về thuốc được ghi trong Luật Dược 2005 của Việt Nam: *“Thuốc là chất hoặc hỗn hợp các chất dùng cho người nhằm mục đích phòng bệnh, chữa bệnh, chẩn đoán bệnh hoặc điều chỉnh chức năng sinh lý cơ thể bao gồm thuốc thành phẩm, nguyên liệu làm thuốc, vắc-xin, sinh phẩm y tế, trừ thực phẩm chức năng”*.

Thuốc cần được định nghĩa bao hàm tất cả những gì liên quan đến thuốc để việc tuân thủ những chỉ định trong sự dùng thuốc không có sự mù mờ đưa đến nguy hại. Thí dụ, thuốc tránh thai là thuốc không dùng để phòng bệnh, chữa bệnh, chẩn đoán bệnh mà chỉ làm nhiệm vụ điều chỉnh chức năng sinh lý của người

là thay đổi sự thụ thai (chức năng sinh lý bình thường của người nữ có chồng hoặc bạn tình khi giao hợp với người nam) thành không thụ thai. Nếu định nghĩa về thuốc không nêu: *“điều chỉnh chức năng sinh lý cơ thể”* thì thuốc ngừa thai không được xem là thuốc, và như vậy thuốc ngừa thai muốn bán ở đâu cũng được (trong khi đã là thuốc thì chỉ được bán trong nhà thuốc) và dùng sao cũng được (trong khi đã là thuốc thì phải dùng theo sự chỉ định của bác sĩ, hướng dẫn của dược sĩ hoặc theo bản hướng dẫn sử dụng thuốc, nếu dùng sai là nguy hiểm).

Vì sao phải chánh niệm trong dùng thuốc?

Cần chánh niệm trong dùng thuốc vì thuốc như con dao hai lưỡi mà lưỡi nào cũng rất sắc. Thuốc có một lưỡi rất sắc giúp ta tiêu trừ bệnh hoạn nhưng cũng có lưỡi thứ hai sắc không kém là gây hại cho sức khỏe thậm chí là tính mạng của ta.

Ta cần biết, bất cứ thuốc nào, kể cả vitamin (sinh tố) được cho là thuốc bổ đều có khả năng gây tai biến cho người sử dụng nó nếu không được dùng đúng cách, đúng liều, và đặc biệt khi cả dùng đúng cách đúng liều. Những bất lợi do dùng thuốc gây ra được gọi chung là *“Phản ứng có hại của thuốc”* (người nước ngoài gọi ADR do chữ viết tắt của Adverse Drug Reactions). ADR còn được gọi bằng tên khác như tác dụng phụ, tác dụng ngoại ý, tác dụng không mong muốn... nhưng ngay cả người không thuộc giới chuyên môn cũng nên làm quen, dùng ADR vì là chữ quốc tế thông dụng trên toàn thế giới hiện nay.

ADR được Tổ chức Y tế thế giới (WHO) định nghĩa như sau: *“ADR là tác dụng có hại xảy ra ngoài ý muốn khi dùng một thứ thuốc đúng liều, đúng đường dùng nhằm chữa bệnh, phòng bệnh hoặc chẩn đoán”*. Ta nên lưu ý, nếu bị tai biến do dùng quá liều thuốc thì không gọi bị ADR mà là bị ngộ độc thuốc.

ADR lại được chia làm 2 loại: ADR loại A là loại thường xảy ra hơn, chiếm 80-90% (của toàn bộ ADR), có liên quan đến tác dụng dược lý đã biết của thuốc, như warfarin có tác dụng chống đông máu có thể gây ADR làm xuất huyết ở người bệnh. ADR loại A có thể dự đoán và phòng ngừa, như thuốc kháng histamin thế hệ 1 là promethazin gây ADR buồn ngủ, người dùng thuốc nếu dùng promethazin do buồn ngủ không nên lái xe, vận hành máy móc. Còn ADR loại B là loại xảy ra hiếm hơn, chiếm 10-20%, không liên quan đến tác dụng dược lý, như kháng sinh nhóm fluoroquinolon kháng khuẩn nhưng lại gây ADR là làm co giật hoặc xói mòn sụn khớp ở súc vật còn non. ADR loại B gần như không thể dự đoán trước là xảy ra hay không xảy ra. Đặc biệt, dị ứng thuốc là ADR loại B có thể gây tử vong không tiên lượng được thường xảy ra cho nhiều loại thuốc, trong đó có các vaccine tức thuốc chủng ngừa.

Nên lưu ý, nhiều thuốc được lưu hành trên thị trường



được phẩm vẫn được các viện bào chế dược phẩm theo dõi ADR (được gọi là theo dõi *thử nghiệm lâm sàng giai đoạn 4*) để nếu thuốc xuất hiện ADR quá nghiêm trọng sẽ tự ý ngưng lưu hành hoặc bị chính quyền cấm lưu hành thuốc đó. Trước đây, vào cuối thế kỷ trước, có thuốc giảm đau glafenin (biệt dược Glifanan) đã bị cấm lưu hành do gây dị ứng quá nặng nề. Cách đây không lâu, thuốc chống viêm trị đau xương khớp rofecoxib (Vioxx) đã được nhà sản xuất chủ động rút ra khỏi thị trường dược phẩm vì có nguy cơ gây biến cố tim mạch trầm trọng. Nhiều thuốc phải bán theo đơn bác sĩ, tức là chỉ khi bác sĩ khám bệnh ghi đơn thuốc nhà thuốc mới có quyền bán thuốc theo đơn đó, là vì chỉ có bác sĩ biết cách chỉ định thuốc, ghi cách dùng thế nào để phát huy tác dụng điều trị của thuốc đồng thời hạn chế mức thấp nhất hoặc không để xảy ra ADR.

Ngoại trừ một số ADR thuộc loại nhẹ chỉ gây khó chịu (như ADR gây buồn ngủ của thuốc kháng histamin trị dị ứng) có thể xảy ra thường xuyên (hễ dùng thuốc là bị), đa số ADR, đặc biệt ADR gây rối loạn nghiêm trọng (như suy thận cấp, hoặc bị tai biến do vaccine) rất hiếm khi xảy ra và chỉ xảy ra khi dùng liều cao hoặc dùng lâu ngày. Có loại ADR thuộc loại *thường gặp* (trong sách chuyên môn được thường ghi ADR >1/100, tức 100 người dùng thuốc sẽ có hơn 1 người có nguy cơ bị ADR), có loại ADR thuộc loại *ít gặp* (1/1.000 < ADR < 1/100, tức 1.000 người dùng thuốc sẽ có hơn 1 người có nguy cơ bị ADR), và có loại ADR thuộc loại *hiếm gặp* (ADR < 1/1000, tức hơn 1.000 người dùng thuốc sẽ có 1 người có nguy cơ bị ADR). ADR *thường gặp* là loại phải cảnh giác nhiều hơn. Như vậy khi biết một thuốc có ADR, ta sẽ cảnh giác, thận trọng dùng thuốc cho thật đúng liều, đúng cách, chứ không nên chối bỏ việc dùng thuốc. Đặc biệt khi được bác sĩ khám bệnh và ghi đơn chỉ định thuốc, ta nên yên tâm sử dụng thuốc. Bởi vì, chắc chắn bác sĩ đã rõ về ADR của thuốc và đã có sự cân nhắc trong chỉ định thuốc cho người bệnh dùng.

Có hiện tượng ngược đời là thay vì dùng thuốc, chính sự ngưng dùng thuốc, đặc biệt là ngưng đột ngột lại gây ra ADR, thậm chí ADR nghiêm trọng làm khổ người bệnh. ADR đặc biệt đó gọi là *ADR do ngưng dùng thuốc* (ADRNDT). ADRNDT được định nghĩa là biến cố xảy ra với các triệu chứng rối loạn do đang dùng một thứ thuốc nào đó mà lại đột ngột ngưng không dùng thuốc đó nữa.

Thuốc gây ra ADRNDT đầu tiên cần phải kể là các thuốc gây nghiện (kể cả ma túy). Các thuốc gây nghiện gây ADRNDT có thể kể: thuốc giảm đau có nguồn gốc thuốc phiện, gọi chung là opioid (như morphin, pethidin, fentanyl), thuốc an thần gây ngủ nhóm benzodiazepin (như diazepam), thuốc giảm cân kích thích là các dẫn chất amphetamine (thuốc lắc, ma túy đá thuộc nhóm này)... Các thuốc này khi đã quen dùng trong thời gian dài sẽ làm thay đổi chuyển hóa

cơ bản của các tế bào thuộc hệ thần kinh trung ương và hệ thần kinh thực vật (điều khiển cơ trơn và các cơ quan nội tạng). Những tế bào này lệ thuộc vào thuốc, nghĩa là chúng hoạt động một cách bất thường theo tác dụng của thuốc, nếu đột ngột ngưng dùng thuốc, chúng sẽ phản ứng bằng ADRNDT, được gọi là *"Hội chứng cai thuốc"*, bao gồm mất ngủ, vật vã, đau nhức, ói mửa, toát mồ hôi, nước mắt chảy ràn rụa, tiêu chảy liên tục v.v.

Các thuốc gây ADRNDT còn phải kể: thuốc trị bệnh tăng huyết áp (clonidin, propranolol) nếu đột ngột ngưng dùng sẽ làm huyết áp tăng vọt rất nguy hiểm; thuốc chống trầm cảm loại 3 vòng (nortryptilin, clomipramin) nếu đột ngột ngưng dùng sẽ làm trạng thái tâm thần của người bệnh xấu đi, thậm chí có người còn tìm cách tự tử; thuốc trị bệnh động kinh (carbamazepin) nếu đột ngột ngưng dùng bệnh nhân ngay lập tức sẽ lên cơn động kinh; thuốc glucocorticoid (prednisolon, dexamethason) nếu ngưng đột ngột bệnh nhân sẽ khốn khổ vì thiếu corticoid nội sinh do chính tuyến vỏ thượng thận tiết ra.

Đối với loại ADRNDT vừa kể này, có một biện pháp giúp khắc phục là dùng thuốc giảm liều từ từ trước khi dứt hẳn để giúp cơ thể người dùng thuốc thích ứng dần trước khi ngưng thuốc hoàn toàn, chứ không được đột ngột ngưng thuốc.

Chánh niệm trong dùng thuốc cần như thế nào?

- Chỉ thật cần thiết mới mới dùng thuốc. Hoàn toàn không nên lạm dụng dù chỉ là vitamin.

- Nếu được bác sĩ khám ghi đơn thuốc, phải dùng đúng, dùng đủ (không dư không thiếu) các thuốc ghi trong đơn và thực hiện tốt các lời chỉ dẫn.

- Đừng nghe lời mách bảo của người không thuộc giới chuyên môn mà dùng thuốc nào đó kéo dài từ tháng này sang tháng kia.

- Trước khi dùng một thuốc, cần đọc kỹ bản hướng dẫn hoặc hỏi dược sĩ tại nhà thuốc về những điều cần biết, trong đó có: *tác dụng phụ* tức ADR, *những thận trọng khi dùng thuốc, chống chỉ định* (tức những trường hợp không được dùng thuốc).

- Khi đang dùng thuốc nếu bị phản ứng bất thường (có thể bị ADR) nên ngưng ngay thuốc và đi tái khám báo cho bác sĩ biết để bác sĩ cho hướng xử trí.

- Khi đọc trên báo chí thông tin về ADR của một thuốc, thì đó là thông tin để tham khảo và cảnh giác chứ người đang dùng thuốc đó hoàn toàn không nên quá lo lắng tìm cách ngưng dùng thuốc khi chưa có ý kiến của bác sĩ trực tiếp điều trị chỉ định dùng.

- Khi bác sĩ chỉ định giảm liều từ từ, phải theo đúng cách thức giảm liều đó trước khi ngưng dùng thuốc.

- Sau khi ngưng dùng thuốc, nếu xuất hiện những rối loạn, những phản ứng bất thường trong cơ thể, cần đến bác sĩ tái khám ngay. ■



Về hiện tượng

Tháp Thiên Mụ. Ảnh: www.chupanhdao.com

bê-tông hóa kiến trúc chùa

NGUYỄN TRỌNG NGHĨA

Cùng với sự du nhập của Phật giáo vào Việt Nam từ buổi đầu Tây lịch, các ngôi chùa dần dần được xây dựng. Chùa không chỉ là nơi thanh tịnh để thờ Phật, các nhà sư tu hành và tín đồ đến tụng kinh, mà còn là trung tâm văn hóa của mỗi làng xã. Bước phát triển của kiến trúc chùa từng thời kỳ chịu sự chi phối sâu sắc của các yếu tố

lịch sử và xã hội; cho nên, trên cả nước, từ Bắc chí Nam không có một kiểu mẫu chung nào cho hàng ngàn ngôi chùa được xây dựng trong nhiều thế kỷ qua. Song nếu phân tích kỹ có thể rút ra một số đặc điểm thường thấy, đó là những ngôi chùa dù được xây dựng bằng chất liệu gạch vữa hay kết cấu gỗ thì cũng không mang vẻ hoành tráng, choáng ngợp hay thách thức, chinh phục

thiên nhiên mà rất đổi khiêm nhường, bình dị, nép mình dưới lớp lớp tán cây xanh mát. Rõ ràng, kiến trúc chùa phần nào đó phản ánh đúng tâm thức Phật giáo Việt Nam! Tuy nhiên, hiện nay do nhiều nguyên nhân khác nhau, kiến trúc chùa Việt đang thay đổi từng ngày bởi quá trình bê-tông hóa một cách rầm rộ. Ở vấn đề này, dẫu chưa bàn đến chuyện đúng sai thì cũng phải quan tâm nghiên cứu tìm ra cái được, cái mất của nó để rồi góp phần hóa giải bài toán hóc búa giữa truyền thống và cách tân trong kiến trúc chùa nói riêng, kiến trúc tôn giáo - tín ngưỡng nói chung ở Việt Nam.

1 Thực trạng bê-tông hóa các ngôi chùa hiện nay

Để đưa ra con số chính xác có bao nhiêu ngôi chùa đã và đang được bê-tông hóa trên khắp cả nước chắc hẳn phải chờ thời gian kiểm kê cụ thể. Tuy thế, bằng những gì có thể quan sát và theo dõi được trên phương tiện thông tin đại chúng, đặc biệt là sự hỗ trợ của internet, có thể thấy tình trạng bê-tông hóa chùa chiền diễn ra không phải một nơi mà nhiều nơi từ thành thị đến nông thôn; từ một ngôi chùa làng đơn sơ cho đến một ngôi cổ tự lừng lẫy tiếng tăm. Tự trung thì có ba hướng bê-tông hóa thường thấy: bê-tông hóa hoàn toàn một ngôi chùa mới; bê-tông hóa hoàn toàn một ngôi chùa cũ (cổ) và bê-tông hóa một phần ngôi chùa cũ (cổ).

Trường hợp bê-tông hóa hoàn toàn một ngôi chùa mới, điển hình nhất là chùa Bái Đính (Ninh Bình) và chùa Linh Ứng trên bán đảo Sơn Trà (Đà Nẵng). Vì cả hai ngôi chùa đều được đặt tên theo những danh lam cổ tự nổi tiếng của địa phương nên người dân thường gọi một cách dân dã là chùa Bái Đính mới và chùa Linh Ứng 3 để phân biệt với chùa Bái Đính cổ trên đỉnh núi Đính cũng như hai chùa mang tên Linh Ứng, một tọa lạc trên núi Non Nước Ngũ Hành Sơn và một tọa lạc trên núi Chúa Bà Nà. Hai chùa xây dựng ở vị trí hoàn toàn mới, không làm ảnh hưởng đến những ngôi cổ tự nên có thể coi chúng là những chùa mới hoàn toàn. Nhờ vào kỹ thuật xây dựng hiện đại và vật liệu bê-tông cốt thép, qua bàn tay tạo tác của người thợ Việt Nam mà cả hai chùa có kiến trúc bề thế, hoành tráng nhưng không kém phần tinh tế và thẩm mỹ. Chùa Bái Đính mới đã trở thành khu tâm linh lớn nhất Việt Nam và giữ nhiều kỷ lục như: chùa lớn nhất Đông Nam Á; chùa có tượng Phật dát vàng lớn và hành lang dài nhất châu Á... Trong khi đó, chùa Linh Ứng 3 trên bán đảo Sơn Trà trước biển khơi Đà Nẵng cũng lập kỷ lục với bức tượng Bồ-tát Quan Thế Âm bằng đá trắng lớn nhất Việt Nam. Thực ra tổng thể pho tượng này cũng là một kiến trúc thờ cúng bởi với chiều cao thân tượng là 67,9m thì bên trong lòng tượng chia ra 17 tầng, mỗi tầng thờ 21 vị Phật. Đài sen khổng lồ dưới chân tượng rộng 35m cũng là một kiến trúc vững chắc, bên trong có không gian thờ cúng thoáng đãng bởi xung quanh được trổ rất nhiều cửa vòm với ý nghĩa của Phật luôn rộng mở

muôn phương cho thập loại chúng sinh tu tập. Với địa thế khá đẹp và lối kiến trúc mới hoành tráng, hàng năm du khách thập phương hành hương về chùa Bái Đính mới và Linh Ứng 3 rất đông, điều đó đồng nghĩa với việc chúng đã trở thành điểm sáng tâm linh mới của thời đại mở cửa và hội nhập.

Trường hợp bê-tông hóa hoàn toàn một ngôi chùa cũ (cổ). Tại nhiều làng quê Việt Nam hiện nay, những ngôi chùa làng rêu phong cổ kính đang dần thay hình đổi dạng. Từ chỗ có quy mô vừa và nhỏ, nhiều bộ phận được kết cấu bằng hệ thống gỗ truyền thống độc đáo nay mái chùa bề thế vươn cao hơn choáng ngợp cả không gian cây cối. Tất cả phần gỗ trong kiến trúc được đục bê-tông và sơn vẽ giả gỗ. Mái chùa cũng được đổ bê-tông và lợp ngói công nghiệp đỏ tươi. Nhiều công trình phụ như am miếu quanh chùa vốn nép mình dưới tán đa, tán si cổ thụ thâm nghiêm cũng bị phá đi và chuyển đến vị trí mới. Nền chùa nếu không được lát gạch hoa thì cũng đổ trát xi-măng, còn tường thì được quét vôi ve hoặc lăn sơn nhiều màu sắc hiện đại. Với lối kiến trúc mới như vậy, dường như không gian thờ cúng thâm nghiêm của ngôi chùa đã bị triệt tiêu hoàn toàn, cho nên khi bước vào không gian đó ta có cảm giác trống trải và lạnh lẽo.

Trường hợp bê-tông hóa một phần ngôi chùa cũ (cổ). Trên phạm vi cả nước có rất nhiều ngôi chùa được xây dựng bổ sung thêm các hạng mục mới mà phổ biến là hệ thống bảo tháp vốn là biểu tượng Phật giáo. Ví dụ như chùa Từ Đàm (Huế), ngay cổng tam quan bảo tháp được xây dựng đối xứng với cội bồ-đề do Đại đức Narada người Tích Lan trồng tặng. Hay chùa Tiên Hương (xã Kim Thái, Vụ Bản, Nam Định) xây dựng thêm một bảo tháp có chiều cao lên đến vài chục mét, từ rất xa cũng có thể nhìn thấy đỉnh tháp này.... Việc xây dựng thêm bảo tháp nếu hài hòa và ăn khớp với kiến trúc chùa cũ sẽ có ý nghĩa góp phần hoàng dương đạo pháp, ngược lại nếu tháp quá to lớn và đồ sộ sẽ dẫn đến sự lạc lõng, xa lạ đối với chính tổng thể kiến trúc của cảnh chùa.

Bên cạnh đó, rất nhiều ngôi chùa cổ vốn là di sản, là báu vật quốc gia có kiến trúc độc đáo mang giá trị lịch sử và nghệ thuật đã bị trùng tu, chắp vá một cách sai nguyên tắc dẫn đến hậu quả khôn lường. Sự kiện chùa Trăm Gian (Hà Nội) thời gian gần đây là một ví dụ điển hình. Từ một ngôi chùa gần ngàn năm tuổi, với mỗi hạng mục là một báu vật không gì thay thế nhưng dưới sự tác động “thiếu hiểu biết” của con người, nó đã trở thành một kiến trúc chắp vá của thế kỷ XXI. Cổng chùa bị xây mới hoàn toàn. Mái chùa được lợp lại đồ tươi, tranh tượng bạc màu thời gian được quét lại bằng sơn công nghiệp, cột gỗ được đánh lại vecni bóng loáng... Đáng tiếc hơn nữa là những công trình gác khánh, nhà Tổ, bậc thang đá còn bị tháo dỡ, phá bỏ hoàn toàn để thay vào đó một kết cấu mới làm mất

hần kiểu dáng và vật liệu gốc của công trình. Phải nói rằng đây là việc làm mang tính chất xâm hại nghiêm trọng đến một di tích cổ quý giá đã được xếp hạng để bảo vệ cho muôn đời sau.

2 Những lý giải

Một vài ví dụ trên đây chỉ mang tính điển hình nhưng đủ cho thấy hiện tượng bê-tông hóa kiến trúc chùa đã và đang diễn ra trên phạm vi cả nước với nhiều mức độ khác nhau. Chỉ có thể lý giải hiện tượng này qua ba góc độ:

Thứ nhất, trong những năm gần đây, cùng với quá trình công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước, quá trình đô thị hóa ở Việt Nam cũng diễn ra mau lẹ. Cơ sở hạ

tầng đô thị từ cầu, đường, trung tâm thương mại, khu chung cư hiện đại... ngày càng nhiều. Điều đó chứng tỏ trong thời kỳ hội nhập, mở cửa đất nước đã dẫn xuất hiện và định hình lối tư duy mới, kỹ thuật mới về kiến trúc và xây dựng. Dẫu rằng lối tư duy xây dựng này không ảnh hưởng hoàn toàn đến tư duy xây dựng các công trình tôn giáo tín ngưỡng nói chung, chùa chiền nói riêng thì cũng ảnh hưởng một phần nhất định. Người kỹ sư và công nhân xây dựng hiểu rất rõ rằng, mái đình, mái chùa... thì phải cong cong mềm mại chứ không thể góc cạnh vuông vức như các công trình hiện đại nên có rất nhiều ngôi chùa xây dựng từ bê-tông, song người thợ đã cố gắng hết sức trong việc hóa giải những chỗ góc cạnh để công trình vẫn nhẹ nhàng, thanh thoát như một công trình gỗ truyền thống. Hoặc như, dù hệ thống cột, xà, kèo... có được đúc bằng bê-tông thì người ta cũng tìm cách sơn, vẽ làm sao cho giống chất liệu gỗ nhất có thể. Hơn nữa, giữa lúc cả thế giới cũng như Việt Nam đang phải gồng mình chống chọi với những biến động và thiên tai ngày càng khốc liệt như chiến tranh, động đất, bão lụt, sóng thần... thì những công trình bê thế bằng bê-tông cốt thép mới được đánh giá là vững chãi và vĩnh cửu nhất. Ngoài ra, để xây dựng được những công trình mang tính chất hoành tráng (ví dụ chùa Bái Đỉnh mới, chùa Linh Ứng 3) có lẽ nếu chỉ dùng vật liệu gỗ thì khó lòng thực hiện, nên những loại vật liệu hiện đại như sắt, thép, cát, đá, xi-măng... đã được lựa chọn vì nó đảm bảo vừa rẻ, tiện dụng và phổ biến.

Thứ hai, về mặt kinh tế, một khi xã hội phát triển, đời sống của con người ngày càng phú quý, thịnh vượng ắt sẽ dẫn đến nhu cầu được làm những điều lẽ nghĩa. Nhiều đệ tử chốn cửa Phật, công ty, doanh nghiệp... phát lòng hảo tâm muốn cúng dường tiền bạc để tu sửa và xây cất chùa chiền. Thực tế, hầu hết những ngôi chùa mới hiện nay có sự đóng góp rất lớn của các cá nhân và tập thể. Ấu đó cũng là tấm lòng, là cách thể hệ cháu con thời đại mới tích dày thêm công đức để mong được hưởng điều an lạc trong cuộc sống lắm lo toan, trắc trở.

Thứ ba, vì thế kỷ XXI là thế kỷ của tâm linh, nhu cầu được giải tỏa tinh thần và được cầu nguyện ngày càng nhiều nên dường như những cơ sở hành lễ tôn giáo - tín ngưỡng nói chung đang ngày càng quá tải và chật chội. Cho nên, việc xây dựng thêm các cơ sở thực hành tôn giáo là điều rất dễ hiểu và hợp với lẽ "cung - cầu" trần tục. Riêng đối với đạo Phật - một thứ tôn giáo hướng dẫn con người làm điều từ bi, hỷ xả và giải thoát khỏi nỗi khổ đau sẽ được nhiều người lựa chọn bởi theo chân tu của Bạc Đại Đạo Sư con người sẽ tìm được niềm vui, niềm tin, sự an định và tĩnh tại trước sóng gió cuộc đời. Chính vì vậy, bên cạnh hàng nghìn ngôi chùa lớn, nhỏ trên khắp cả nước nhiều chùa mới tiếp tục được xây dựng để đáp ứng lòng thành tâm hướng thiện của con người.



Chùa Thầy. Ảnh: Tú Oanh

3 Ngẫm nghĩ về cái được - mất

Cũng như mọi hiện tượng xã hội đều có hai mặt vấn đề, hiện tượng bê-tông hóa kiến trúc chùa cũng không ngoại lệ. Tuy nhiên, chúng tôi không phán xét hiện tượng này dạng như tích cực và tiêu cực như thế nào. Mà nhẹ nhàng hơn là làm rõ những cái được – mất:

Về cái được, trước tiên chúng ta có một số các công trình bề thế, hoành tráng, đôi khi là niềm tự hào của một địa phương hay đất nước như trường hợp chùa Linh Ứng 3 tại Đà Nẵng hay chùa Bái Đính ở Ninh Bình. Các công trình này tuy đồ sộ song vẫn hài hòa với thiên nhiên, tựa vào hình sông thế núi rất hợp lý tạo nên không gian thiền trang lễ. Vì có không gian rộng nên các công trình bộ phận được thiết kế rất chi tiết từ nơi ăn chốn ở của Tăng Ni, nơi bán sách văn hóa Phật giáo đến hệ thống điện chiếu sáng, sân chơi, vườn cảnh, ao hồ... tạo nên mối liên kết khép kín rất đăng đối, khoa học hơn hẳn so với nhiều công trình kiến trúc truyền thống của cha ông thường xây dựng chấp nối qua các thời kỳ lịch sử nên đôi khi không có sự thống nhất.

Cái được thứ hai là không gian thờ cúng, hành lễ được mở rộng tạo điều kiện đón tiếp Phật tử muôn phương hành hương về lễ Phật. Một ví dụ điển hình là chùa Từ Đàm Huế, với không gian chật hẹp của tòa đại đường cũ xây từ những năm 30 của thế kỷ XX quá chật chội không thể tiến hành các khóa lễ lớn. Nhưng từ khi chùa được quy hoạch, xây dựng mới và đưa vào sử dụng mấy năm gần đây đã tổ chức được rất nhiều buổi hoằng pháp cũng như các đại lễ lớn của Phật giáo, chứa được cả ngàn người một lúc.

Cái được thứ ba đó là việc thay thế vật liệu gỗ bằng bê-tông cốt thép trong xây dựng chùa chiền chắc chắn đã góp phần trực tiếp hoặc gián tiếp vào việc làm giảm nguy cơ chặt phá rừng đầu nguồn vốn là vấn nạn hiện nay. Dẫu có là người nghiệp dư trong vấn đề xây dựng cũng sẽ bàng hoàng, thảng thốt nếu một ngôi chùa như Bái Đính mới được xây dựng hoàn toàn bằng gỗ bởi có lẽ nó sẽ phải sử dụng đến con số mấy mươi ngàn khối chứ không kém! Cho nên, hoàn toàn có thể nói rằng mỗi một ngôi chùa xây dựng mới bằng bê-tông cốt thép là góp thêm một tiếng nói bảo vệ rừng, bảo vệ tài nguyên và môi trường sống nói chung, giúp con người tránh được những hiểm họa khổ đau khôn lường trong tương lai. Đó là điều rất thiết thực và có ích không nằm ngoài mục đích và tôn chỉ tu hành của đạo Phật.

Bên cạnh rất nhiều cái được thì cũng không hiếm cái mất. Xin đơn cử ba cái mất dễ nhận ra nhất:

Cái mất đầu tiên là sự mai một trong kiến trúc, kết cấu truyền thống từ kiểu dáng đến kỹ thuật mộng, mọp kết nối các chi tiết gỗ. Nhiều họa tiết trang trí nóc mái, bờ đao như họa tiết rồng, dây leo hóa long... giúp bộ mái các công trình thanh thoát, bay bổng được làm đơn giản và kém sắc sảo nên thoạt nhìn là biết đó là tác phẩm của kỹ thuật công nghiệp. Cho nên việc một

ngôi chùa cổ kính hàng trăm năm tuổi bị tu sửa mà phá đi nhiều hạng mục kiến trúc độc đáo như trường hợp chùa Trăm Gian là đồng nghĩa với sự phá hoại di sản bởi chúng ta đã làm mất đi rất nhiều cái độc nhất vô nhị như kiểu dáng, họa tiết hay sự bạc màu thời gian. Đau lòng thay! Chính những yếu tố đó lại là cái quý giá và giúp công trình được xếp vào danh mục di sản văn hóa lịch sử cần gìn giữ, bảo vệ.

Một cái mất nữa là không gian linh thiêng trong thờ cúng đã bị trần tục hóa hơn rất nhiều. So với một điện thờ Phật trong các ngôi chùa gỗ truyền thống thì điện thờ trong các ngôi chùa mới thường quá sáng bởi hệ thống điện và cửa. Vẫn biết là đạo phải hòa vào đời, song không gian thờ cúng như vậy ít nhiều tạo ra cảm giác trống trải và lạnh lẽo.

Quan trọng hơn, các công trình càng bề thế bao nhiêu càng làm mất đi vẻ khiêm nhường vốn là đặc điểm của kiến trúc chùa Việt Nam bấy nhiêu, nếu như không được thiết kế và quy hoạch phù hợp với môi trường thiên nhiên xung quanh.

4 Thay lời kết: Cần phải ứng xử có nguyên tắc

Trong thời đại ngày nay, bê-tông hóa các kiến trúc tôn giáo, tín ngưỡng nói chung là một xu hướng không thể tránh khỏi. Đứng ở góc độ nào đó nó hoàn toàn hợp lý bởi tính tiện dụng, tiết kiệm và bảo vệ tài nguyên. Tuy nhiên cũng cần phải đặt ra một số nguyên tắc nhất định khi bê-tông hóa hoàn toàn một ngôi chùa mới là: phải quy hoạch sao cho hài hòa với cảnh quan, môi trường thiên nhiên xung quanh; bản vẽ thiết kế xây dựng và trang trí cần dựa trên kiểu dáng, họa tiết truyền thống; hạn chế mức tối đa sự pha trộn và lai tạp bởi kiến trúc và cách thờ tự trong mỗi ngôi chùa chính là căn cước văn hóa giúp nhận diện ra bản sắc Việt Nam.

Tất nhiên, những hiện tượng bê-tông hóa hoàn toàn hoặc một phần ngôi chùa cũ (cổ) một cách thiếu hiểu biết là một việc làm khó chấp nhận cần phải lên án. Đối với những báu vật kiến trúc như vậy chúng ta phải tìm cách để bảo vệ tính nguyên trạng của nó. Nếu như vì lý do bị hư hại, xuống cấp phải trùng tu thì phải cẩn trọng làm có quy trình: kiểm tra đánh giá thực trạng xuống cấp, lập kế hoạch sửa chữa dựa trên ý kiến của các chuyên gia và những người có chuyên môn. Đặc biệt khi trùng tu nhất thiết phải tuân thủ nguyên tắc hòng chỗ nào sửa chỗ đó và đảm bảo tính nguyên mẫu từ nguyên liệu đến hình dáng, màu sắc... của công trình.

Cũng cần nói thêm rằng, dẫu dựa trên những nguyên tắc khắt khe song việc trùng tu tôn tạo cần phải tiến hành khẩn trương và có trách nhiệm bởi tuổi thọ của các di sản kiến trúc có thể khiến chúng sụp đổ bất cứ lúc nào do tác động từ ngoại cảnh. Xin đừng quá vội vàng trùng tu như trường hợp chùa Trăm Gian nhưng cũng đừng quá ị ạch, mòn mỏi đợi chờ trùng tu như chùa Diên Hựu (Hà Nội)! ■

Thiên định

HOÀNG TÁ THÍCH

Trong một lần trò chuyện về những chương trình trên màn ảnh truyền hình, một anh bạn thân bày tỏ với tôi, là có một chương trình anh rất thích, nhưng anh lại dị ứng với người dẫn chương trình nên không bao giờ anh xem. Anh nói với tôi anh ghét cái vẻ cao ngạo, trịch thượng của “cái thằng cha” dẫn chương trình đến nỗi anh không muốn mở cái kênh đó ra, chứ không phải đợi mở ra thấy cái mặt đáng ghét mới tắt máy, dù trong lòng anh rất thích chương trình đó. Cái ghét nó lấn át cả cái yêu, làm cho anh có chút khó chịu, không biết làm sao mà giải quyết. Và cho đến bây giờ, điều đó vẫn còn làm cho anh không được thoải mái chút nào.

Tôi không ngạc nhiên về điều anh bạn vừa nói. Trước đây khá lâu, tôi cũng đã dị ứng với một người, tương tự như sự dị ứng của anh bạn tôi vậy. Ông ta là một người có tiếng tăm, tài giỏi, và lại quen với gia đình, nên có rất nhiều dịp để cho ông ta lui tới với gia đình tôi. Không hiểu sao tôi lại ghét ông ta đến thế, dù mỗi lần gặp nhau, ông ta đều chào hỏi tôi một cách bình thường, gần như không để tâm đến vẻ lạnh nhạt của tôi. Có lẽ tôi bị thành kiến với cái vẻ tự mãn, tự cao của ông ta hoặc với cái lối nói chuyện ồn ào mà tôi không thích chút nào. Cái bệnh dị ứng của tôi chắc không khác gì của anh bạn tôi, nhưng có lẽ còn có phần nặng nề hơn là khác; vì ở trường hợp của anh

bạn, nếu không muốn thấy cái “thằng cha dễ ghét” đó thì anh ấy chỉ cần tránh cái kênh đó ra là khỏi phải thấy hắt. Về phần tôi, nhiều lúc không muốn gặp mà cũng không tránh được. Đã dị ứng thì mọi câu chuyện, mọi điều có dính dấp đến ông ta cũng đều đáng ghét cả. Và ngay cả những cái không đến nỗi đáng ghét của ông ta, tôi cũng không thể nào chấp nhận được. Ghét ông ta đến nỗi mỗi lần thấy ông ta là tôi đi chỗ khác, dù đôi khi cũng nhận ra là mình không được lịch sự, không phải đối với ông ta, mà đối với những người có mặt; và nếu rui ông ta hiện diện trong bữa ăn của gia đình thì tôi đành nhịn đôi vạ. Ghét đến nỗi bất cứ cái gì có thể gọi cái tên của ông ta tôi đều tránh xa. Bạn bè và những người trong gia đình biết tôi dị ứng với ông ta và thường khuyên tôi đừng để bụng, vì ông ta vốn vẫn thế, chứ tâm địa chẳng có gì; nhưng tôi vẫn không thể nào thay đổi thành kiến về con người đáng ghét kia được. Người ta thường nói khi yêu ai thì khắc sâu tên người đó trong tâm khảm mình, lúc nào cũng nhớ đến và bất cứ cái gì thuộc về người yêu cũng đều liên hệ đến mình. Bây giờ thì tôi lại có một nhận định là khi ghét ai thì cũng chẳng khác gì khi yêu, chỉ là hai thứ tình cảm đối nghịch nhau mà thôi. Yêu là tham ái, ghét là sân hận, cả hai đúng là nguyên nhân của khổ đau, nhưng yêu thì ngập lặn trong “biển khổ hạnh phúc” mà không hay, còn cái ghét thì lại không lúc nào không làm cho mình bứt rứt khó chịu.



Một hôm tình cờ có người bạn cho tôi một cuốn sách nói về sự giải thoát. Tôi vẫn thường đọc những cuốn sách đại loại như thế, của Krishnamurti, của Osho, của Suzuki, của Thiền sư Nhất Hạnh... Nhưng đọc chỉ là để mà đọc. Sách càng dày, đọc càng dễ nản, chỉ đọc lướt qua và có cảm tưởng như điều gì mình cũng đã biết cả rồi. Đúng là đã biết cả rồi. Ngay cả những điều Đức Phật dạy, thấy cũng không phải là không hiểu được, nhưng chỉ biết để mà biết, còn biết để mà ngộ ra một cách thực tế thì cũng không phải ai cũng làm được và không ai thấy được điều đó. Biết về hạnh từ bi, nhưng thấy con gián, con nhện bò trong phòng cũng không thể ngăn nổi sát niệm phải diệt nó ngay. Biết về hạnh hỷ xả, nhưng bạn bè nói động một chút cũng có thể nổi giận chứ đừng nói là người mình không thích. Biết mọi chuyện đều là vô thường, nhưng mất mát một chút của cải cũng đã tiếc hùi hụi. Biết đó để mà biết vì không thể nào lấy những điều trong sách ra mà noi gương tu tập được. Thực ra, đọc xong một cuốn sách hay thì ngoài chuyện có thêm một chút kiến thức, tôi nghĩ chẳng có ai rút ra những điều hay để áp dụng hoặc có thể áp dụng được trong đời sống hàng ngày mà tu tập được.

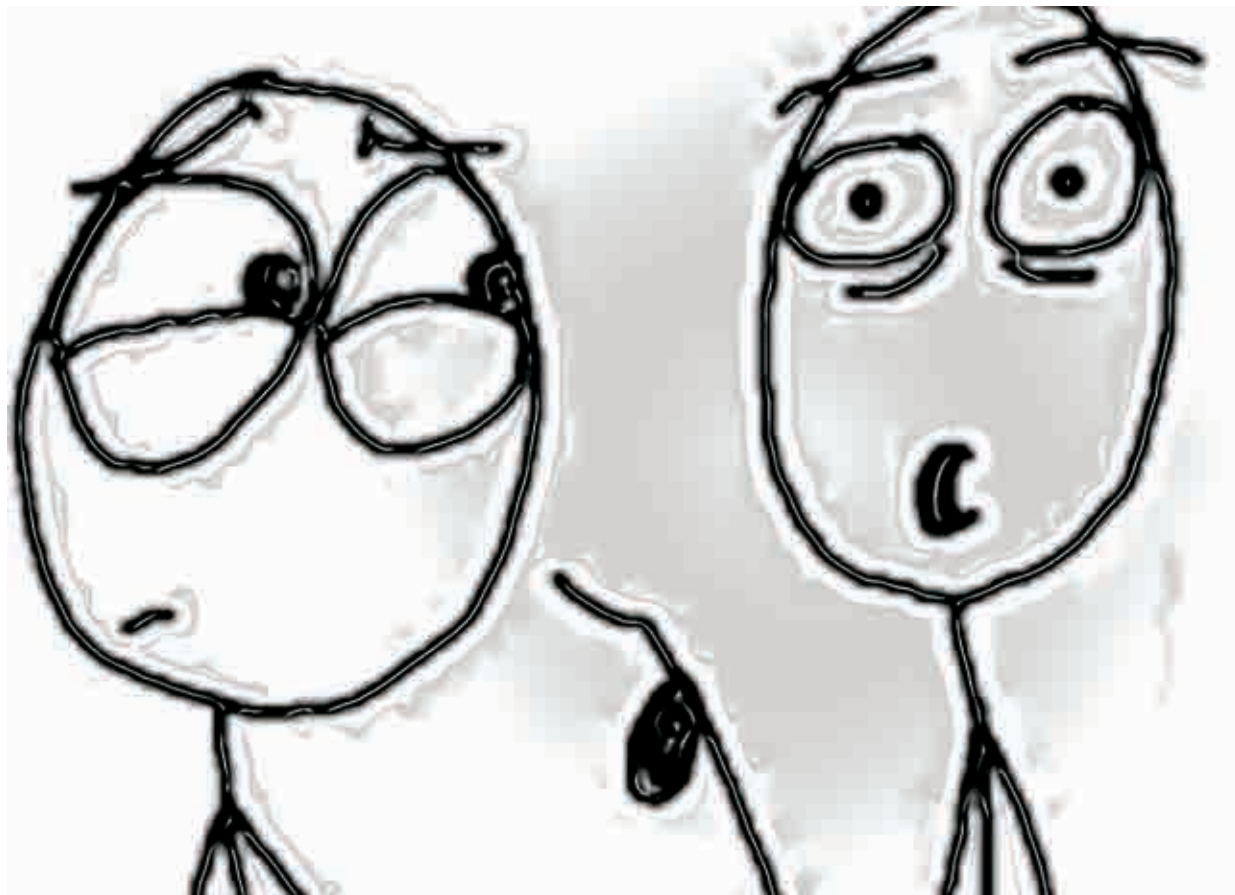
Bấy giờ tôi đang cầm cuốn sách nói về sự giải thoát của một tác giả nào đó lạ hoắc. Lật qua vài chương, đọc thật nhanh. Đọc cho biết. Lật đến một trang nào đó giữa cuốn sách, thấy trích dẫn một câu của Lục tổ Huệ Năng:

“Ngoại ly tướng vi thiên, nội bất loạn vi định” nghĩa là ngoài không vướng mắc hình tướng là Thiên, trong (tâm) không loạn là Định.

Hay. Quả thật là hay. Tuy chỉ là một câu ngắn gọn, nhưng bao hàm rất nhiều về chữ Thiền. Quả thực là tôi có suy nghĩ thật nhiều về ý nghĩa của câu nói trên, nhưng cũng chẳng thấy thu lượm được gì cho thực tế. “Rằng hay thì thật là hay, đọc xong cũng chỉ biết vậy mà thôi”, rồi dần dần tôi cũng quên khuấy đi mất.

Thời gian sau này, ít khi tôi gặp lại ông bạn của gia đình mà tôi bị dị ứng, và tôi cũng gần như quên mất ông ta. Hàng ngày tôi vẫn gặp bạn bè vui chơi, thông dong, nhàn hạ. Lâu lâu lại nghe tin một người bạn cũ bị xóa tên trên địa chỉ e-mail. Tin được báo là tin buồn, nhưng thật ra cũng chỉ là chuyện bình thường cho cái lứa tuổi cổ lai hy của chúng tôi nên thấy cũng chẳng phải là một tin buồn như hồi còn trẻ, và dần dần, những cái tin đó không còn ảnh hưởng nhiều để cứ phải bàn luận đến chuyện mất còn nữa. Chúng tôi thường nói với nhau, bạn bè gặp nhau vui chơi, ngày nào còn gặp được nhau là mừng ngày đó mà thôi, những chuyện gì không vui thì nên cho qua đi.

Rồi có một hôm, tình cờ nhân một buổi cúng giỗ trong gia đình, ông bạn dị ứng của tôi lại xuất hiện và chào tôi. Không hiểu sao hôm đó tôi bỗng cảm thấy rất bình thường như chưa bao giờ tôi ghét ông ta. Tôi gật đầu chào lại. Ông ta vẫn như thế, nghĩa là chẳng thay



đổi gì trong lối nói chuyện ngoại trừ mái tóc bấy giờ đã bạc màu khá nhiều. Tôi chào trả ông ta mà chẳng có một cảm giác nào là tôi đã từng ghét con người này như thế nào. Mọi người trong gia đình và ngay cả chính tôi cũng ngạc nhiên không thể nào giải thích được điều đó. Mọi chuyện đều bình thường và những lần gặp nhau sau này, tuy chẳng nói chuyện với nhau nhiều, nhưng tôi hầu như không nhớ tại sao tôi đã từng có lúc ghét ông ta đến như thế. Mà hình như chính ông ta cũng không biết hoặc không hề quan tâm đến điều đó.

Hôm anh bạn tôi nói chuyện về người dẫn chương trình và những dị ứng của anh, tôi nhớ lại chuyện yêu và ghét của tôi. Tôi kể cho anh bạn nghe về câu chuyện dị ứng và tôi nói với anh bạn tôi về cái cảm giác nhẹ nhàng kể từ khi tôi không còn dị ứng với người đó nữa. Không những như thế mà sau này, có nhiều người quen biết trở mặt với tôi vì một chút quyền lợi vật chất hoặc vì lý do này khác, tôi cũng không thấy bận tâm, và nhất là những khi buộc phải gặp nhau không tránh mặt được, tôi thấy nhẹ nhàng trong lòng khi bề ngoài họ vẫn “tình bơ” với tôi xem như không có gì đã từng xảy ra giữa tôi với họ. Và nhờ thế mà không lúc nào tôi bận tâm về những người đó. Anh bạn tôi nói đùa: “Thế thì ông đã đạt tới một mức cao thâm rồi đó”. Tôi không biết tôi đã đạt đến được cái gì, nhưng cũng cảm thấy hơn được ông bạn một chút gì đó về sự “giải thoát”.

Mấy hôm sau, ông bạn chuyển đến cho tôi một bài viết về Thiền. Bài viết không dài lắm, nhưng đối với tôi vẫn là dài dòng, và tôi cũng chỉ đọc để mà đọc cho biết, đọc cho vui. Tôi không biết là anh bạn tôi có đang cố gắng học về Thiền hay không, và bỗng nhiên tôi sực

nhớ đến câu nói của Lục tổ Huệ Năng mà tôi đã đọc được trong cuốn sách nói về sự giải thoát của người bạn tặng tôi hồi trước. “Ngoại ly tướng vi Thiền, nội bất loạn vi Định”. Tôi chợt thấy câu nói này quả là hay thật. Bây giờ tôi mới thấy hay thật, khác với ngày trước, chỉ thấy “hay hay” mà thôi.

Tôi nghĩ đến câu chuyện dị ứng của tôi. Buồn cười là xem như tôi đã ngộ ra về cái điều của Lục tổ dạy lúc nào mà tôi không hay. Mãi đến khi có dịp nhớ lại câu nói đó, thì mới thấy thấm cái ý nghĩa rất bình thường mà lại rất cao thâm của cái gọi là Thiền định.

Tôi trả lời mail cho ông bạn tôi, với cái giọng điệu hơi có vẻ “dạy đời” một chút:

“Mở kênh truyền hình chương trình ông thích ra. Nếu thấy người dẫn chương trình đáng ghét kia mà không để ý đến, vẫn xem chương trình như thường, thì ấy là Thiền. (không bị vướng bận với hình tướng). Nếu mở kênh ấy ra, thấy người dẫn chương trình đáng ghét kia, liền tắt máy không thèm xem và cũng chẳng tiếc gì chương trình mình thích, ấy là Định rồi vậy. (Tâm không loạn). Thực hiện được Thiền định thì thân tâm sẽ an lạc”.

Những danh từ như là sắc sắc không không, là chánh niệm, là ngũ uẩn, là Tâm vô trụ, là chấp ngã... nếu không hiểu được thì cũng đều là những hình tướng. Phải đọc rồi phải cố gắng để hiểu những cái không phải dễ hiểu. Loay hoay mãi trong những danh từ có tính cách triết lý tôn giáo này, đôi khi không hiểu, không tìm thấy được gì mà còn không thể nào thoát ra khỏi cái mù mịt đó. Càng đơn giản ngắn gọn càng dễ hiểu và càng dễ lãnh hội được nguyên lý của sự giải thoát vậy. ■

Đạo diễn

MỘC LAN

Vị nữ Phật tử trẻ tuổi kể chuyện: “Nhà con có một căn phòng lớn, hôm trước có một đoàn làm phim tới mượn để quay phim. Tụi con nghỉ học ở nhà xem họ làm việc. Cô diễn viên đóng vai chính rất đẹp, cứ tha thướt đi ra đi vô trong nhà con. Phim tình cảm, có những cảnh hai người dắt nhau đi chơi ở công viên thì được quay ở ngoài. Còn cảnh chàng ngồi đàn cho nàng nghe thì được quay ở nhà. Đại ý là sau những hồi đẹp đẽ như vậy, đến lúc cuối hai người chia tay. Chàng đập bể cây đàn rồi bỏ đi; nàng về ngôi nhà cũ, lượm từng mảnh đàn xưa, khóc. Phim kết thúc ở đó. Tới lúc cô diễn viên chính phải khóc, họ quay đi quay lại nhiều lần. Lúc đầu thì đạo diễn biểu: Xúc dầu vô mắt. Đến khi có nước mắt mà về mặt không đạt, đạo diễn lại nói: Chùi bớt son đi, tươi quá! Tội nghiệp, ông đạo diễn la um sùm, còn diễn viên thì lúng túng. Coi đóng phim vui ghê. Thấy toàn chuyện giả bộ không hà”.

Chuyện của cô ấy làm tôi liên tưởng đến một vở kịch hồi xưa. Các diễn viên sau khi bị bắt đóng đủ trò hỷ, nộ, ái, ố, bèn tức giận đứng trên sân khấu đòi gặp ông đạo diễn. Kịch kết thúc khi các nhân vật đồng đứng dậy phản đối vai của mình, và la lớn: Đạo diễn đâu? Lẽ dĩ nhiên tất cả cũng chỉ là kịch, nhưng vở kịch này có một ngụ ý sâu xa, từng được báo chí phân tích phê bình về cái tựa của nó: “Đi tìm đạo diễn”.

Xem phim chúng ta chỉ thấy người trên màn hình đi đứng cười nói, đôi lúc mình cũng bị lôi cuốn theo những trò ly hợp. Diễn viên đóng vai thật là tài tình đến nỗi khi thấy họ khóc, mình là người xem cũng đưa tay quệt nước mắt, mình khóc thiệt mà không biết có khi diễn viên phải xúc dầu cù là. Phim hay thường ngừng đúng chỗ, và người xem chẳng làm sao biết được là có sẵn ông đạo diễn đứng ở đằng sau ra hết lệnh này tới lệnh khác: Cắt! Ngừng! Quay! Đi tới! Chạy! v.v... Người xem phim mê phim đến nỗi chỉ gọi tên diễn viên bằng tên nhân vật họ đóng; như một đạo nào thành phố lên cơn sốt với Hoàn Châu Cách Cách... Hoàn Châu chỉ là nhân vật tưởng tượng của Quỳnh Dao.

Khen ngợi phim, ít ai nghĩ rằng mình cũng đang là diễn viên. Có những cuộc đời còn sôi nổi hơn phim, nhưng bảo chính nhân vật ấy đóng thì không đạt. Tôi lại nhớ một chuyện phim khác: Hai vợ chồng quý tộc người Anh gặp hoàn cảnh sa sút phải về Luân Đôn tìm việc làm. Phim trường đang dựng một bản kịch nói về đời sống của quý tộc, họ bèn nhận vai; nhưng đóng vào phim không đạt. Rốt cuộc phải nhờ diễn viên đóng vai quý tộc, còn nhà quý tộc thì đứng ngoài để điều chỉnh giùm những chỗ



không hợp. Người giả vào vai như thật, còn người thật thì đứng xem họ đang đóng giả mình. Chuyện như vậy làm người xem phải suy nghĩ. Không có gì lạ, một bà nội trợ đang xách giỏ đi chợ bình thường, tính toán đồng tương đồng ớt rất tự nhiên, nhưng nếu có một máy quay phim chia vào thì bà sẽ lúng túng ngay, không còn là bà nội trợ nữa mà lăm la lăm lét tay chân cứng ngắc, cái giỏ xách cũng cầm không muốn nổi. Bị ám ảnh vì mình đang đóng phim. Không tự nhiên vì có ông đạo diễn điều khiển.

Có ông đạo diễn nào không? Khi mình đang vui buồn cười khóc trong đời? Trôi giạt, xô đẩy theo những đợt sóng nghiệp, có lúc nghèo hèn cùng cực, có lúc thì giàu sang phú quý, thông minh và ngu ngốc, người tỉnh kẻ say v.v... diễn rất đạt không cần người điều khiển. Chỉ khi nào khổ tột cùng, đời sống đến mức không chịu đựng nổi, mới than trời trách đất. Cho rằng có một đấng tạo hóa an bài nên mình mới ra nông nỗi. Không biết chính mình là đạo diễn cho cuộc đời mình. Cái động cơ giật dây bên trong, để biến đổi mình đến thiên hình vạn trạng, động cơ ấy ở đâu? Có ai ở sau bức màn diễn để nhắc từng bước đi, từng cử chỉ điệu bộ? Không ai hết. Chúng ta nghiêm nhiên đóng vai trò của mình mà không hề bận tâm suy nghĩ.

Một lần nhìn lại, nhận ra chính mình là người chủ động. Mọi thứ chỉ vận hành theo nhân duyên, mình là người bấm nút. Thấy tận mặt người đạo diễn đích thực ấy, chúng ta sẽ không bị quay cuồng. Trong bài kệ số 165 của kinh *Pháp Cú*, Đức Phật dạy:

*Tự mình làm điều ác
Tự mình sanh nhiễm ô
Tự mình không làm ác
Tự mình thanh tịnh mình
Thanh tịnh, không thanh tịnh
Đều do tự chính mình
Ai thanh tịnh cho ai?*

Trao cho con người chiếc chìa khóa chủ động để nhấn nhủ rằng “Trong sạch hay ô nhiễm là tự nơi mình, không ai có thể làm cho người khác trở nên trong sạch”. Thế kỷ 21, trong ánh sáng Phật pháp, chúng ta tự làm lấy bộ phim của mình. ■



Ngoại cảnh và nội tâm

PHẠM LĂNG YÊN

Một sớm mai xuống phố ghé vào nơi làm việc, hay một chiều mưa đổ ghé vào quán cà-phê ven đường, hay một tối lang thang với bạn bè thân quen qua đường xưa lối cũ, đều nghe quanh đời đầy ắp những tiếng thở than, những lời oán thán về bao chuyện khổ đau, bất công cùng bao nỗi niềm ngang trái và oan nghiệt chất chồng nơi cuộc sống này.

Bên ly cà-phê đen bốc khói, một người bạn vong niên chép miệng buồn rầu than thở: “Cuộc sống bây giờ đen như ly cà-phê này vậy; có quá nhiều cạm bẫy, quá nhiều hiểm họa; môi trường, hoàn cảnh sống ngày càng suy đồi và băng hoại để cái xấu, cái ác tràn lan, bủa vây con người và tâm hồn con người bây giờ hư đốn là do họ lạc trong cái thế giới quỷ ám đầy ma chướng, đầy cạm bẫy này”.

Bên ly rượu đắng nơi quán nhỏ ven đường, một người anh ngậm ngùi nói lời phiến muộn: “Cảnh ngộ con người trong thời đại ngày nay đắng chát chẳng khác ly rượu này; một thời đại mà chúng ta chứng kiến thói tôn sùng vật chất lên đến mức điên dại và niềm đam mê vật

dục đạt đến mức mù quáng; người ta giờ chỉ còn nghĩ đến danh vọng, tiền bạc, cùng lợi ích cá nhân nên tâm hồn họ ngày càng cằn cỗi, khô khan; ngày càng xa cách; càng lạnh lùng vô cảm, càng tàn ác với nhau”.

Và rồi bên chén trà nhạt nhẽo một chiều thu sang nơi cổng trường ồn ào cộ xe qua lại, mấy cô cậu sinh viên lằm bằm nói chuyện với nhau: “Thời buổi này mà nói chuyện tình yêu thơ mộng, lãng mạn, rồi hy sinh cho nhau, rồi chuyện phải biết sống một cuộc đời ‘đói cho sạch, rách cho thơm’, nghe sao chẳng thực tế chút xíu nào; nghe sao mà oái quá, nghe sao mà nhạt nhẽo quá, y như ly nước trà này vậy đó. Thời buổi này, danh vọng và giàu sang chính là thước đo giá trị một con người; hoàn cảnh ấy, thời thế ấy thì chúng ta cũng phải như thế mới mong tồn tại được”.

Cái hoàn cảnh bên ngoài kia là cái gì vậy? Sao mà nó khiến người ta dễ đổi thay ghê gớm đến như thế? Chắc hẳn đó là “cái nhìn” của người khác về mình; đó là cái tiêu chuẩn mà xã hội, mà đám đông người đời tự đặt định ra để đánh giá một con người. “Cái nhìn” đó, cái

tiêu chuẩn đó bây giờ xem bạc tiền, xem danh vọng, xem lợi lộc, xem sắc dục là tối thượng; vì thế cho nên biết bao kẻ đã chấp nhận đánh đổi tất cả chỉ để đạt được những tiêu chuẩn kia; chỉ để có bạc tiền; chỉ để có sắc dục; chỉ để được tha nhân ngợi khen, thán phục. Bị thắm thay, toàn bộ cuộc sống của họ đều nương theo, đều dựa vào sự nhìn nhận của tha nhân và cái nhìn đó chính là món ăn tinh thần nuôi dưỡng cuộc đời họ.

Để rồi một cô sinh viên xinh đẹp, ngoan ngoãn ngày nào bây giờ sẵn sàng đánh đổi cả thân phận một đời con gái chỉ để có được một công việc với danh vọng cùng lợi lộc; rồi một cậu sinh viên hiền lành, khờ khạo thuở nọ giờ ngày càng chìm sâu trong những trò vui chơi trác táng, đầy lạc thú trần gian với đám quan chức cấp trên để được thăng tiến trong công việc; rồi một em học trò ngây thơ, trong sáng ngày ấy giờ thì suốt ngày nhìn tất cả mọi người xung quanh bắt kể thân sơ như những con mồi; chỉ để làm sao đạt được mục đích duy nhất trong đời là chào bán được những món hàng của mình cho những đối tượng kia hồng tăng thêm thu nhập, hồng được mau chóng giàu có cho bản thân mình.

Họ trôi lăn theo dòng đời và sống nương theo cái nhìn, cái tiêu chuẩn nọ; để rồi dần dà trở thành những kẻ nghiện, những kẻ thèm khát “hư danh”, thèm khát “tiền bạc”, thèm khát “sắc dục”. Có đủ mọi loại thèm khát trong cuộc đời này và ai ai trong tất cả mọi người chúng ta cũng sẽ rất dễ dính mắc, rất dễ vướng víu vào những loại ma chướng ấy.

“Kẻ thù của mỗi con người là chính bản thân người đó”. Ai đó đã lượm nhặt lời này và bảo đó là lời Đức Phật dạy; dù không chắc là lời Phật dạy thì nhận định đó cũng được coi là chân lý; và sau này diễn tả lại chân lý ấy, có một nhà văn nọ đã nói rằng: “Trong mỗi con người có một con quỷ nhỏ”; đúng thật như vậy, ma chướng bên ngoài kia chắc chắn chỉ có thể tác động trên mỗi con người một khi “con quỷ nhỏ trong mỗi chúng ta” mời gọi nó, rồi mở cửa cho nó đi vào.

Chúng ta đâu có đủ khả năng ngăn chặn sự lớn mạnh của ma chướng bên ngoài kia, chúng ta chỉ có thể đối trị “con quỷ nhỏ” trong mỗi chúng ta mà thôi.

Nếu “con quỷ nhỏ” bên trong mỗi con người được giáo dưỡng, được rèn dạy, được huấn tập trong một vùng trời tâm thức đầy ấp những ý niệm thiện lành, tốt đẹp, thơm ngát hương hoa tinh khiết thì thứ năng lượng mang tính hủy diệt, tàn phá kia sẽ có thể được chuyển hóa, được thăng hoa thành thứ năng lượng mang tính sáng tạo, hữu ích cho cuộc sống và rồi một ngày nào đó nếu ma chướng bên ngoài có ủa đến bên đời thì chắc cũng không thể, và không đủ khả năng, để thâm nhập vào nội tâm nơi “con quỷ nhỏ” nọ đã được thuần hóa – và khi đó sự hiện hữu của ma chướng kia chỉ còn là một bài trắc nghiệm sức mạnh tinh thần trong con người đã chuyển hóa thành công thứ năng lượng ghê gớm, ẩn tàng có tên gọi là “con quỷ nhỏ” kia.

Nếu “con quỷ nhỏ” bên trong mỗi con người không được giáo dưỡng và bản thân những con người đó cũng không gặp phải những cảnh ngộ nghiệt ngã, đầy thử thách bên ngoài, thì thứ năng lượng hủy diệt, tàn phá ấy tuy vẫn tiềm tàng trong mỗi cá thể nhưng chưa và khó có thể bùng phát do cảnh ngộ trong và ngoài chưa tương ứng với nhau – đó là trường hợp những người sinh trưởng trong một môi trường thiện lành, tốt đẹp; họ cũng tạm thời sẽ sống hiền hòa theo hoàn cảnh bên ngoài nọ bởi lẽ những tố chất độc hại kia đã không có điều kiện, không hội đủ nhân duyên để phát tác.

Có những cảnh ngộ mà ở đó “con quỷ nhỏ” bên trong mỗi con người không được giáo huấn, không được kiểm soát và bản thân những con người này lại rơi vào những môi trường mà ở đó những thứ ma chướng của tham lam, của sân hận, của si mê tầm tối trùng trùng bủa vây quanh đời mỗi ngày mỗi giờ, thì khi đó thứ năng lượng tàn phá, hủy diệt kia như cá gặp nước sẽ tha hồ mặc sức phát tác khủng khiếp. Đó cũng là cảnh ngộ của biết bao nhiêu trường hợp đang diễn ra xung quanh chúng ta trong cuộc sống, trong thời đại ngày nay.

Một thời đại mà một số vị tu sĩ thay vì làm ngọn nến soi đường cho bao chúng sinh u mê, lầm lối; làm người hướng đạo đưa họ về lối thẳng đường ngay; làm con thuyền đưa họ xa rời bến mê, trôi về nẻo giác, thì họ lại buông bỏ ngọn nến kia, buông bỏ con thuyền nọ để hòa theo, chạy theo những thú vui tầm thường dung tục của thế nhân; thay vì đưa “đạo” vào “đời”; hướng “đạo” cho “đời”, lại bỏ “đạo” chạy theo “đời”; thay vì mặc áo cà-sa hoại sắc lại rũ bỏ áo cà-sa để khoác lên mình thứ trang phục lòe loẹt của người đời mà còn ngụy biện cho rằng đó là quần chúng hóa. Thời đại đó là thời đại của ma chướng đang ngày càng lộng hành mà con quỷ nhỏ bên trong mỗi con người được tha hồ bỏ mặc chạy rông.

Chỉ có thể hoặc dùng ánh sáng trí huệ và công phu tu dưỡng để chuyển hóa thứ năng lượng độc hại, tàn phá kia trong mỗi con người; hoặc ngăn chặn, triệt tiêu những điều kiện, hoàn cảnh, môi trường đầy độc tố bên ngoài. Hai biện pháp đó được sử dụng để ngăn chặn sự bùng phát dữ dội của những độc tố trong tâm thức. Nếu hai biện pháp đó không được sử dụng thì cái hậu quả khi độc tố bên trong gặp điều kiện vô cùng thuận lợi bên ngoài hẳn sẽ khủng khiếp ghê gớm và vô phương cứu vãn.

Ma chướng kia như những cơn bão tàn phá khốc liệt ngoài trời, và một tâm thức được giáo dưỡng cũng như một nơi trú ẩn, một hang động an toàn, một gian nhà kiên cố, vững vàng giữa bão táp mưa sa.

Bão vẫn nổi ngoài trời dữ dội, mưa vẫn xối xả tuôn đổ mịt mù rơi mà những thân phận lạc loài giữa trời kia không có một nơi trú thân, không một gian nhà kiên cố cho tâm thức nương tựa đi về thì hậu quả hẳn sẽ là sự vong thân, tâng mạng đến tận cùng trong cơn bão ầm ầm vẫn miệt mài trút xuống trên những phận đời quá bé nhỏ, mong manh giữa đất trời vô cùng vô tận mà thôi. ■

Cảnh thu

TRIỆU NGUYỄN PHONG

Gió thăm thăm mây hanh hao
Bàn tay nghiêng che nắng cao đại khờ
Tôi ngồi trong cõi trời mơ
Hồn nhiên thả những vần thơ cuối ngày

Đuổi tìm chi giữa heo may
Tiếng phong linh vỡ đầu hay ngỡ ngàng
Mùa rắc những cánh lá vàng
Bay theo ảo giác nên bâng hoàng thu

Hoa cỏ lau

PHẠM TÂN XUÂN CAO

Cỏ lau trắng xóa đậm sâu
Rơi vào vệt nắng thêm màu bi thương
Cỏ rơi sống chết con đường
Cỏ rơi vào cỏ vô thường đợi ai?

Đã tầm thì phải nhả tơ

PHAN THÀNH MINH

Lúa mót cười cợt thúng quang
Gánh về gánh cả nắng vàng về theo
Chân thoăn thoát bước xa nghèo
Tóc còn bịn rịn với theo gió đồng

Tiếng cười đã lội sang sông
Chân còn lợ mọ đường đồng thấp cao
Ngân yêu sao được yếm đào
Mặc ai tơ tưởng liếc vào trông ra

Khói rơm ru chiều ơ à
Bếp trấu nấu gạo nồi ba âm ừ
Bữa nghèo giàu có ưu tư
Đĩa rau muống luộc khó thư thái lòng

Lung còng tuổi gập vào trong
Mẹ như cánh hạc bênh bồng chân mây
Em còn đang tuổi thơ ngây
Ruộng sâu ruộng cạn trở xoay một mình

Chị là rường cột gia đình
Mưa soi nón rách nắng nhìn áo tôi
Rộng sao bằng được miệng đời
Thỏa tung thỏa hứng trăm lời khen chê

Nghèo ăn vào cả áo quê
Nhìn áo chị vá em tê tái lòng
Giáp hạt chạy vạy gạo đông
Lúa ơi nhanh chín vàng đồng đi thôi

Chùa xa chuông mõ hựt hơi
Giàu không san sẻ nghèo ngồi bó chân
No sao được khắp thể nhân
Kẻ ăn không hết người lần không ra
Con tầm rút ruột rên la.

Tựa viết cho đời mình

NHỤY NGUYỄN

mở mắt lại thấy chiêm bao
nhắm mắt dương thế trôi vào hư vô
mở mắt, ô! vẫn là mơ
nhắm mắt liêu sống. Ai ngờ... vô minh
mở mắt không cỏi tâm linh
nhắm mắt thấy Phật thuyết kinh bên trời

chút ta mê triệu năm rồi
một ngày huyết lệ tuôn rơi muộn mằn
nhắm mắt soi chiếu bốn tâm
mở mắt thoát xác nhân gian vô hồn.

Cõi lòng

NGUYỄN THÁNH NGÃ

Nơi không thể thấy
nhưng ai cũng biết,
cõi lòng mênh mông đường nào...

Như đại dương sâu thẳm
như núi cao lồng lộng...
Có thể chứa sóng dồn
có thể đón gió muôn phương

Một cõi lòng mà diệu kỳ đến vậy,
sao ta còn chật hẹp với nhau?
Lòng đã khép,
thì ta còn phải mở
cho tình thương chảy khắp cuộc đời...

Như sông kia,
tình không chảy là tình đã chết
thương không trao thương sẽ hóa ao tù

Hãy là sông để cõi lòng rộng mở
chở phù sa tươi vụn cánh đồng
Hòa với biển để làm nên vị mặn
hóa hạt mưa san sẻ chốn khô cằn!

Đừng giam hãm cõi lòng cao rộng thế
Trong căn nhà ống khóa nhỏ nhen
Hãy cầm chiếc chìa nhân từ... Và mở...
Thù hận một đời sẽ hóa yêu thương!

Hương thề

TRƯỜNG KHÁNH

Cỏ đau phận mỏng hồi sinh,
Vô thường vỗ cánh, xanh tình nồng môi.
Mất - còn; không - có, người ơi!
Có không đòi đoạn - mây trôi dặm dài,
Lật tìm ký ức, còn ai?
Trong tri âm lặng - dấu phai nét ngà.
Lối xưa, bóng quế hồn ma!
Xiêm y ử sắc, rách tà nguyệt khuê,
Diệt sinh đòi đoạn lối về,
Bến bờ sinh tử hương thề lạnh rêu!!

Về thôi

NGUYỄN DŨNG

Về thôi ta ơi!
Là quay lại với tâm hồn thư thả
Thôi bon chen cơm áo gạo tiền
Về với lòng trống không tự tại
Về với trái tim thôi loạn nhịp nông sâu

Về với mái nhà xưa đón mưa ngâu
Quét lá rơi bốn mùa cỏ khát
Về với giọt tranh thưa lối tre mòn năm tháng
Sẽ thấy lòng trẻ lại hết lo âu

Về với trăng mùa hạ soi bóng bên cầu
Vớ tiếng sáo diều no gió
Vớ cánh đồng trâu đứng hóng gió nồm gặt cỏ
Ta sẽ thấy mình vô tư
Bụi trần gian sẽ lui về dĩ vãng

Về với trăng thanh mây trời trôi lãng đãng
Đêm ngồi chờ cá cắn câu
Nhìn trăng loăng dưới dòng sông sâu
Ta sẽ thấy yên bình sau tháng năm dài trôi nổi...
Về thôi ta ơi!

Bảy bước đến miền cực lạc

NHUY NGUYỄN

1 Mùa an cư của giáo đoàn Siddhatta bình lặng giữa mùa sala hé nụ. Đoàn khất sĩ ngày thêm đông. Rừng sala như một lễ hội bắt đầu...

Mùa kiết hạ sắp tới. Đức Phật rất lấy làm mãn nguyện với khu rừng ngập tràn hoa sala vốn của thái tử Jeta này. Hôm giáo đoàn của Người đặt chân đến, không một binh bát nào được người dân cúng dường bằng đồ chay. Vương quốc của thái tử Jeta vừa chinh phạt xong nước Vajji. Cả thành Bhagalpur ngây ngất trong chiến thắng, nhà nhà mổ gia súc ăn mừng. Không ai được khóc. Còn vua Pasenadi thì chuẩn y ngay lời của Govinda cho tuyển gấp một trăm cung nữ để tẩy rửa bụi bặm và máu trên mình.

Dưới một gốc cổ thụ, Đức Phật mở mắt thì trên đầu, vai và quanh người là tả hoa sala còn thắm. Người nâng từng cánh mỏng, niệm chú rồi đặt xuống. Vạn vật có sinh có diệt. Hạnh từ bi của ngài thấm vào những cánh sala vừa chuyển kiếp sau một đêm tiết hương cho sự an tịnh của cả khu rừng. Đêm xuống, hương sala dịu nhẹ, ngọt, len vào giấc thiền. Những Sa-môn và các đại đức ngồi quán hơi thở vô tình nương hoa sala chìm vào an lạc. Số người mới nhập môn, hương sala khiến họ không thể nhiếp tâm. Một chút buồn, chút lo âu, và nhớ...

Asidana nhớ ngôi nhà mình cất công dẫn gổ từ rừng Besarh về; nhớ dòng nước mắt của Malyahassa... "Asidana ơi, rồi em sẽ có con, chúng mình sẽ có con". "Không đâu. Thời gian đã chối từ niềm hi vọng của em rồi, Malyahassa. Ấu cũng là duyên để anh không vướng tục trần. Hãy để anh về với Buddha! Người sẽ chỉ cho anh con đường giải thoát, và cả em nữa...". Mẩu đối thoại nhức nhối tâm can mỗi lần Asidana muốn tỉnh tại. Mở mắt, Asidana hết đổi ngạc nhiên: bên mình một "cục bột" đang thiền. Buddha. Không thấy có hơi thở. Asidana toan dời chỗ, cục bột bỗng lên tiếng:

- Này Asidana, con định dịch chuyển tới đâu trong rừng sala này? Nếu ta là hổ, thì con vọt chạy về nhà sao?

- Thưa Buddha...

- Ta thấy hình như con đang bị ràng buộc quá chặt bởi thất tình lục dục, nên mới đến hỏi cho ra nhẽ. Asidana này, có ai tới bờ giác bằng hai chân trên hai chiếc thuyền không? Có ai một tay nắm Phật pháp mà tay kia không chịu buông nhân duyên phiền lụy?

- Thưa Buddha, con đã quyết tâm xả bỏ nghiệp duyên...

- Ta hiểu. Không ai hể tu là đắc chánh quả ngay. Chân tâm tự tánh chẳng dễ hiển lộ. Chính ta xưa cũng từng lòng vòng mất bao nhiêu thời gian. Phật pháp vô biên. Asidana, ta hiểu lắm. Con có thể dễ dàng bỏ tất cả mọi đam mê

trong biển người thường, nhưng tình cảm luyến ái là khó nhất. Nhục dục như vũng bùn nhờn. Con càng tận hưởng càng bị chìm xuống sâu thêm... Rồi một trong hai con, sẽ có người chuyển kiếp trước, vô lễ khi đó con (hay vợ con) cứ héo hắt, tàn lụy mà chết? Đó là ta chưa nói đến những vận hạn bất ngờ. Con nhớ vợ con. Ở rừng sala này không ai cưỡng chế con thôi nhớ vợ. Nhưng con có nhớ bao cô gái thuộc đẳng cấp hạ tiện ngày ngày hiến thân cho ngạ quỷ? Con có nhớ những thanh niên vắt kiệt sức mình trên cánh đồng lương thực ở Campa, Gaya, Nalanda? Con ích kỷ mà con không biết. Vì con thiếu hạnh từ bi.

2 Tuần chẵn chiếu sau buổi ăn trưa khiến vua Pasenadi không thể ngủ yên. "Quyền lực của ta không thể sai khiến được thần Mặt trời!". Ngáp dài, ngài lại ngó ra sân thượng Tử cấm thành trắng xóa. Một sự khiêu khích, rằng chính thần Mặt trời mới không thể bị bất cứ quyền lực tối thượng nào sai khiến. Ánh nắng lưng chiếu đang trùm sự chết lên cung điện Kosala.

Biệt cung Pasenadi, màu đỏ. Từ cột kèo, hoa văn, mái ngói, cho tới màn che... tất tạt đều đỏ. Chỉ mỗi tấm vải trải nệm giường là trắng.

Cái ngáp dài của vua. Tấu sớ thoi thóp nằm im trong ống áo quan thần. Govinda cũng chưa kịp dâng sớ, lệnh bãi triều được ban. Các quan lục tục ra về, Govinda cứ thụt tới thụt lui...

Pasenadi thôi ngáp vào lòng tay.

- Govinda, người có việc gì sao?

- Tàu Bệ hạ, thần có... sớ.

Vua khoát tay:

- Ngày mai hãy dâng. Bây giờ ta phải tới thăm Hoàng hậu.

Pasenadi bước đi, chợt dừng lại.

- Này Govinda, việc tuyển cung phi người lo đến đâu rồi?

- Tàu. Thần đã cho cận vệ lưng soát khắp thành Bhagalpur, cả vùng ngoại ô. Vài hôm nữa thần đích thân tới đón về cho Bệ hạ.

3 Cũng mười ngày rồi, Pasenadi không tới thăm người vợ được tuyển từ hơn một ngàn cung nữ. Những trò tiêu khiển mà Govinda bày ra luôn chiếm hết thời gian của ngài. Gã bị Hoàng hậu nhắc nhở nhiều lần; Mallika cũng khuyên vua không nên nghe lời can gián của Govinda.

Pasenadi đến cung Hoàng hậu Mallika với vẻ uy nghiêm kiêu hãnh. Từ hơn một năm qua, việc đến với Mallika ngài luôn xem đó là sự ban ơn.

Cô hầu của Hoàng hậu đón Pasenadi. Đợi. Ngài vẫn có thể kìm nén ít phút. Và khi cánh tay của ngài sắp vung lên cùng tiếng gào của loài động vật ăn thịt sống, thì Mallika bước ra. Hoàng hậu không giống Hoàng hậu. Mallika thua cả cách ăn mặc của một gái hầu. Đôi dép thường, bộ đồ giản dị, tóc không chải cài, không cả đôi hoa tai bằng ngọc... Hễ Pasenadi nổi thịnh nộ, mặt ngài rúm lại những đường nhăn ở trán và sống mũi, giống y hệt cái giữ con khiến bất cứ ai xanh nhợt.

Mallika cúi mình... Pasenadi bước tới đỡ Mallika. Ngài nhìn rất kỹ khuôn mặt Mallika lần đầu tiên không son phấn. Khuôn mặt phúc hậu thiên thần, làn da sáng bóng khơi dậy chút mặc cảm hiềm hoi của Pasenadi. Ngài diu Mallika ngồi xuống. Đám gái hầu lùi ra cho tới lúc hai cánh cửa khép lại.

"Thưa Hoàng thượng, thiếp không thể". Những nếp nhăn xô lại, Pasenadi cũng đứng dậy. "Mallika!... Phải chăng nàng...". "Thưa không." "Nàng ốm?". "Thưa Hoàng thượng, không...". Cánh tay của Pasenadi vung nhẹ: "Nàng kháng chỉ?!" Hai mũi tên vô hình cắm vào chân, Mallika gập xuống: "Thưa Hoàng thượng, thần thiếp không dám". Mallika cúi gằm mặt. "Thần thiếp muốn xuất cung làm đệ tử của Buddha!".

Pasenadi bắt thần rút tay. Lùi. Ngài thét: "Mallika! - sắc mặt sa sầm giống tổ - nàng điên rồi!".

4 Mặt trời rọi luồng sáng ấm nóng vào tận căn phòng An Lạc của Govinda. Thật hiếm khi gã được phép dậy muộn như vậy. Lâu rồi, không sáng nào gã được thấy mặt thần Hélios. Thường, chưa rõ mặt gái hầu quanh giường gã đã phải bỏ dậy tới chục châu, trong lúc vua còn vui mình giữa ngổn ngang cung phi...

Govinda đuổi thân - cái đuổi của một sư tử chúa, căng mọi gân cốt, móng vuốt, hàm răng, và lưỡi. Niềm sảng khoái tồn tại từ đêm qua.

Govinda mất trọn buổi chiều nghĩ ra trò hoan lạc từ thân thể một cô gái không đẳng cấp lồi về từ vùng quê hẻo lánh. Govinda không có hồ Thiên Nga rộng lớn như Pasenadi song gã không thiếu thiên nga. Để nuôi dưỡng bầy chim thiên nga, vua đã cho xây một hồ nước dài hút mắt, đứng bên này hồ, mỗi thiên nga bên kia là một chấm trắng nhỏ nhoi. Từng bầy thiên nga ở khắp lãnh thổ Kosala, từ vương quốc Kasi, Vatsta đều thiên di tới sinh sống. Những đôi thiên nga không rời nhau nửa bước chính là món ăn Govinda ưa thích...

Cô gái đẳng cấp hạ tiện được nằm trên giường của Govinda. Có thể chính gã là người đầu tiên xóa sự phân định đẳng cấp trong vương

triều Kosala. Và gã đã có giấc ngủ sâu đến từng ngách tủy sống.

Govinda tìm tìm, nhắm nháp ánh vàng của buổi mai vương trên lá cành, lấu son gác tía. Mãi tới lúc cô hầu mời vào dùng bữa gã mới sực tỉnh, rằng phải lên đường.

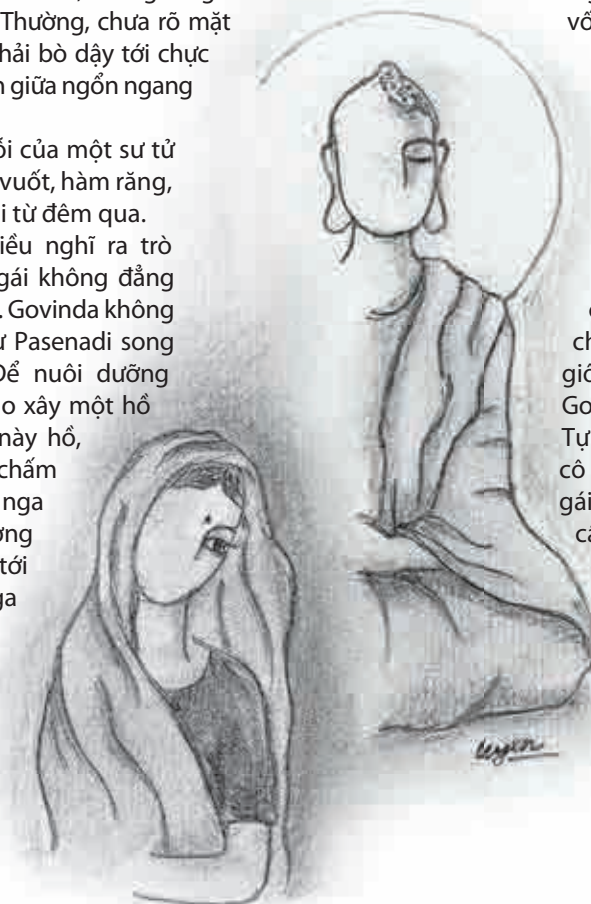
Công việc của gã cũng không mấy nhọc nhằn. Tất cả những cô gái đẹp trong vương quốc Kosala được tên cận thần dẫn lính lùng sục, "đánh dấu". Giờ đây gã chỉ việc đến từng địa chỉ, lừa hết bọn họ về cung, và ở đấy tiếp tục có cuộc sàng lọc gắt gao. Pasenadi giao cho gã "kiếm cho bằng hết gái đẹp". Không gì phải vội. Hôm nay Govinda cần tới một nơi khác.

Đền Khajuraho nằm ở miền Trung. Govinda lâu lâu lại tới đây để... cầu nguyện. Nhưng thường gã chỉ vòng vèo bên ngoài. Mắt no tròn trước vô số hình giao hoan được khắc chạm tinh vi sống động ở khắp bề mặt ngôi đền. Theo hiểu biết nông cạn của gã, chính Ngọc Hoàng Indra đã "xúi" những nhà điêu khắc tài ba làm nên một bức phù điêu cảm khoái bất tận. Không đếm được bao lần Govinda tới đây. Gã dạo quanh Khajuraho. Ngắm nghía. Sờ mó. Và mỗi khi gã chỉ tay thốt lên: "Đầy", lập tức tên danh họa chen tới, "truyền thần" thành một bức họa mang về cho gã. Ngôi đền Khajuraho, nguồn xung động ấy có thể cày xới, lật tung mọi kinh mạch chưa từng được đánh thông của gã, cứu rỗi linh hồn mỗi khi gã gần như bị đánh bật khỏi vương quốc Kosala.

Mỗi bận tới đây, Govinda đều cúng dường vô số của ngon vật lạ, vốn là thứ tổn kho của gã.

Gã nhớ không rõ nữa, hình như gã từng được vờ vào sâu trong đền để các Brahman ban phước. Dĩ nhiên, gã phải quỳ trước thần Brahma đến run bần bật, long cả bánh chè.

Bước khỏi đền, gã vô cùng bức dọc, song lại có chút hân hoan. Không hề giống nét mặt của cô gái Govinda bắt gặp sáng nay. Tự nhiên gã chú ý đến một cô gái ở đẳng cấp Sudra. Cô gái hút gã. Sự phân định đẳng cấp trong xã hội luôn mang tới cho Govinda nhiều quyền lợi. Người trong đẳng cấp Ksatriya của gã không ai để thân ô uế đến mức chạm vào bóng của hạng tiện dân. Nhưng với gã thì khác. Ý nghĩ thoáng qua đó khiến gã lại nhớ



cô gái nô lệ mình đêm qua...

Govinda chặn cô gái.

Cô gái né, đi thẳng.

Govinda gọi tên cận vệ: "Hãy làm theo cách tuyển cung nữ".

Ngưng bước, chắc cô ta nghe thấu lời gã... Cô quay quýt xuống.

- Thưa Đại vương. Tôi đã có chồng!

- Người phải theo ta về hầu hạ vua Pasenadi đáng kính.

- Thưa, danh vị của đấng Quân vương không thể bị bôi nhọ bởi một phụ nữ đã có chồng được.

Cô đứng dậy, bước rất nhanh. Hồi nãy cô đã chạm tay vào đầu linga to nhất trong đền Khajuraho. Khẩn nguyện... "Xin người hãy lôi Asidana khỏi khu rừng sala. Hãy cho chồng con trở về với con. Nếu quả thực chồng con không tưởng đến con nữa..."

Cô gái đi rồi, Govinda lệnh: "Hãy theo cô ta! Đọc dụ tuyển phi cho cô ta nghe! Đánh dấu nhà. Ta sẽ tới bắt về sau! Nhớ, không để cô ta sợ".

Gần tới thành Bhagalpur, Govinda đang định trọ lại đầu đó kiếm vài trò tiêu khiển, có người phi ngựa tới:

- Thưa Đại thần Govinda. Giáo chủ Charya mời ngài về gặp bàn nghị sự.

5. Hôm qua là một ngày ý nghĩa: rừng sala đón hàng trăm tín đồ từ giáo phái Bà-la-môn. Phật phải nhờ tới Đại đức Sariputta và Đại đức Moggallana làm lễ cho họ quy y.

Tịnh xá của Phật nằm hướng Đông, mặt hướng về vương quốc Sakya. Thi thoảng khuôn mặt ngoan hiên vờ chìm vào giấc ngủ của Yasodhara trong cái đêm Buddha rời bỏ gia đình vẩn thoảng qua. Nó là một vệt trắng mờ ảo như đôi thiên nga sánh mình nơi xa thẳm. Vương quốc Sakya có thể không còn cần đến Phật như lời vị chiêm tinh dự đoán về một đấng minh quân kiệt xuất của lịch sử ngày Thái tử Siddhatta chào đời. Nhưng Đạo pháp thì nơi đâu cũng cần. Vương quốc Sakya, vua Suddhodana, hoàng hậu Gotami, Yasodhara, và khúc ruột của người - Rahula. Đức Phật đang tính đến một chuyến hành hương trở về Kapilavatthu sau mùa an cư.

Ngày, sự nối dài của đêm trong mỗi giấc thiền. Đức Phật nhập định suốt đêm qua và cả buổi sáng, mở mắt thì quá nửa giáo đoàn đã vào thành Bhagalpur khát thực. Đại đức Sariputta bung nước tới để Phật rửa mặt.

- Đã đứng ngộ rồi, thầy Sariputta ạ. Thầy có đi vào thành cùng ta bây giờ không?

- Dạ. Nếu không phải là một gia đình nào đó mời Thế Tôn tới nhà thọ trai thì con xin theo.

Đức Phật mỉm cười.

Hai người ôm bình bát chưa khỏi rừng, Đức Phật chợt dừng.

- Sariputta. Thầy đi khát thực một mình đi.

- Thưa Thế Tôn, Thế Tôn quên gì sao? Để con đợi.

- Không đâu. Ta có chút việc. Thầy cũng

đừng để dành phần cơm cúng dường cho ta.

Nói đoạn Phật quay lại tịnh xá. Người ngồi ngay ngắn, sửa áo cà-sa che thể kiết-già. Vừa lúc Sa-môn Narayan dẫn một người tới. (Narayan là một trong những tín đồ từ giáo phái Bà-la-môn mới được nhập môn).

Cô gái cúi lạy Phật.

- Thưa Đức Buddha, con xin phép được cúng dường ngài.

Narayan ngồi xuống phía sau Phật, mắt nhìn đắm đắm cô gái.

- Narayan, sao con không khát thực cùng mọi người?

- Dạ...

- Được rồi. Ngày mai con sẽ được theo Đại đức Moggallana. Đại đức sẽ là thầy của con. Hôm nay con thọ trai cùng ta cũng được.

Rồi Phật hướng về cô gái:

- Con là...

- Malyahassa.

Cô gái ngẩng mặt.

- Con đến cúng dường cho ta?

- Thưa Đức Buddha...

- Con đến cúng dường cho ta hay con muốn tìm chồng của con - Sa-môn Asidana?

Malyahassa cúi gằm mặt.

- Thưa Đức Buddha, xin cho con được cởi bỏ tục trần...

Đến lượt Phật tỏ vẻ ngạc nhiên:

- Này Malyahassa, con không dối lòng trước mặt ta đấy chứ?

- Dạ... Thưa Đức Buddha, nếu thực chồng con không trở về với con nữa...

- Sao nào?

- Con sẽ chết!

Giọng Phật trầm ấm:

- Malyahassa! Con ngẩng mặt lên đi. Ta nói điều này có thể con không tin. Nếu con tự kết thúc sinh mệnh của mình, nghiệp con phải gánh, tương đương với giết một người. Con có biết không? Trong vòng luân hồi nghiệp báo, biết đâu con đã trải qua kiếp súc sanh? Malyahassa này, có được thân người không dễ. Thân người cấp cho con là một ái nữ đó, là để con tu luyện đặng trở về chân nguyên tự tánh.

Malyahassa sụt sùi. Nước mắt lăn chã vào bình bát của Phật khi Malyahassa đặt cơm vào.

- Thưa Đức Buddha, con xin được quy y. Con xin nghe theo lời chỉ dạy của Người.

- Malyahassa, con vẫn chưa hiểu hết điều ta nói... Ta không thể đồng ý nhận con vào giáo đoàn được.

- Thưa... con không hiểu.

- Hiện nay trong giáo đoàn chưa có ai là nữ. Ta cũng chưa có ý nhận nữ nhi vào giáo đoàn bởi thấy nhiều điều còn bất tiện.

Malyahassa phục quy, khóc thành tiếng.

- Malyahassa! Hồi nãy ta đã hỏi: con vào cúng dường cho ta, hay muốn gặp chồng con; bây giờ ta hỏi: con muốn quy y, hay đang chạy trốn nghiệp nạn?





6 Cũng không kịp dùng bữa, Govinda hấp tấp dẫn theo hai thị vệ thẳng tới thư phòng của vua. Pasenadi triệu gấp gã tới có việc gì? Hay... Gã thấy sợ, run đến suýt nhào xuống ngựa. Từ lúc tên thái giám bước vào phủ, Govinda đã nhận ra điều chẳng lành. Là người của gã và luôn theo sát mọi hành động của vua, nhưng tên thái giám một hai quả quyết hẳn không hay chuyện gì. Chuyện gì? Có thể đúng, vua biết chuyện gã tính bắt một cô gái thuộc đẳng cấp hạ tiện đã có chồng dâng cho ngài. Vậy thì chuyện lớn rồi. Giáo chủ Charya cũng khó lòng bảo lãnh cho cái đầu của gã. Pasenadi vốn là một tướng thiện xạ, từng phẳng không biết bao đầu người lẫn lóc dưới chân ngựa sa trường.

Ngài đâm mạnh xuống án thư. Govinda giật nổi người. Gã không dám đối diện với bộ mặt xò lại các nếp nhăn y một con hổ đói trong rừng Besarh.

- Govinda! Cái tên Buddha ngớ ngẩn gì đó, hẳn là thần Indra của vương quốc này sao?

Govinda thở ra hơi dài, tổng khứ khỏi người âm khí, nhẹ nhõm.

- Tàu Bệ hạ, Siddhatta Gotama vốn là Thái tử của vua Suddhodana. Cũng như Jeta của Bệ hạ. Nhưng từ lúc sinh ra Siddhatta đã có dấu hiệu đặc biệt...

- Người cứ tiếp tục.

- Muôn tâu... thần không dám.

- Nói.

- Dạ. Khi Siddhatta sinh ra, một đạo sĩ Bà-la-môn tiên tri phán: "Thái tử sau này sẽ là một vị Chuyển luân Thánh vương trị vì cả bốn cõi".

- Sao bây giờ hẳn là một người nom rất thảm hại?

- Tàu Bệ hạ. Giáo chủ Charya nói: không bao giờ có một tôn giáo mới có thể thay thế được chúa trời đã an bài cho xứ sở chúng ta trong suốt hàng nghìn năm qua.

- Ta không rõ lắm. Ta không biết đó là thứ tôn giáo gì, và bọn chúng dùng bùa mê gì làm mê hoặc cả Thái tử Jeta để rồi bán rẻ khu rừng quý giá. Rồi nay, đến cả Hoàng hậu cũng đòi cởi bỏ xiêm y để khoác tấm vải cà-sa.

- Dạ... điều này thì Bệ hạ chớ lo. Tai mắt của thần, tên Narayan cho biết, đoàn khất sĩ kia chưa nhận môn đệ là nữ.

- Vậy sao?

- Dạ đúng như vậy, thưa Bệ hạ, giáo pháp của Buddha thực chất đã làm phương hại ghê gớm đến ích lợi và sự bình ổn xã hội chúng ta. Tàu Bệ hạ, Buddha cũng không nhận môn đệ chưa đến tuổi hai mươi. Tuổi hai mươi, thưa Bệ hạ, là tuổi sung mãn nhất, tuổi của sức mạnh, tuổi của chiến trận...

- Sao?

- Bệ hạ, bây giờ đoàn khất sĩ đã phình ra, rừng sala rồi sẽ không còn chỗ trú chân. Thần nghe tin, Buddha sắp sửa dẫn toàn bộ giáo đoàn hành hương về thành Kapilavatthu của vua cha Suddhodana. Về đến Kapilavatthu, giáo đoàn khổng lồ kia sẽ là đội quân hùng mạnh của vương quốc Sakya; đội quân thực hiện lời tiên tri của đạo sĩ Bà-la-môn về vị Chuyển luân Thánh vương.

- Người nói sao? Này Govinda, chẳng lẽ...

- Bệ hạ, những gì trong tấu sớ hôm trước thần định dâng, thần đã nói rồi đấy ạ.

- Trời ơi! Sao người không nói ta biết sớm. Được lắm, tên vua Suddhodana khốn nạn...

- Tàu Bệ hạ, thần sẽ ngay lập tức dẫn binh tới rừng sala.

- Mà, Govinda, người cũng nên tham khảo ý kiến của Giáo chủ Charya.

7 Rừng sala xao động. Chim muông đập cánh. Hoa sala phủ dày trên những tấm cà-sa. Tiếng bước chân thỉnh thoảng tràn vào rừng.

Một Sa-môn chạy vào, lúc Phật đang ngồi với Đại đức Sariputta.

- Lay Đức Thế Tôn. Ngự quân đang kéo vào.

Phật vẫn ngồi yên, không một gợn sóng.

- Này con. Hôm qua ta vừa mới giảng kinh Niệm Xứ cho cả Tăng đoàn. Chẳng lẽ con ngủ gật. Ta dạy hãy học cách an trú trong hiện tại. Ta vừa mới hành thiền, thấy con đang ngồi quán hơi thở. Vậy mà giờ con lại chạy tới đây?

Có người kêu lên. Tiếng gào. Máu. Asidana mới lập thiền, hai tên lính giằng người bật ngựa ra. Lưỡi giáo, sắc, nhọn, xuyên sâu...

... Đây là lúc Govinda cùng năm tên hầu tới Muzaffur - một ngôi làng tồi tàn bậc nhất trong lãnh thổ trị vì của vua Pasenadi.

Malyahassa đang ghép những mảnh vải thô màu vàng xám, khâu áo cà sa.

- Người, theo ta về cung!

Mắt Govinda long lên.

- Người cũng định theo Hoàng hậu Mallika làm môn đồ của Buddha sao?! Khá lắm. Để ta tẩy trần cùng thể.

Bàn tay dài thông, gã vươn tới túm lấy tấm sari quấn trên mình Malyahassa giật mạnh. Malyahassa theo đà xoay vòng, loạng choạng... Malyahassa rút cái trâm cài trên đầu. Mái tóc rũ xuống. Govinda hơi chùn. Một chút. Gã, nhếch mép. Quái dị.

- Người định giết ta? Với bàn tay yếu đuối đó?

Ngực Malyahassa phập phồng dưới tấm sari mỏng còn một vòng quấn... Malyahassa không khóc, không sợ, nhưng không nói được, quay ngược mũi trâm vào ngực.

- Người định làm gì? Chết à? Được lắm. Nhưng ta muốn người nghe câu này của Buddha trước: "Nếu tự kết thúc sinh mệnh của mình..."

Govinda lần nữa giật mạnh tấm sari. Malyahassa chao về phía gã... Chính tấm sari của Malyahassa trói cô lại.

Những làn roi vụt xuống. Máu. Govinda sững rần nhìn máu rịn ra dưới mỗi làn roi. Làn roi như xé nát thân thể Malyahassa.

Làng Muzaffur. Hoa rơi rơi tả. Malyahassa bỗng nghe thấy lời của Đức Phật:

"Malyahassa, nếu bây giờ con thấy được kiếp trước của mình, con sẽ phát điên bởi tội lỗi mình đã gây ra cho kẻ khác. Qua nhục nạn này xem như con hoàn bối nghiệp lực...". ■

Niềm vui từ một chén trà

TU HƯƠNG

Anh bạn tôi nhỏ hơn tôi vài tuổi, còn là sinh viên, nhưng lại có sở thích thưởng thức trà hàng ngày. Mỗi buổi sáng thức dậy, anh bạn tự pha cho mình một ấm trà thơm nóng rồi ngồi nhâm nhi đọc sách. Những khi tôi đến chơi, thế nào anh bạn cũng pha một ấm trà thật đậm ngon mời tôi. Biết anh bạn có sở thích này nên nhiều lần đến tôi thường mua theo một gói bánh ngọt, thế là anh em lại có một buổi uống trà, ăn bánh nói chuyện thật hợp ý. Cũng vì sở thích này mà bạn tôi hay bị bạn bè trêu chọc, rằng thanh niên gì mà cứ như ông già, bia rượu cà-phê thì họa hoằn gọi mãi mới chịu đi, còn nhắc đến trà thì khoái cả chí, cứ có bộ ấm là tìm trà pha ngay. Thật ra thì mấy lời này cũng chỉ để đùa cho vui, nên anh bạn tôi cũng chẳng quan tâm mấy. Tôi cũng hay nói đùa rằng anh ta là đệ tử trung thành nhất của thú uống trà, anh bạn chỉ cười.

Anh bạn ấy hay bảo cùng tôi, uống trà có những thú vui mà mấy món kia không có được. Anh lý giải thế này. Bia rượu đem lại hưng phấn cho con người nhưng quá chén một tý lại thành ra luông tuồng. Mặc dù ngày nay hầu như người ta giải quyết mọi công việc trên bàn... nhậu; nhưng cũng chính từ bàn nhậu mà người ta đánh đổ cả tương lai và sự nghiệp của mình. Đây là chưa kể bia rượu mang lại vô số tai hại cho sức khỏe, nhất là với thần kinh con người. Vậy mà ngặt chỗ, người ta ngày nay lại tìm đến rượu bia nhiều nhất. Anh bạn tôi hay bảo, giá mà bia rượu chỉ vừa đủ độ làm người ta hứng thú mà không thể làm họ say thì thế giới này đã tránh được biết bao nhiêu là tai họa rồi. Nhiều tai nạn giao thông thảm khốc, nhiều gia đình đổ vỡ hạnh phúc, nhiều người vất việc làm chỉ vì một lời nói, hành động không làm chủ được... đều từ say xỉn mà ra. Rượu bia lợi cũng có nhưng cái hại thì nhiều hơn gấp bội.

Tôi lại hỏi anh ta về ly cà-phê, anh ta bảo thế này. Người ta tìm đến cà-phê có khi để tìm cho riêng mình một phút thư giãn sau nhiều thì giờ làm việc căng thẳng, có khi như là một cách giết chết thời gian, cũng

có khi là dịp gặp gỡ, giao lưu với mọi người. Con người ta không thể sống tách biệt, ai cũng có nhu cầu giao tiếp, nối kết. Việc chọn cho mình một góc quán thân quen với bạn bè hoặc với riêng mình là điều không thể thiếu trong cuộc sống nhiều người. Một số người lại có thói quen tìm cảm hứng làm việc từ một ly cà-phê, có thể ở quán hoặc tự pha cho riêng mình khi ở nhà hay trong công sở. Cà-phê ngày nay đã như một phần không thể thiếu để làm nên hương vị cuộc sống. Nhưng cũng có những điều lợi bất cập hại, như việc nhiều người hằng ngày vẫn bỏ ra hàng tiếng đồng hồ lê la ở quán cà-phê, giết thời gian bằng những cuộc chuyện trò trên trời dưới đất vô bổ. Nhiều bạn trẻ ngày nay thích những buổi lê la quán xá hơn là chuyện học hành. Nhiều người nghiện cà-phê tới mức ngày nào mà không có vài ba cốc là không thể chịu nổi, cơm ăn không ngon, trong người ỉu rũ, không làm được việc gì. Đây là điều rất đáng lo.

Người ta có thể tìm đến bia rượu, cà-phê để có thể có được điều lợi hoặc chấp nhận điều hại; nhưng từ chén trà ta có thể tìm được nhiều niềm vui. Trà không uống ở chốn đông người, ở nơi ồn ào náo nhiệt, cũng không thể uống với quá nhiều người. Thường thức trà phải ở nơi yên tĩnh, xa chỗ đông người, phải với người tâm đầu ý hợp. Chén trà thơm làm cho người ta khoan khoái. Trà không làm người ta say sưa, không đem lại niềm vui quá khích, không gợi lại nỗi buồn phiền, càng không để người ta rơi vào trạng thái hư vô, mất niềm tin mất phương hướng. Một chén trà có thể làm cho người ta thêm tĩnh tâm, khiến tâm hồn bình tĩnh, thư thái, giúp trí tuệ minh mẫn. Trà không thích màu mè, không cần những chỗ sang trọng. Một góc vườn có bóng cây tiếng nước, một thư phòng bài trí giản dị mà vừa ý hay một căn phòng đơn sơ nhưng ấm cúng là nơi người thưởng thức mới có thể thấy hết cái thú của từng chén trà. Người uống trà cốt không phải để giải khát, thưởng thức trà là để hưởng lấy cái hương, cái hồn trà. Bởi vậy chén trà có thể giúp người ta xa dần tội

lỗi, khiến tâm niệm trong sáng, thanh sạch hơn. Uống trà cũng không thể gấp gáp vội vàng, người sống vội vã không thích hợp với chén trà. Thường thức trà là hưởng lấy cái vị thanh ngọt của nó. Cho nên uống trà rèn cho người ta đức tính điềm đạm, bình tĩnh an nhiên, biết lấy cái bất biến mà ứng giữa cuộc đời vạn biến. Thường thức trà càng không thể dành cho người thô tháo. Người uống trà phải tỉ mỉ, cầu kỳ trong từng việc chọn trà, pha trà, rót trà, thưởng trà. Vậy nên, chén trà nhỏ nhưng có thể giúp người ta thêm cẩn trọng, chính chu. Chén trà đơn sơ, nhưng có nhiều thú vui là như vậy.

Người Nhật đưa trà lên hàng đạo, trà đạo. Người Trung Quốc có lịch sử thưởng thức trà lâu đời; Trung Quốc cũng là quê hương của những loại danh trà có mặt khắp nơi trên thế giới này. Vậy từ đâu mà chén trà đơn sơ kia có được điểm phức như vậy. Cũng dễ hiểu thôi, chén trà nhỏ bé nhưng chứa trong nó bao triết lý cuộc đời, bao thú vui tao nhã mà các thức uống khác không thể nào có được. Từ một chén trà, người ta có thể soi thấy mình trong đó, có thể điều chỉnh được tâm khí của mình. Trà vị ngọt thanh, có tác dụng giải nhiệt, giải độc cơ thể. Nhưng không chỉ thế, trà khiến con người an nhiên bình thản hơn trước những biến cố cuộc đời, có thể ngộ ra được nhiều điều kỳ diệu, tìm thấy được tâm thế bình thản trước những biến động hỗn phức trong thế giới ta-bà vốn nhiều sự bất trắc đổ vỡ này. Không phải ngẫu nhiên mà người tu hành tìm được sự tĩnh tại từ một chén trà. Chén trà đơn sơ nhưng có thể đưa người ta lại gần nhau, hiểu nhau hơn. Uống trà phải kén người thưởng cùng. Cổ nhân dạy rằng, “rượu ngon phải có bạn hiền”, huống gì là thưởng trà vốn không phải thức uống dành cho hạng phàm phu tục tử. Chén trà thanh đạm, không màu mè khoeá khẩu, nhưng lại là nhịp cầu nối cho những tâm hồn hiểu nhau, là nơi tìm đến của những tri âm tri kỷ. Chén trà nhỏ nhưng niềm vui nơi nó thì lớn vô cùng.

Ngày hôm kia anh bạn tôi mới tậu được bộ ấm chén mới. Vừa tậu về được, anh ta gọi ngay tôi sang để khoe. Đó là bộ ấm chén đất rất đẹp, màu nâu, làm theo phong cách thiền. Ấm không to, chỉ đủ cho hai người thưởng thức. Tôi đã đọc được niềm vui trên ánh mắt bạn. Đây là người phúc hậu, điềm đạm, hòa nhã, ít khi nào to tiếng, trước mọi chuyện đều bình thản. Tôi có được vinh dự là người đầu tiên được anh bạn này mời thưởng trà từ bộ ấm chén mới. Tự nhiên thấy trong lòng thư thái an tịnh. Chợt thấy vui vì anh bạn độc đáo này. Đâu phải người trẻ tuổi nào cũng có được thú vui tao nhã như vậy, nhất là khi cuộc sống hiện đại quá nhiều xô bồ, vội vã, con người ta hay sa vào những thú vô bổ mà tai hại vô cùng. ■





Ve tham Tràng An

TRÍ BỬU

Năm giờ sáng ngày 16 tháng 10 khi Thủ đô Hà Nội còn đang yên giấc, các anh Giới Minh, Anh Minh, Thái và chị Bùi Hiền đã đem xe đến khách sạn Kim Liên (Hà Nội) đón chúng tôi, những người cộng sự sau một ngày làm việc với Ban Thông tin - Truyền thông Trung ương GHPGVN, về thăm Khu du lịch sinh thái Tràng An. Cùng tham gia cuộc hành trình về thăm Tràng An có Đại đức Thích Minh Trí, Đại đức Thích Vân Phong và ba anh em cư sĩ chúng tôi: Minh Mẫn, Dương Kinh Thành, Trí Bửu.

Từ Hà Nội, chiếc xe con chín chỗ của AVG đi khoảng 80 km về phía Nam theo Quốc lộ 1A đưa chúng tôi đến cố đô Hoa Lư, như đi vào bức tranh thiên nhiên tuyệt mỹ với hết ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác. Tràng An là khu du lịch đẹp nhất Ninh Bình; cảnh đẹp ở đây được tạo hóa ban tặng một cách tự nhiên, gồm các dãy núi uốn lượn bao quanh các dòng suối nước, tạo nên vô vàn hang động nên thơ, kỳ ảo, huyền bí. Ngồi trên thuyền nan chúng tôi được khám phá các hang động xung quanh, lặng thầm ngắm nhìn cảnh quan hai bên dòng suối. Một không gian thiên nhiên tuyệt đẹp cứ mở dần ra trước mắt chúng tôi. Là người Việt Nam không thể không một lần đến với Tràng An, cố đô Hoa Lư!

Hôm ấy chúng tôi tham gia chuyến du lịch bằng thuyền nan kéo dài khoảng ba giờ, bắt đầu từ khu đón tiếp trung tâm nằm bên đại lộ Tràng An. Chín người chúng tôi lên hai chiếc đò. Chia sẻ với cô lái đò được biết, mỗi chiếc đò có thể chở bốn hoặc năm người khách và cô lái đò được trả công 100.000 đồng. Ở bến đò Áng Mương (Tràng An) có đến trên 300 chiếc thuyền nhỏ phục vụ du khách; các cô lái đò đều là người địa phương, được đào tạo một cách khá bài bản về hệ thống hang động và lịch sử của di tích vì các cô đồng thời là hướng dẫn viên du lịch.

Rời bến đò, giữa trời nước mênh mông, những con chim le le như đùa nghịch với du khách phương xa, chúng vừa chạy, vừa cút rồi lặn trông rất ngoạn mục. Lại có những đàn cá chép vàng trườn lên đón bọt sóng mỗi khi thuyền nan đi qua như chào đón chúng tôi. Đặc biệt thỉnh thoảng điểm xuyết một vùng hoa súng nở đỏ tươi như khoe sắc cùng du khách.

Điểm đến đầu tiên của đoàn là đền Trình (Tràng An Trình Phú) nơi thờ các công thần có công phò tá nhà Đinh dựng nước. Chúng tôi thắp hương và tham quan để “trình” rằng đoàn đã đến đây. Theo bia ký, đền Trình thành lập năm 1865, được trùng tu năm 2003. Nơi đây thờ hai vị công thần nhà Đinh là Tả Thanh Trù và Hữu

Thanh Trù Giám sát Đại tướng quân. Đường triều họ là người cai quản kho vàng, kết bạc của vua.

Rời đến Trinh, hang đầu tiên mà chúng tôi đến là hang Địa Linh - “đá nở hoa”. Hang dài 1.500m, thông sang thung lũng đến Trần. Hang có nhiều lối rẽ và hiện mới chỉ được khai thác một phần. Vào sâu trong hang, người ta thấy có những chỗ rộng, bằng phẳng nhưng có những nơi rất hẹp, bề ngang chỉ chừng 3m. Cô lái đò không quên nhắc nhở chúng tôi cúi đầu xuống tránh đá.

Qua khỏi hang Địa Linh, chúng tôi tiếp tục tới hang Tối. Trong hang rất tối, nhưng nhờ đèn điện nên chúng tôi xem được hang. Hang dài 315m, trong hang có rất nhiều nhũ đá lấp lánh như đá hoa cương rất đẹp với các hình thù khác nhau. Nhiệt độ trong hang Tối thường cao hơn bên ngoài 2-3 độ C, vì giữa lòng hang có một mạch nước nóng...

Sau hang Tối, là hang Sáng. Hang này ngắn, chỉ chừng 100m, do vậy trong hang luôn nhận được ánh sáng từ hai cửa hang tràn vào.

Rời hang Sáng, chúng tôi vào hang Nấu Rượu, nơi này trước đây có những nhũ đá rất đẹp. Do cửa hang quá chật, muốn qua hang để sang đến Trần, người ta phải làm cho cửa hang rộng vì thế cũng phần nào làm mất vẻ tự nhiên.

Cô lái đò cho biết trong hang Nấu Rượu có một giếng nước sâu khoảng 15m, nước rất trong và mát. Tương truyền, tiền nhân xưa kia đã phát hiện ra giếng nước và dùng nước này để nấu rượu rất ngon, hang có tên Nấu Rượu từ đó. Trong quá trình nạo vét hang, người ta tìm được rất nhiều hũ, vại, vò và các dụng cụ dùng trong quá trình nấu rượu. Ngày nay, để phục hồi lại di tích hang Nấu Rượu thường xuyên lúc nào cũng có công nhân chăm sóc, bổ sung, sắp xếp các hũ, vò, vại rượu tại đây.

Ra khỏi hang Nấu Rượu leo lên khoảng chừng 350 bậc đá, chúng tôi lên đến đền Trần. Ngôi đền được xây dựng từ thế kỷ X, thờ một vị tướng thời Hùng Vương thứ 18. Xin trân trọng, kính ghi lại câu đối của tiền nhân trước đền để lưu niệm: “Khuông phò Hùng quý trung hưng tướng. Tĩnh trấn Nam thiên thượng đẳng thần” (匡扶雄季中興將, 靜鎮南天上等神).

Sau đó chúng tôi vào thăm hang Sính, hang Si và hang Ba Giọt gắn liền với truyền thuyết một câu chuyện tình buồn. Xưa có chàng công tử yêu tha thiết một nàng công nương. Khi chàng gánh đồ sính lễ đến hang Sính để cầu hôn thì nàng đã bị cống nạp cho nước láng giềng. Chàng sang hang Ba Giọt tìm gọi, sau đó ôm khối tình riêng trầm mình ở hang Si. Ngày nay khi đến hang Si, thỉnh thoảng có người còn bắt gặp những đồng tiền cổ in chữ Phạn – có lẽ đó chính là đồ sính lễ của chàng công tử?

Sau khi từ hang Ba Giọt ra, chúng tôi lên thẳng Phủ Khống. Phủ Khống nằm trên một dải đất hẹp, lưng tựa

vào hang Khống, bên phải là dãy núi đá dựng đứng, trước mặt là một vùng trời nước mênh mông. Với địa thế đó, nơi này trước kia được vua Đinh chọn làm căn cứ quân sự, trấn giữ phía Nam kinh thành Hoa Lư. Tương truyền, khi Đinh Tiên Hoàng băng hà, bảy vị trung thần lo việc tang. Họ đúc 100 quan tài đồng và mang đi chôn cất. Sau đó họ cùng nhau tuần tiết bằng rượu độc, mang theo bí mật về 100 chiếc quan tài để mãi sau không ai có thể biết đầu là mộ thật của vua Đinh. Có một vị Đinh công tiết chế trấn giữ Nam thành thương tiếc bảy vị trung quân, đã trồng một cây thị để tưởng nhớ.

Cây thị ngàn tuổi này có bộ rễ không lồ, hàng năm cho rất nhiều quả. Đặc biệt quả thị mang hai hình dáng khác nhau: quả to tròn có hạt và quả dẹp không hạt. Quả dẹp luôn được dùng để dâng cúng trên bàn thờ bảy vị quan vì tươi và thơm rất lâu...

Sau khi thăm hang Khống (dài 60 m), chúng tôi vào hang Trần và hang Quy Hậu. Hang Trần dài khoảng 200m và hang Quy Hậu dài khoảng 100m. Qua hai hang này kết thúc cuộc hành trình hơn 3 giờ thăm hang động Tràng An.

Một ngày về thăm Tràng An. Đây là quần thể núi đá, hang động xuyên thủy ở Ninh Bình, nằm trên vùng diện tích khoảng hơn 1.000 ha; phong cảnh non nước hữu tình, được ví như một Hạ Long thứ hai. Mấy năm gần đây, Khu du lịch sinh thái Tràng An được đưa vào thành điểm tham quan phục vụ du khách, được mệnh danh là “Hạ Long cạn”.

Đến với Tràng An thật thú vị bởi hành trình tham quan bằng thuyền chèo tay qua chín hang động (chừng 5km), vừa đi vừa hò chèo thuyền, tự do chiêm ngưỡng phong cảnh sơn thủy hữu tình, du khách sẽ được nếm trải cảm giác hồi hộp khi thuyền tiến vào lòng hang sâu thẳm; chiêm ngưỡng hình thù kỳ lạ của những nhũ đá trong hang và tha hồ trải hồn vào mộng tưởng cùng cá lượn, chim bay... ■



Lời cảm ơn cuộc sống

Chieu thứ Năm tuần trước, tôi vào khu chung cư Bình Lợi trên đường Nơ Trang Long nối dài rồi đến một quán cà-phê ven đường ngồi chờ bạn. Đường vắng, thỉnh thoảng mới có một chiếc xe chậm chậm chạy qua và một số người mặc quần áo thể dục đi bộ qua những con phố trở ngang trở dọc khắp khu này. Trên đường có ba em nhỏ lượn tới lượn lui trên ba chiếc xe đạp, cười đùa ầm ĩ. Đang ngồi, tôi bỗng nghe có tiếng loảng xoảng. Ngẩng lên nhìn về phía tiếng động thì thấy một em nhỏ đã tông vào một người phụ nữ đang chạy xe đạp trên xe có treo những gói bịch lủng lẳng. Cả hai chiếc xe đều ngã trên mặt đường. Người phụ nữ, rõ ra là một người bán hàng rong, đang lồm cồm ngồi dậy, hàng hóa trên xe văng tung tóe. Đứa bé cũng vừa đứng được chiếc xe lên, đứng ngẩn tò te! Tôi định bước ra giúp người bán hàng rong nhặt nhanh hàng hóa thì thấy một người phụ nữ đi bộ trở tới, la đứa nhỏ, “Em phụ lượm lại mấy cái bịch này cho người ta đi chó! Chạy xe mà không chịu ngó, đụng vào người ta rồi đứng trơ ra đó à?”. Thằng bé nghe vậy vội chạy tới nhặt hàng hóa lên. Người đi bộ cũng cúi xuống nhặt giúp. Sau khi gom lại hàng hóa, nhìn những bịch bánh phồng tôm bị nát vụn, những bịch đậu phụng rang bị xổ ra, người bán hàng rong tần ngần! Người đi bộ thấy vậy, nói, “Thôi, cũng lỡ rồi. Để tôi phụ chị ít tiền”. Nói xong, người ấy lấy từ cái bóp đeo quanh thắt lưng mấy tờ giấy bạc đưa cho người bán hàng rong. Chị ta nhận tiền, lí nhí cảm ơn rồi lên xe đi tiếp. Người đi bộ quay lại bảo đứa nhỏ, “Chạy xe phải biết coi chừng, đừng gây tai nạn” rồi lại tiếp tục cuộc đi bộ. Tôi thấy cách giải quyết của người phụ nữ đi bộ rất dứt khoát và đầy tình người; người bán hàng rong cũng biết kềm chế, không lu loa, lặng lẽ thu xếp việc của mình, và khi được giúp đỡ, cũng thể hiện vẻ biết ơn. Đứa bé cũng ngoan ngoãn nghe lời người lớn. Xin cảm ơn đời khi cuộc sống quanh ta vẫn còn những nét đáng yêu.

Trần Văn Lượng, Bình Thạnh, TP.HCM

Con trai tôi năm nay học lớp Tám. Đầu hè, tôi dẫn cháu ra khu bán sách cũ ở đường Trần Nhân Tông định mua cho cháu vài quyển sách giáo khoa Toán và Anh văn để cháu biết trước chương trình học; nhưng đi khắp các cửa hàng, người ta không ai bán sách lẻ mà chỉ gom thành từng bộ để gửi về tỉnh. Tôi cũng định mua cả một bộ nhưng giá tiền bộ sách cũ mà cũng hơn một nửa giá tiền

bộ sách mới nên còn băn khoăn. Tình cờ làm sao, tại một tiệm sách, cũng có một người mẹ dẫn con đi bán một bộ sách giáo khoa lớp Tám nhưng người chủ tiệm chỉ trả tới giá hai chục ngàn đồng, vì thế hai mẹ con cũng không chịu bán. Biết con tôi muốn mua sách giáo khoa lớp Tám, bà ấy bảo với con mình là hãy tặng lại cho con tôi. Thế rồi hai mẹ con bà ấy nháy mẹ con tôi ra ngoài và hai đứa trẻ giao nhận sách với nhau.

Cầm bộ sách trên tay, con trai tôi ấp a ấp úng chưa nói được lời nào thì hai mẹ con người tặng sách đã lên xe chạy đi, đứa bé ngồi sau gió tay vẩy vẩy con tôi còn đang đứng ngẩn ngơ trên đường bên cạnh tôi. Kể lại chuyện này,

tôi xin cảm ơn tấm lòng của hai mẹ con người đã tặng sách giáo khoa lớp Tám cho con tôi.

Nguyễn Thị Tuyết Mai, quận 5, TP.HCM



Ai cần khám tim?

Biết được con tim còn khỏe hay đã thấm mệt là chuyện vô cùng cần thiết để kịp thời đối phó với bệnh tim mạch. Biết vậy nhưng nhiều người vẫn ngại gõ cửa thầy thuốc, phần vì vất vả mỗi lần khám bệnh, phần vì thấy mình vẫn khỏe. Thấy vậy nhưng không phải vậy! Cho dù chưa mệt cũng nên đến thầy thuốc, nếu thực hiện bảng trắc nghiệm dưới đây mà vùng về thể nào cũng nên đủ điểm.

1. Huyết áp của bạn trong 6 tháng vừa qua thường cao hơn trị số 140/90mmHg? (2 điểm)
2. Hàm lượng mỡ máu LDL - Cholesterin của bạn trong 6 tháng gần đây cao hơn 200mg/dl? (2 điểm)
3. Hàm lượng mỡ máu HDL - Cholesterin của bạn trong 6 tháng gần đây thấp hơn 30mg/dl? (2 điểm)
4. Trị số acid uric trong máu của bạn trong 3 tháng gần đây cao hơn 6,5mg/dl? (2 điểm)
5. Bạn đang hút thuốc:
 - Ít hơn 20 điếu mỗi ngày (1 điểm)
 - Nhiều hơn 20 điếu mỗi ngày (2 điểm)
6. Trọng lượng của bạn thuộc nhóm:
 - Dư cân (1 điểm)
 - Béo phì (2 điểm)
7. Mạch của bạn trong lúc không vận động thường trong khoảng:
 - 80 đến 90 điểm (1 điểm)
 - Nhanh hơn 90 điểm (2 điểm)
8. Lượng đường trong máu của bạn lúc đói bụng:
 - Trong khoảng 100 – 120mg/dl (1 điểm)
 - Cao hơn 120mg/dl (2 điểm)

9. Bạn ít khi chơi thể thao và thường ngồi nhiều khi làm việc (2 điểm)

10. Bạn có thói quen:

- Ít ăn rau quả (1 điểm)
- Không uống trà (2 điểm)

11. Bạn đang dùng thuốc ngừa thai hay thường dùng thuốc giảm đau (2 điểm)

12. Bạn phải làm việc dưới áp lực của thời gian (2 điểm)

13. Bạn có thân nhân trực hệ đã bị nhồi máu cơ tim hay tai biến mạch máu não trước tuổi 65 (2 điểm)

14. Bạn ít khi dùng thuốc sinh tố và khoáng tố có công năng hỗ trợ hệ tim mạch như acid folic, B6, C, E, tiền sinh tố A, magnesium... (2 điểm)

15. Bạn không ăn cá biển đến 2 lần trong tuần (2 điểm)

16. Bạn thuộc lứa tuổi:

- Trong khoảng 30-40 (1 điểm)
- Trên 40 (2 điểm)

17. Bạn đã từng có cảm giác đau nhói trong lồng ngực khi gắng sức (2 điểm)

18. Bạn hay bị hụt hơi khi lên cầu thang (điểm)

■ **Nếu dưới 4 điểm:** Thành thật chúc mừng vì không dễ gì có số điểm như thế trong cuộc sống căng thẳng hiện nay.

■ **Nếu 4 - 9 điểm:** Cho dù chưa có triệu chứng bệnh lý rõ ràng nhưng trái tim của bạn đang ngấp nghé trước ngưỡng cửa bệnh viện. Bạn nên dựa vào các câu đã “ăn điểm” để điều chỉnh nếp sinh hoạt, càng sớm càng tốt. Sau đó vài tháng nên lập lại bảng trắc nghiệm để so sánh trước sau.

■ **Trên 10 điểm:**

Trái tim của bạn đang bị đe dọa nặng nề. Cần nhanh chân đến thầy thuốc. Đừng khoan tay ngồi chờ xe cấp cứu. Cần mạnh dạn giảm cân nếu béo phì. Đi bộ nhiều hơn thay vì bó gối chờ ngày... nhập viện!

Tim có khả năng bù trừ rất cao, nhưng một khi trái tim mất khả năng phục hồi thì bệnh tim hầu như khó chữa. Đừng hững hờ với trái tim khi con tim chưa muốn bỏ rơi gia chủ.

BS.Lương Lễ Hoàng

Trung tâm Điều trị oxy cao áp TP.HCM
(Nguồn: Báo Sài Gòn Giải Phóng)



Đang phát hành

VĂN HÓA

P HẬT G I Á O

đóng bộ **Tập 1 năm 2013**
từ số 168 đến số 179
giá: **210.000đ/cuốn**



Bạn đọc có nhu cầu liên hệ:
Tòa soạn Tạp chí **VĂN HÓA PHẬT GIÁO**
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3, TP.HCM

Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo vừa đóng lại toàn tập (tập 1 + tập 2)

2008 (2 tập): 340.000VNĐ	2010 (2 tập): 380.000VNĐ
2009 (2 tập): 360.000VNĐ	2011 (2 tập): 420.000VNĐ
2012 (2 tập): 420.000VNĐ	



Nhà hàng chay HOA KHAI

*Khung cảnh thoáng mát, lịch sự, sang trọng
Phục vụ điểm tâm, cà phê, nước giải khát...
Nhiều món chay thuần khiết từ cao cấp đến bình dân
Nhận đặt tiệc chay: cưới hỏi, sinh nhật, họp mặt liên hoan*

Số 124-126 Nguyễn Cư Trinh, Q.1, TP.HCM
ĐT: (08) 36 021 025 – Email: veg.hoakhai@gmail.com



- Ngọc Thạch anh (Quartz crystal)
- Ngọc Mã não xanh Ấn Độ (green Agate)
- Ngọc Bích Phật Ngọc (Nephrite Jade)
- Gỗ hóa thạch ngọc (Fossil Wood)
- Chuyên: chuỗi - tràng hạt, tượng Phật - Linh vật điêu khắc từ đá bán quý - trang sức đá quý.

100% hàng THIÊN NHIÊN (có giám định Viện Địa Chất Đá Quý)

Sản phẩm Ngọc của COASTAL GEMS được bán tại:

* Showroom COASTAL GEMS:

86 Nguyễn Hồng Đào, P.14, Q.Tân Bình, TP.HCM
Tel: 08. 62784225 - 22465169

* Gian hàng COASTAL GEMS:

Siêu thị Citimart tòa nhà Etown - Cổng 6
364 Cộng Hòa, P.13, Q.Tân Bình, TP.HCM
Tel: 08. 22174726

Hand-phone: 0938 849 886 - 01228 986 668 (Mr. Duy Pham)

* Website bán hàng online:

www.daphongthuy.com.vn
www.coastalgems.com.vn
www.ngocbichvn.com

viet-art

HỌA PHẨM : LOUVRE, LEFRANC, LIQUITEX, CONTÉ À PARIS
GIẤY HỒI HỌA: CANSON, MONTVAL, MI-TEINTES, FIGUERAS

Địa chỉ: 158/29 Nguyễn Văn Đậu, P.7, Q. Bình Thạnh, TP. HCM

ĐT: 84-8-3551 1942 - Fax: 84-8-3510 8212

Email: vietartsupply@gmail.com

Thiên đường du lịch của Việt Nam!



Lựa chọn số một cho kỳ nghỉ 5-sao của gia đình bạn!

Chỉ mất vài phút đi từ thành phố Nha Trang - một trong những địa điểm du lịch hàng đầu Việt Nam, bạn sẽ đắm mình giữa thiên nhiên miền nhiệt đới và bờ biển hoang sơ của đảo Hòn Tre thơ mộng. Với vẻ đẹp tự nhiên, khung cảnh nên thơ và đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp, bạn sẽ có được những trải nghiệm thư giãn chưa từng có. Hãy đến với Vinpearl Resort Nha Trang và tận hưởng kỳ nghỉ đẳng cấp cùng gia đình bạn.

VINPEARL RESORT NHA TRANG

Đảo Hòn Tre, Nha Trang, Khánh Hòa, Việt Nam

Điện thoại: +84 58 3598 188 - Fax: +84 58 3598 199

info@vinpearlresort-nhatrang.com - www.vinpearlresort-nhatrang.com


Vinpearl Resort
NHA TRANG



XUỞNG ĐIÊU KHẮC ĐÁ MỸ NGHỆ MỸ HẢO

Chuyên điêu khắc đá:

- **Tượng Phật giáo:** Các tôn tượng Phật Thích Ca, Phật Di Lặc, Phật Dược Sư, Quán Thế Âm Bồ-tát, 18 vị La Hán, Đạt Ma Tổ sư và phù điêu Phật giáo...
- **Trang trí sân vườn:** Tiểu cảnh, bàn ghế, đèn vườn, đài phun nước...
- **Sản phẩm khác:** Tượng Phúc Lộc Thọ, tượng Chăm, tượng thú, tượng chân dung...

Vui lòng liên hệ: Nghệ nhân Nguyễn Đức Thìn,

225, tổ 6, ấp Thiên Bình, xã Tam Phước, Long Thành, Đồng Nai.

ĐT: 098.9212189 – Email: dieukhacdamyhao@gmail.com

Website: www.tuongdamyhao.com



DHARMA GARDEN
website: www.phapuyen.com – email: lienhe@phapuyen.com



NHÀ SÁCH - DHARMA BOOKS

Email: nhasach@phapuyen.com

QUÁN CHAY - DHARMA FOODS

Email: quanchay@phapuyen.com

- 1 17/4 Nguyễn Huy Tưởng, P.6 Bình Thạnh, TP.HCM
ĐT: (08) 35 035 579 – 0933 878 956
- 2 72/1B Lâm Văn Bền, Tân Thuận Tây, Q.7, TP.HCM
ĐT: (08) 36 026 650 – 0919 190 177

17/2 Nguyễn Huy Tưởng, P.6 Bình Thạnh, TP.HCM
ĐT: (08) 36 026 818 – 0916 943 877

phát hành: kinh sách, tạp chí, tranh tượng, trà cụ, quả lưu niệm, pháp phục Tăng Ni, cư sĩ...

ăn phẩm: trình bày & thiết kế, liên kết xuất bản, ăn tổng
y phục: nhận may pháp phục và đồng phục



CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN TIẾP VẬN QUỐC TẾ



Tầng 5 tòa nhà Cảng Sài Gòn

3 Nguyễn Tất Thành, P.12, Q.4, TP.HCM. Tel: 0917171948 – 0938734035

“Chuyên giao-nhận hàng hóa, VHP và tranh tượng Phật giáo quốc tế”



Chân thành cảm ơn Quý khách đã ủng hộ sản phẩm
Nến Quang Nghệ trong suốt thời gian qua

NGÔ HUỆ PHƯƠNG - ĐB: 0989 183 398

- Cung cấp nguyên vật liệu dùng trong sản xuất nến: Hương liệu, dầu parafill, sáp, rau câu, ly thủy tinh, tem, tím đèn...
- Chuyên sản xuất các loại sáp nến thơm nghệ thuật, nến ly cao cấp... Nhận đơn đặt hàng theo yêu cầu của quý khách.

Đặc biệt: Có giá ưu đãi đặc biệt đối với quý khách mua số lượng nhiều.

Cần tìm đại lý ở các chùa, tỉnh thành trong cả nước

Nhà xưởng: 205B/28 Âu Cơ, P.5, Q.11, TP.HCM

Điện thoại: (08) 62738.228 - 38656.506 - Fax: (08) 3865.6506

Email: quangnghecandle@yahoo.com.vn

Website: www.quangnghecandle.com

CÔNG TY TNHH SÀI GÒN PHÚ KIM
Chuyên thiết kế sản xuất cung cấp si và lư:

- Móc khóa, quả lưu niệm
- Quả tặng Phật giáo các loại.

ĐT: 094 696 7466
(08) 3880 9766

Email: saigonphukim@gmail.com - Website: www.sgpk360.com

THÔNG BÁO

Trân trọng kính mời chư tôn đức Tăng Ni, Phật tử, doanh nhân và độc giả trong và ngoài nước. Tham gia đọc, viết, cổ động phát hành báo, đăng quảng cáo và viết PR giới thiệu hoạt động từ thiện, quảng bá các sản phẩm và hoạt động của doanh nghiệp, công ty, nhà hàng chay, quán chay, của hàng... trên tạp chí *Văn Hóa Phật Giáo*.

Tạp chí được phát hành vào ngày 1 và 15 hàng tháng trên toàn quốc và nước ngoài.

1- Giá báo phát hành:

- Trọn năm 2013: **580.000đ** (đã CK 5%)
- 6 tháng đầu năm: **304.000đ**
- 6 tháng cuối năm: **304.000đ**

2- Giá đăng quảng cáo và viết PR:

- Trang bìa 4: 10.000.000đ
- Trang bìa 3: 6.000.000đ
- 1/2 trang bìa 3: 3.000.000đ
- Trang ruột 4 màu: 5.000.000đ
- 1/4 trang ruột 4 màu: 1.000.000đ
- 1/8 trang ruột 4 màu: 500.000đ

Đăng quảng cáo dài hạn sẽ có giá ưu đãi và nếu được yêu cầu, chúng tôi sẽ giúp việc thiết kế mẫu quảng cáo và viết bài, chụp ảnh.

Thời gian giao nhận file quảng cáo: ngày 7 và 22 trong tháng.

Vui lòng liên hệ:

Tòa soạn Tạp chí VHPG, 294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3, TP.HCM. Điện thoại (84-8) 3 8484 335 – 0907164066 – 0918032040 – 0913810082.

Email: vanhoaphatgiaovnn.vn

Tạp chí VĂN HÓA PHẬT GIÁO



NHÀ SÁCH VĂN THÀNH

Số mới: 411 Hoàng Sa – Phường 8 – Quận 3 – TP.HCM
(Số cũ: 60/116 Lý Chính Thắng – P.8 – Q.3 – TP.HCM)

Tel: 08.38482028

Phật giáo truyền vào Trung Quốc từ đời Hậu Hán... mãi tới đời Tùy, nhất là đời Đường (618 - 906), có nhiều cao tăng xuất hiện... Vị cao tăng có công nhất là Huyền Trang.

Trong thời gian đến Tây Trúc ở lại hơn 5 năm tại chùa NalanĐa, một ngôi chùa lớn nhất, đẹp nhất và cũng là một trường đại học cổ nhất (Làm môn đệ của Luận sư Giới Hiền)... Ông học hết bộ *Luận Du Già Sư Địa* và một số bộ luận nổi tiếng khác.

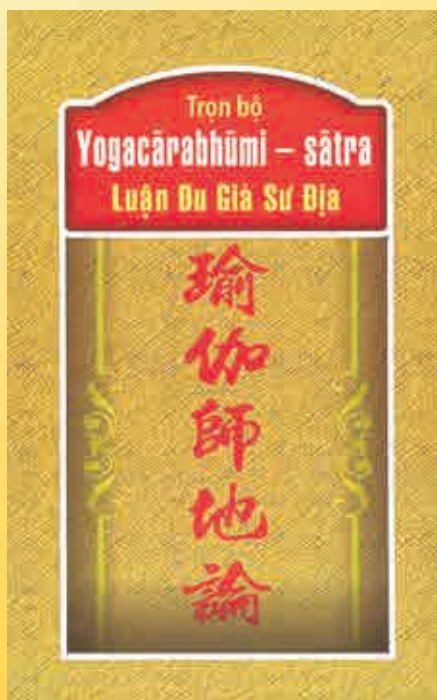
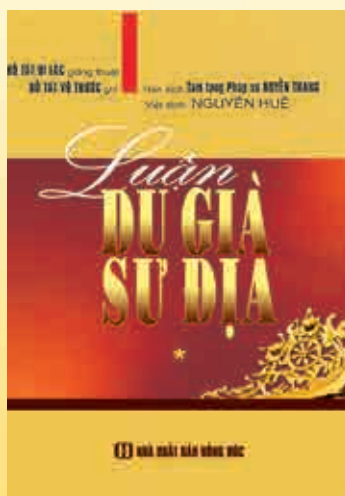
Năm 645, ông về tới Trường An, sau khi xa quê 16 năm, đi gần 30.000 ngàn cây số, qua 128 nước, đem về được 657 bộ Kinh, Luận không kể nhiều vật quý khác. Mới về nước được hơn 1 tháng, ông bắt đầu ngay vào công việc dịch kinh đại quy mô và mãi miết làm luôn 19 năm cho tới khi viên tịch... Ông dịch những bộ Kinh, Luận khó nhất và chỉ huy dịch những bộ Kinh, Luận khác. Tới năm 663, ông dịch được hơn 600 quyển trong đó có bộ luận vĩ đại này.

Công việc dịch Kinh của ông chẳng những làm cho đạo Phật phát triển

manh ở Đông Á mà còn tạo ảnh hưởng lớn đến ngôn ngữ và văn học Trung Hoa, Ngài tịch năm 664.

(Nguyễn Hiến Lê, *Sử Trung Quốc*, Tập 1, 1997, trang 330 - 333)

Luận Du Già Sư Địa (Phạn: Yogacārabhūmi - sūtra), tác giả là Bồ-tát Di Lặc (Maitreya) thuyết giảng, Đại sĩ Vô Trước (Asaṅga) ghi chép, Hán dịch là Pháp sư Huyền Tráng (602 - 664), gồm 100 quyển (ĐTK/ĐCTT, Tập 30, N° 1579, trang 279 - 882A). Đây là một trong ba bộ Luận thuộc loại đồ sở bậc nhất hiện có trong Hán tạng. Ấn bản tiếng Việt trên 3.000 trang chia thành 4 tập có hộp cứng in ấn rất công phu. Đây là một trong những tác phẩm căn bản nhất của tông Duy Thức - Pháp Tướng, là một trong các bộ Luận nổi tiếng nhất của Phật giáo Bắc truyền thuyết minh quảng diễn rất đầy đủ về Địa Bồ-tát, với những quá trình nhận thức, hành trì, tu tập chứng đắc đạo quả Bồ-đề vô thượng của Bồ-tát Đại thừa.



CHI NHÁNH QUẬN 9

Nhà số 14, Đường số 8, P. Phước Bình, Quận 9, TP.HCM. ĐT: 728 0174 - DD: 0909.093.106

Nhà sách chúng tôi có dịch vụ chuyên tư vấn về xuất bản, in ấn, lo mọi thủ tục giấy phép và thực hiện chế bản các thể loại kinh sách văn hóa phẩm Phật giáo bằng chữ Hán, Pali và Sanskrit.

Đón đọc

VĂN HÓA

P HẬT G I Á O

Số 189

Phát hành ngày 15 - 11 - 2013

CÁC ĐỊA ĐIỂM PHÁT HÀNH:

HÀ NỘI

Nhà hàng cơm chay – trà đạo
Bồ Đề Tâm
89B Nguyễn Khuyến, Quận Đống Đa
68 Phạm Huy Thông, Quận Ba Đình
Hà Nội
ĐT: 0929398189 - 0912882255

Cửa hàng sách Hồng Vân
74 Quán Sứ, Hà Nội
ĐT: 0913 017 920

Cửa hàng Chân Tịnh 1
Chuyên viên Phòng Tổng hợp
Trường Đại học Kiến trúc
Km 10, đường Nguyễn Trãi,
Quận Thanh Xuân, Hà Nội
Liên hệ: Bà Nguyễn Thị Xuân
ĐT: 0904 990 666

Cửa hàng Chân Tịnh 2
A38 TT8 khu đô thị Văn Quán,
Hà Đông - Hà Nội
Liên hệ: Bà Nguyễn Thị Xuân
ĐT: 0938 071 188

QUẢNG BÌNH

Cô Nguyễn Phước
Phòng phát hành Hoa Ưu Đàm
226 Trần Hưng Đạo, TP. Đồng Hới - QB
ĐT: 0917 703 325

THỪA THIÊN-HUẾ

Anh Trần Văn Tỷ
Tuệ Tĩnh đường Hải Đức
182 Phan Bội Châu, TP. Huế
ĐT: 0905 168 411

ĐÀ NẴNG

Chị Thủy, 200 Tô Hiến Thành,
Q. Sơn Trà - TP. Đà Nẵng
ĐT: 0905 278 527

Thượng tọa Thích Từ Nghiêm,
chùa Phổ Đà
340 Phan Chu Trinh, TP. Đà Nẵng
ĐT: 0914 018 093

Phòng Kinh sách chùa Pháp Lâm
(Thành hội Phật giáo Đà Nẵng)
500 Ông Ích Khiêm, TP. Đà Nẵng
ĐT: 05113873128

Cửa hàng Thanh Nhã
124 Lê Đình Dương, TP. Đà Nẵng
ĐT: 05113565021
(Chị Ty)

QUẢNG NGÃI

Phòng phát hành
Văn hóa phẩm Phật giáo
334 Trần Hưng Đạo, TP. Quảng Ngãi
ĐT: 055 2221 819 - 0905 427 211
(chị Linh)

BÌNH ĐỊNH

Chị Hoàng
Phòng phát hành Hiền Nam
3 Trần Thị Kỳ, TP. Quy Nhơn
ĐT: 0935 272 261

Anh Hùng
Thư quán chùa Long Khánh
141 Trần Cao Vân, TP. Quy Nhơn
ĐT: 0987 219 374

KHÁNH HÒA

Chị Hương,
Thư quán Hy Mã Lạp Sơn, chùa Long Sơn
số 20 đường 23 tháng 10,
TP. Nha Trang
ĐT: 058 2241 868 – 0168 2552 374

NINH THUẬN

Sư cô Mỹ Đức, Ban Văn hóa Ninh Thuận,
chùa Diệu Nghiêm, số 54 đường 21 tháng 8,
Phan Rang. Ninh Thuận. ĐT: 068 3820 806

ĐAKLAK

Thầy Thích Nguyễn Huân,
chùa Sắc tứ Khải Đoan, 117 Phan Bội Châu,
TP. Buôn Ma Thuột
ĐT: 0500 3853837 – 0913 434 138

LÂM ĐỒNG

Thầy Thích Minh Tuệ
90B/32 Vạn Hạnh P.8, TP. Đà Lạt
ĐT: 063 3552 922

Phòng phát hành chùa Phước Huệ
697 Trần Phú, TP. Bảo Lộc
ĐT: 0169 8287 177
(Cô Hương)

BÀ RỊA-VŨNG TÀU

Cô Vân, chùa Từ Quang
102 Hạ Long, P.1, TP. Vũng Tàu
Bà Rịa-Vũng Tàu
ĐT: 064 3856 415

Tịnh Thất Long Thiên
Núi Dinh, xã Hội Bài, huyện Tân Thành,
Bà Rịa-Vũng Tàu
LH: Sư cô Liên Đức. ĐT: 0643 941 099

SÓC TRĂNG

Đại đức Thích Trung Hữu
22 Ngô Gia Tự, Sóc Trăng
ĐT: 0907 465 073

CẦN THƠ

Chị Tâm, Phòng phát hành
128 Nguyễn An Ninh, Q. Ninh Kiều,
ĐT: 0939282636

Thầy Thích Minh Thông,
chùa Phật Học, 11 Đại lộ Hòa Bình,
TP. Cần Thơ
ĐT: 0918800707 – 07103827685

TIỀN GIANG

Ni sư Tịnh Nghiêm, chùa Tịnh Nghiêm
145 ấp Mỹ An, xã Mỹ Song,
TP. Mỹ Tho
ĐT: 0733.874.469 – 0913.601.656

Đại lý Mây Hồng, 57 Lý Thường Kiệt
TP. Mỹ Tho
ĐT: 0733.877.054

VĨNH LONG

Nhà sách Khánh Tường
135B đường 2 tháng 9, P.1
thị xã Vĩnh Long
ĐT: 070. 834 653 – 070. 834 654
(Chú Tư Nở)

TP. HỒ CHÍ MINH

Tại tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. 8, Q. 3
ĐT: 38.484.335

VĂN HÓA PHẬT GIÁO đã có mặt tại các phòng phát hành Kinh sách
và các sạp báo trong thành phố.

Giá: 19.000 đồng

PHÁT HÀNH VÀO NGÀY 1 VÀ 15 HÀNG THÁNG